



PETROLIMEX

KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI
VỮNG BƯỚC TIÊN PH➔**NG**



BÁO CÁO | 2018
THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

01



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

10	Thông tin chung
12	Quá trình hình thành và phát triển
14	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
16	Tầm nhìn - Sứ mệnh
18	Giá trị cốt lõi
21	Giải thưởng tiêu biểu
22	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
26	Định hướng phát triển
38	Các rủi ro

02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

48	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
50	Ban Điều hành
52	Tổ chức và nhân sự
54	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
56	Tình hình tài chính hợp nhất toàn Tập đoàn
58	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

03



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

62	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
86	Tình hình tài chính
89	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
90	Kế hoạch dự kiến năm 2019

04



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

96	Đánh giá về các mặt hoạt động của Petrolimex
97	Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành
98	Hoạt động của HĐQT trong năm 2018
99	Các kế hoạch định hướng của HĐQT

05



QUẢN TRỊ CÔNG TY

102	Hội đồng Quản trị
106	Ban Kiểm soát
107	Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
114	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

\$
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
5.043
TỶ ĐỒNG



“

Petrolimex sẽ tiếp tục giữ vai trò trọng yếu trong việc phát triển thị trường xăng dầu Việt Nam, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững.

Thưa Quý vị Cổ đông,

Trải qua suốt chặng đường hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) luôn giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm cung ứng đầy đủ và kịp thời các chủng loại xăng dầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an ninh quốc phòng và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Sau khi cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế đa sở hữu, Petrolimex tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong phát triển mạng lưới với hơn 2.500 cửa hàng xăng dầu trực thuộc sở hữu và gần 3.000 đại lý trải dài khắp 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, đem đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ chuyên nghiệp. Có thể nói, với lộ trình tái cấu trúc của Petrolimex thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ, đến ngày hôm nay, Petrolimex đã trở thành Tập đoàn lớn mạnh, bền vững về tài chính, hình thành hệ thống kinh doanh với 43 Công ty xăng dầu thành viên, 06 Tổng Công ty hoạt động hiệu quả theo các nhóm ngành nghề đặc thù, phục vụ cho lĩnh vực xăng dầu và hệ thống các công ty con, công ty liên kết ở trong và ngoài nước như những cánh tay nối dài của Petrolimex trong một số lĩnh vực kinh doanh tại thị trường nội địa cũng như trên thị trường quốc tế.

Năm 2017 đã đánh dấu bước chuyển mình mới của Petrolimex khi chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là **PLX** và trở thành một trong những doanh nghiệp có vốn hóa lớn nhất thị trường; được HOSE lựa chọn đưa vào danh mục VN30 - bao gồm những doanh nghiệp lớn, trụ cột của nền kinh tế. Trong hai năm 2017, 2018, Petrolimex cũng liên tiếp được Tạp chí Forbes vinh danh trong **“Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam”**, được xếp hạng **quán quân về doanh thu** trên thị trường chứng khoán với doanh thu đạt gần 7 tỷ USD/năm, lọt vào danh sách **“40 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam”**.

Việc trở thành một Công ty đại chúng quy mô lớn, niêm yết trên thị trường chứng khoán với cơ cấu cổ đông đa dạng, trong đó gồm rất nhiều các quỹ đầu tư, tổ chức tài chính lớn hàng đầu trên thế giới, đòi hỏi Petrolimex phải đáp ứng được các yêu cầu về quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế; minh bạch hóa, công khai hóa trong quản trị và công bố thông tin. Petrolimex tự hào là một trong số ít các Tập đoàn Nhà nước sớm theo đuổi minh bạch hóa và thắt chặt quản trị với việc xây dựng một hệ thống chặt chẽ mang tính chất xuyên suốt từ trên xuống dưới và có tính tập trung cao độ. Petrolimex cũng đã tự động hóa mạng lưới của mình ở hầu hết các thành phố lớn. Bên cạnh việc tổ chức thay đổi vật chất kỹ thuật là thay đổi phương pháp quản trị theo mô hình tiên tiến,

áp dụng hệ thống phòng ngừa rủi ro và tính toán hiệu quả, bảo đảm hiệu quả lợi nhuận đồng vốn của cổ đông.

Petrolimex cũng là một trong số ít các doanh nghiệp niêm yết triển khai xây dựng “Báo cáo phát triển bền vững” theo tiêu chuẩn GRI (tiêu chuẩn lập báo cáo phát triển bền vững đang được sử dụng trên toàn thế giới) mặc dù Tập đoàn chỉ mới niêm yết trên sàn được hơn một năm. Điều này thể hiện ý chí rất cao của Ban lãnh đạo Petrolimex trong việc hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế, góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư, đặc biệt các tổ chức quốc tế khi mà việc công bố các thông tin phi tài chính từ doanh nghiệp được cung cấp minh bạch, đầy đủ, khẳng định tính bền vững và hiệu quả của doanh nghiệp mà họ đang hoặc sẽ đầu tư.

Trong giai đoạn mới sắp tới, Petrolimex sẽ tiếp tục giữ vai trò trọng yếu trong việc phát triển thị trường xăng dầu Việt Nam, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững. Bên cạnh lĩnh vực hạ nguồn, Petrolimex sẽ đầu tư mạnh vào các hoạt động lọc dầu, hóa dầu và các lĩnh vực thượng nguồn trong ngành dầu khí, đổi mới phương thức kinh doanh, tập trung nguồn lực cho phát triển, nâng cao chất lượng toàn diện của doanh nghiệp. Petrolimex xác định chiến lược phát triển với nhiều động lực mới, cách thức mới, trong đó tăng cường đầu tư vào khoa học công nghệ, triển khai các dự án trọng điểm ứng dụng thành tựu của cách mạng 4.0, phát triển sang các sản phẩm kinh doanh mới có tiềm năng, hướng đến giai đoạn sau năm 2025, Petrolimex đảm bảo thực hành công nghệ tự động và nguồn hàng.

Hội đồng quản trị Tập đoàn tin tưởng rằng với bề dày truyền thống lịch sử của Petrolimex, với định hướng chiến lược kinh doanh đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, kế hoạch triển khai phù hợp, cùng với đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên tài năng, có ý chí và tinh thần trách nhiệm cao cộng với tinh thần quả cảm, khát vọng tiến lên, Petrolimex chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức để đạt được những thành tựu to lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới một Tập đoàn năng lực hàng đầu Việt Nam luôn tăng trưởng và phát triển bền vững, cung cấp tới người tiêu dùng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, thân thiện với môi trường, và được quốc tế luôn biết đến như là một đối tác tin cậy đầy tiềm năng thích ứng với sự phát triển của thời đại.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phạm Văn Thanh

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý vị,

Năm 2018, hoạt động SXKD của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Tập đoàn/ Petrolimex) được hỗ trợ bởi các yếu tố thuận lợi từ môi trường vĩ mô như: Kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định, GDP cả năm đạt 7,08% – mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây, Liên bộ Tài chính – Công thương tiếp tục theo sát diễn biến giá dầu thế giới để điều hành thị trường xăng dầu trong nước theo đúng Nghị định 83/2014/NĐ-CP, nguồn ngoại tệ dồi dào và tỷ giá biến động thấp hơn dự kiến... Bên cạnh đó, hoạt động của Tập đoàn cũng chịu tác động bởi một số yếu tố không thuận lợi như: cùng lúc Petrolimex phải tổ chức kinh doanh nhiều chủng loại sản phẩm, quy mô và mức độ cạnh tranh trên thị trường xăng dầu ngày càng gia tăng, giá dầu thế giới diễn biến dị biệt, đặc biệt là trong thời điểm cuối năm 2018.

Trong bối cảnh cơ hội đan xen cùng thách thức, song song với việc thực hiện tái cấu trúc và chuyển giao về trực thuộc CMSC, năm 2018 Tập đoàn đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ trên các phương diện sau đây:

- » Đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, trong năm không để xảy ra sự cố về PCCC, ATMT tại các công trình xăng dầu;
- » Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ 2018 giao:

- Tổng sản lượng xuất bán xăng dầu đạt gần 12,9 triệu m³, tấn, tăng gần 5% so với năm 2017, trong đó sản lượng bán nội địa cơ bản tăng trưởng theo đúng định hướng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 5.043 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm 2017.
- Doanh thu hợp nhất cao nhất trong 03 năm trở lại đây, đạt xấp xỉ mức 192 ngàn tỷ đồng, tăng 24,8% so với năm 2017 và vượt 21% so với kế hoạch.
- » Tổ chức thành công việc kinh doanh xăng E5Ron92, Diesel tiêu chuẩn Euro 5 và xăng Ron95 tiêu chuẩn Euro 4, góp phần triển khai thành công Quyết định 49/2011/QĐ-TTg và Quyết định 53/2012/QĐ-TTg của Chính phủ:
 - Xăng E5Ron92 đã được thay thế hoàn toàn xăng khoáng Ron92 trên toàn hệ thống và đạt gần 50% tổng sản lượng xăng tiêu thụ;
 - Là đầu mối duy nhất, tiên phong đưa vào lưu thông mặt hàng dầu Diesel tiêu chuẩn Euro5 bán tại hơn 1.700 CHXD với sản lượng chiếm hơn 40% tổng sản lượng Diesel tiêu thụ.
 - Là 1 trong 4 đầu mối kinh doanh xăng Ron95 tiêu chuẩn Euro 4 tại Việt Nam.
- » Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của Tập đoàn được củng cố và mở rộng: Đến 31/12/2018, toàn Tập đoàn đã đầu tư mới được 120 CHXD, hoàn thành 79 CHXD nâng tổng số cửa hàng thuộc sở hữu Tập đoàn lên gần 2.600 CH. Hệ thống kho bể, tuyến ống cũng như hệ thống công nghệ tại các kho bể được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tích hợp công nghệ 4.0;
- » Công tác quản trị không ngừng được nâng cao, đáp ứng các chuẩn mực của một công ty đại chúng quy mô lớn; Thương hiệu Petrolimex tiếp tục được khẳng định và phát triển;

Petrolimex đã và đang là Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh hạ nguồn xăng dầu, lấy kinh doanh xăng dầu làm trục chính để tạo điều kiện cho các ngành hàng khác phát triển. Trong những năm tiếp theo, Petrolimex định hướng sẽ tiếp tục duy trì và phát huy vị thế dẫn đầu này. Năm 2019, bên cạnh việc tổ chức SXKD đảm bảo hiệu quả, an toàn tuyệt đối trên tất cả các lĩnh vực ngành hàng, Petrolimex còn phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững. Ngoài ra, Petrolimex sẽ song song tổ chức cơ cấu lại từng lĩnh vực kinh doanh, từng đối tượng khách hàng; ưu tiên nguồn lực để phát triển hệ thống theo cả chiều sâu lẫn chiều rộng, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Tập đoàn. Do đó, Petrolimex sẽ tập trung nguồn lực và giải pháp để triển khai các mục tiêu quan trọng sau đây:

- » Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 mà Đại đồng cổ đông thường niên giao trên tất cả 6 lĩnh vực ngành hàng: xăng dầu, hóa dầu, gas, vận tải, dịch vụ xây lắp, ngân hàng - bảo hiểm;
- » rà soát bổ sung về quy hoạch nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật trong toàn ngành; tăng cường đầu tư về chiều sâu, coi trọng sự phát triển bền vững;
- » Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị trong toàn Petrolimex, khắc phục các vấn đề bất cập còn tồn đọng nhằm gia tăng hiệu quả quản lý, điều hành của Tập đoàn;

Bằng tinh thần trách nhiệm và sự tâm huyết, tận tình, Ban Điều hành cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2019 và những mục tiêu dài hạn cho giai đoạn phát triển tiếp theo trong tương lai;

Thay mặt Ban Điều hành, Tôi xin trân trọng cảm ơn Quý khách hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước, Quý cổ đông, Nhà đầu tư và các bên liên quan khác đã luôn vững tin và hỗ trợ Petrolimex. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị.

Tổng Giám đốc

Phạm Đức Thắng

6



01

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
Tên viết tắt	PETROLIMEX
Mã cổ phiếu	PLX
Giấy CNĐKDN số	0100107370
Vốn điều lệ	12.938.780.810.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.938.780.810.000 đồng
Địa chỉ	Số 1 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	(024) 3851 2603
Fax	(024) 3851 9203
Website	http://www.petrokimex.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ

12.938.780.810.000

ĐỒNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



01/1956

Tổng Công ty Xăng dầu mỡ sau đổi tên thành Tổng Công ty Xăng dầu được thành lập theo Nghị định số 09/BTN ngày 12/01/1956 của Bộ Thương nghiệp.



04/1995

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) được thành lập lại theo Quyết định số 224/TTg ngày 17/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ.



05/2011

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) được hình thành từ việc cổ phần hóa và cấu trúc lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ.



08/2012

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 2946/UBCK-QLPH ngày 17/8/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



12/2011

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 01/12/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107370.



07/2011

Tập đoàn tổ chức thành công phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài (IPO) ngày 28/7/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).



04/2016

Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 35/2017/GCNCP-VSD ngày 25/4/2016 và cấp mã chứng khoán là "PLX".



05/2016

Ngày 26/5/2016 Tập đoàn phát hành thành công cổ phần riêng lẻ cho Công ty TNHH Tư vấn và Holdings JX Nippon Oil & Energy Việt Nam, nâng vốn điều lệ từ 10.700 tỷ đồng lên 11.388 tỷ đồng (làm tròn số).



07/2016

Ngày 28/7/2016 Tập đoàn phát hành cổ phần ưu đãi hoàn lại cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% để nâng vốn điều lệ từ 11.388 tỷ đồng lên 12.938 tỷ đồng (làm tròn số).



04/2017

Ngày 21/4/2017, cổ phiếu Tập đoàn chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu PLX.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trong nước: Công ty hiện có hệ thống chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc tại 63/63 tỉnh/ thành phố trên cả nước

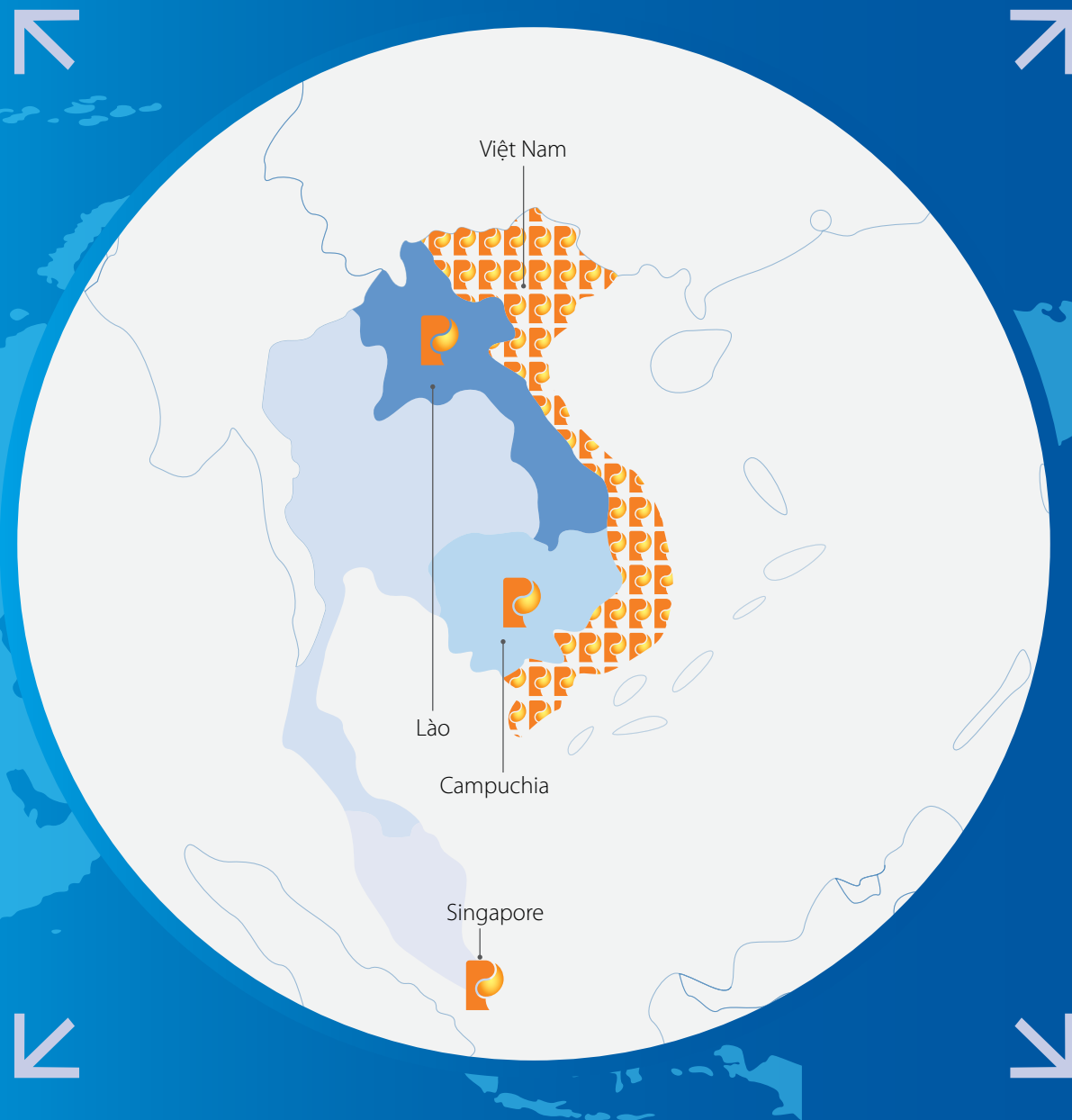
Nước ngoài:

- » Petrolimex Singapore
- » Petrolimex Lào
- » Văn phòng đại diện tại Campuchia

Có mặt tại

04

Quốc gia trên thế giới



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



NHIÊN LIỆU

Bán buôn xăng dầu, sản phẩm hóa dầu, nhiên liệu khí và các sản phẩm liên quan.



HỖ TRỢ VẬN TẢI

Cung cấp dịch vụ cho thuê tàu vận tải xăng dầu và các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác.



XĂNG DẦU

Kinh doanh xăng dầu: Sản xuất xăng dầu, kinh doanh phân phối xăng dầu, kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, áp dụng các công cụ, nghiệp vụ phái sinh phù hợp với thông lệ quốc tế để giao dịch, mua bán xăng dầu.



XÂY DỰNG

Cung cấp dịch vụ xây lắp, tu sửa, bảo quản các công trình xăng dầu, sản phẩm hóa dầu và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.



BÁN BUÔN

Thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành xăng dầu và các ngành khác.



DỊCH VỤ

Kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu; Kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu.

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH



Tầm nhìn

Giữ vững vị thế là một trong những Tập đoàn lớn nhất Việt Nam, đứng đầu về kinh doanh xăng dầu hạ nguồn; tiếp tục lấy xăng dầu làm trục chính trong hoạt động kinh doanh, mở rộng đầu tư phát triển sang các lĩnh vực khí hóa lỏng, lọc – hóa dầu, vận tải xăng dầu, xuất nhập khẩu, bảo hiểm,... trở thành 1 trong 10 doanh nghiệp hàng đầu cả nước về quy mô thị trường và hiệu quả kinh tế.



Sứ mệnh

Nâng cao giá trị cho cổ đông, mang lại lợi ích cho người lao động, cộng đồng; nâng cao giá trị cuộc sống; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU



ĐA DẠNG

Chúng ta đánh giá cao sự khác biệt và tính phong phú

DI SẢN

Tự hào là Việt Nam



NHÂN BẢN

Chúng ta đặt con người làm trọng tâm trong mọi hành động



PHÁT TRIỂN

Chúng ta không ngừng vươn lên và đổi mới để hoàn thiện



TÍNH CÁCH THƯƠNG HIỆU



NHIỆT HUYẾT

Chúng ta yêu thích những gì chúng ta đang làm

LẠC QUAN

Chúng ta luôn tin vào tương lai xán lạn



TRÁCH NHIỆM

Chúng ta quan tâm đến nhân viên, khách hàng, môi trường, và cộng đồng xung quanh



TIN CẬY

Chúng ta luôn “giữ lời”

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



TẬP THỂ TẬP ĐOÀN



TOP
50
CÔNG TY NIÊM YẾT
TỐT NHẤT VIỆT NAM
2018

TOP
40
THƯƠNG HIỆU
CÔNG TY GIÁ TRỊ NHẤT
NĂM 2018

- Top "50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" năm 2018
- Top "40 Thương hiệu Công ty Giá trị nhất" năm 2018
- Huân chương Độc lập Hạng Nhất năm 2015, 2016
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2009
- Huân chương Hồ Chí Minh năm 2006
- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2005
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2006
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2011, 2014
- TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



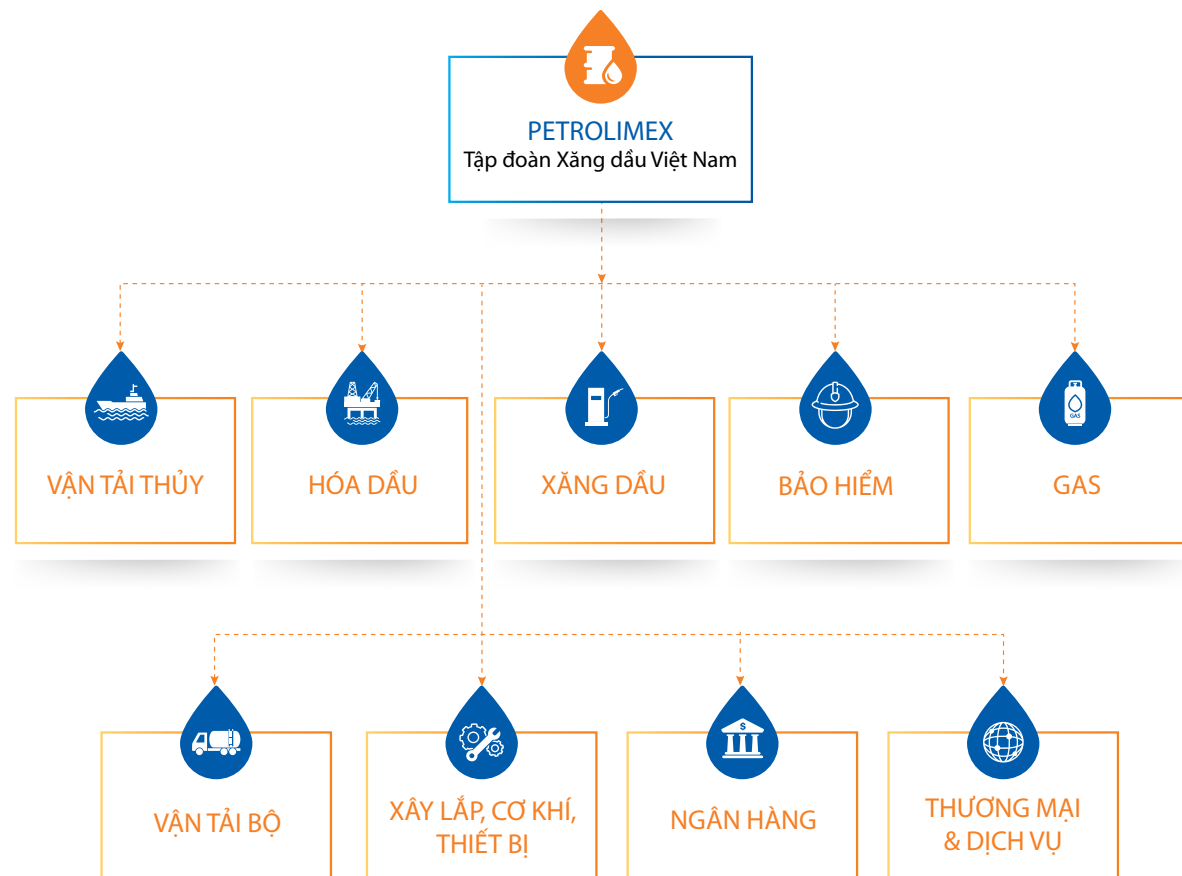
CÁ NHÂN



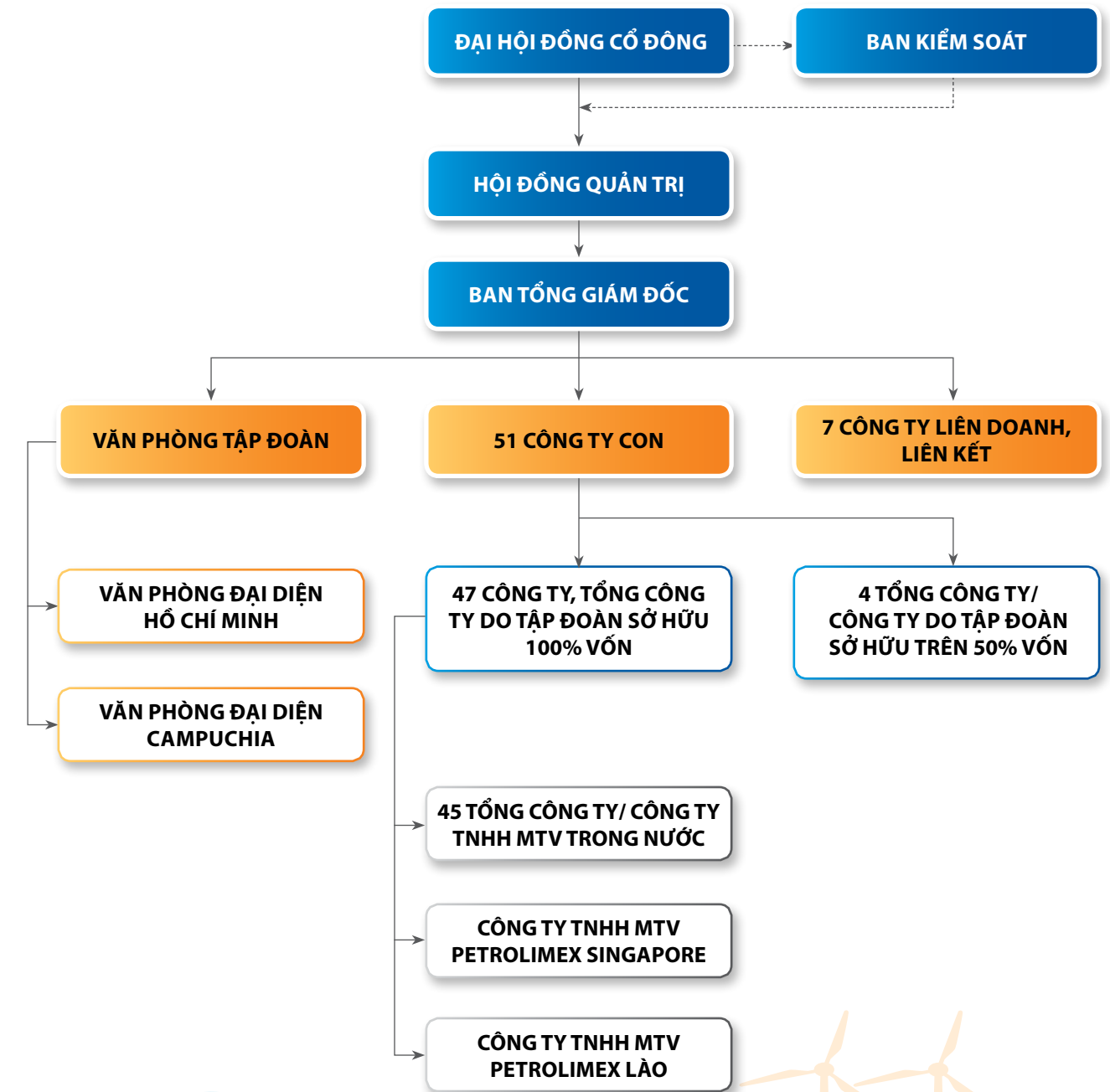
- Huân chương Lao động hạng Nhì trao tặng cho các Phó Tổng Giám đốc năm 2018
- Huân chương Lao động hạng Ba trao tặng cho các Phó Tổng Giám đốc năm 2019
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Ủy viên Hội đồng Quản trị Lê Văn Hương năm 2018.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị năm 2008 và 2016
- Huân chương Lao động hạng Nhì trao tặng cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị năm 2015
- Huân chương Lao động hạng Ba trao tặng cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị năm 2011
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc trao tặng cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị năm 2009
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho Tổng Giám đốc năm 2014

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

NGÀNH HÀNG KINH DOANH CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tiếp theo)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



7

Công ty liên doanh, liên kết do Tập đoàn sở hữu trên 20% vốn điều lệ.

4

Tổng Công ty/ Công ty con do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn.

45

Công ty con kinh doanh xăng dầu Tập đoàn nắm giữ 100% vốn.

22

chi nhánh trực thuộc các công ty.

Trong đó:

- » 43 Công ty TNHH 1TV Xăng dầu trong nước
- » 01 Công ty TNHH 1TV tại Singapore
- » 01 Công ty TNHH 1TV tại Lào

2


Công ty con Tập đoàn nắm giữ 100% vốn:


Tổng Công ty Vận tải thủy (PGT) kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu bằng đường biển và **Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu (PTC)** kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu bằng đường bộ và mua bán xăng dầu.


(Danh sách các Tổng Công ty/ Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết vui lòng xem mục "Mạng lưới hoạt động" tại địa chỉ trang web của Tập đoàn: <http://www.petrolimex.com.vn>.)


ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN


MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA TẬP ĐOÀN


 Trở thành Tập đoàn năng lượng hàng đầu của Việt Nam, lấy kinh doanh xăng dầu làm trục chính, thực hiện đa sở hữu, tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính có liên quan và phụ trợ cho kinh doanh xăng dầu.


 Thực hiện sứ mệnh kinh doanh có hiệu quả, gia tăng lợi ích cho các cổ đông, đồng thời thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà nước; đảm bảo an ninh năng lượng và là công cụ ổn định kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

 Nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí và có lợi nhuận cao trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và vận hành hệ thống, nâng cao năng lực kỹ thuật công nghệ, nâng cao năng lực nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng (phát triển theo chiều sâu) tổ chức hợp lý thị trường, và tổ chức quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh.

 Thực hiện tốt vai trò doanh nghiệp chủ đạo trong cân đối cung cầu, đảm bảo cung ứng xăng dầu, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, mang lại hiệu quả cao cho kinh doanh.

 Giữ vững và duy trì được vị thế là doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường Việt Nam trong kinh doanh xăng dầu ở khâu hạ nguồn, đầu tư phát triển các lĩnh vực khí hóa lỏng (LPG, LNG, CNG), lọc hóa dầu, vận tải xăng dầu, xây lắp xăng dầu, bảo hiểm và một số lĩnh vực khác, trở thành một trong 10 doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về quy mô doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh.

 Đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và điều hành, nâng cao năng lực kỹ thuật công nghệ và nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, tổ chức hợp lý thị trường, quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh. Nâng cao hiệu quả kinh doanh, duy trì và đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận ổn định; đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

 Lựa chọn các dự án đầu tư trọng điểm, có hiệu quả, tập trung khai thác tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có; Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ có lợi thế so sánh về thương mại.

MỤC TIÊU

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

01 PETROLIMEX PHẢI TRỞ THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM VỚI CÁC SẢN PHẨM HƯỚNG TỚI LÀ SẢN PHẨM NĂNG LƯỢNG SẠCH, CHẤT LƯỢNG CAO HƠN, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG HƠN

Hiện tại, Petrolimex đang là doanh nghiệp xăng dầu tiên phong và duy nhất trên thị trường cung cấp các nguồn nhiên liệu sạch, giảm ô nhiễm môi trường như sản phẩm dầu Diesel tiêu chuẩn Euro 5, xăng Ron 95 tiêu chuẩn Euro. Đây đều là những nhiên liệu có mức tiêu chuẩn cao nhất hiện nay tại thị trường Việt Nam. Trong giai đoạn trước mắt, Tập đoàn cũng đang hợp tác với Tập đoàn Điện lực Việt Nam để triển khai dự án cung cấp nhiên liệu LNG (Khí thiên nhiên hóa lỏng) cho nhà máy điện của EVN.

LNG với đặc tính hạn chế cháy nổ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã trở thành nguồn năng lượng quan trọng của nhiều quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và các nước Châu Âu, Bắc Mỹ. Đó sẽ là một trong những dự án năng lượng mới mang tính chiến lược với sự phát triển trong tương lai của Tập đoàn. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đang nghiên cứu để trong tương lai gần sẽ cung cấp các sản phẩm xăng, dầu cao cấp hơn nữa ra thị trường, đạt tiêu chuẩn Euro mức 5, mức 6 và xa hơn nữa là nghiên cứu hợp tác và cho ra đời các sản phẩm năng lượng tái tạo.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

02

PETROLIMEX HƯỚNG TỚI TRỞ THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG VƯƠN TẦM RA QUỐC TẾ

Để đạt được mục tiêu này, cần phải thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác, đầu tư và hội nhập quốc tế. Với sự đa dạng trong cơ cấu cổ đông gồm rất nhiều quỹ đầu tư nước ngoài, cùng sự tham gia và đóng góp kiến thức, công nghệ, kinh nghiệm của đối tác chiến lược JXTG, Tập đoàn đang ngày càng tự hoàn thiện và nâng cao tính chuẩn mực quốc tế trong mô hình quản trị doanh nghiệp, minh bạch hơn, áp dụng khoa học công nghệ, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành.

Trên cơ sở đó, Tập đoàn sẽ tăng cường mở rộng hợp tác, đầu tư trong tất cả các lĩnh vực, các phương thức kinh doanh, đầu tư phát triển các sản phẩm, dịch vụ gia tăng tại hệ thống cửa hàng xăng dầu của Petrolimex, kể cả đầu tư trong lĩnh vực thượng nguồn, hạ nguồn, hóa dầu ở trong nước và nước ngoài, hướng tới việc sở hữu một nhà máy lọc dầu để đảm bảo nguồn cung hàng cho Tập đoàn một cách chủ động.



03

PETROLIMEX HƯỚNG TỚI MỘT TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG PHÁT TRIỂN HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG

Tập đoàn phải tập trung đẩy mạnh việc phát triển kinh doanh, giữ vững vị trí dẫn dắt chủ đạo trong lĩnh vực kinh doanh phân phối các sản phẩm năng lượng, xăng dầu tại thị trường trong nước, và tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống cửa hàng phân phối bán lẻ. Bên cạnh đó, đầu tư nghiên cứu phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, tạo ra sự khác biệt với đối thủ, nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp.

Luôn đảm bảo mục tiêu an toàn trong kinh doanh năng lượng ở mức cao nhất, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, quản lý. Hướng tới một doanh nghiệp phát triển, tăng trưởng tốt nhưng đảm bảo hài hòa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường. Và điểm đặc biệt quan trọng để giữ cho doanh nghiệp phát triển bền vững trong giai đoạn mới này là Tập đoàn phải duy trì và gìn giữ được văn hóa doanh nghiệp đã tồn tại cùng truyền thống lịch sử 63 năm của Petrolimex, kết hợp hài hòa với việc đổi mới sáng tạo tư duy, văn hóa để hội nhập trong thời đại 4.0.



04

PETROLIMEX TIẾP TỤC THỰC HIỆN TÁI CẤU TRÚC ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Petrolimex tiếp tục thực hiện tái cấu trúc để nâng cao hiệu quả hoạt động theo quyết định 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển theo quyết định 1117/QĐ-TTg ngày 22/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Petrolimex luôn đặt nhiệm vụ gìn giữ, bảo vệ môi trường (BVMT) và sự an toàn cho người lao động lên hàng đầu. Chính vì vậy, bên cạnh việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Petrolimex đã chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch dài hạn và công tác an toàn BVMT và triển khai đồng bộ tại các đơn vị sản xuất kinh doanh (SXKD) và các công trình xăng dầu. Năm 2018, Tập đoàn đã thành công trong việc không để xảy ra sự cố mất an toàn về PCCC và ATMT tại các công trình xăng dầu, bên cạnh đó đã có những kết quả đáng khích lệ như: Cảnh quan tại các công trình xăng dầu luôn xanh-sạch-đẹp tạo ấn tượng, ý thức tốt về cảnh quan, môi trường cho khách hàng; Tiếp tục thực hiện nghiêm túc và đầy đủ Quyết định số 49 và 53 của Thủ tướng Chính phủ về nhiên liệu sinh học và lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải Euro 4.

Thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội (ASXH) là nhu cầu và cũng là cơ hội để doanh nghiệp phát triển. Năm 2018 là năm đầu tiên Petrolimex xây dựng kế hoạch chi phí ASXH tổng thể toàn Tập đoàn, gắn trách nhiệm cho từng đơn vị thành viên. Tính tới cuối năm 2018, từ nguồn quỹ ASXH giai đoạn 2018 – 2020 và các nguồn khác ngoài kế hoạch, các đơn vị thành viên đã thay mặt Tập đoàn dành 55,6 tỷ đồng (tăng 22% so với năm 2017) để cam kết trách nhiệm, nghĩa vụ của Petrolimex với cộng đồng trên địa bàn đơn vị trực tiếp tham gia SXKD và khi nhận được đề nghị hỗ trợ từ chính quyền địa phương. Tiêu biểu là các hoạt động như: Hỗ trợ các tổ chức Chính trị - Xã hội (Hội Cựu chiến binh, Hội Nạn nhân Chất độc màu da cam); Hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai; Hỗ trợ lĩnh vực giáo dục và y tế. Bên cạnh các hoạt động trực tiếp hỗ trợ cộng đồng nêu trên, trong năm 2018 Tập đoàn đã thực hiện hỗ trợ khoảng 100 tỷ đồng chi phí vận chuyển cho các Công ty Xăng dầu Hà Giang, Điện Biên, Cao Bằng,... qua đó đã gián tiếp hỗ trợ một phần cho người tiêu dùng tại các tỉnh miền núi phía Bắc.



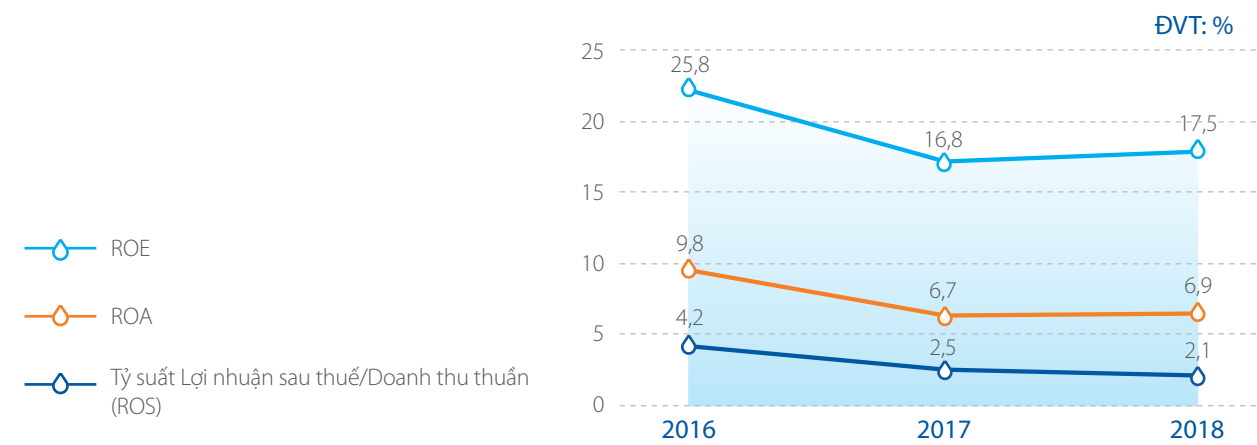
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

PHÂN TÍCH SWOT

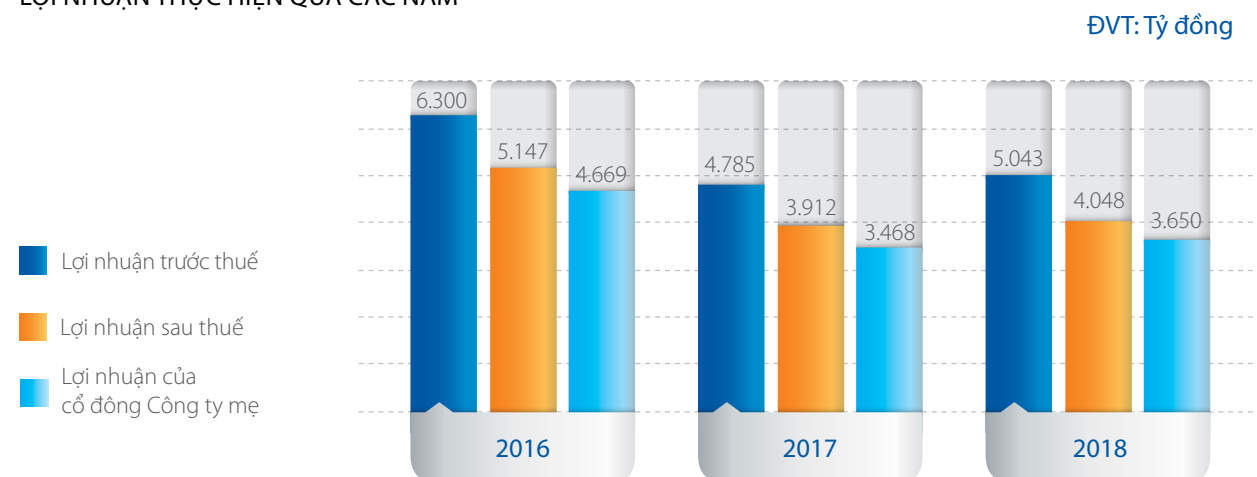
S	W	O	T
ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)	CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
<ul style="list-style-type: none"> » Thương hiệu Petrolimex nổi tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế với bề dày kinh nghiệm trên 60 năm hoạt động kinh doanh xăng dầu trên thị trường. » Có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật lớn nhất trong các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu ở Việt Nam với cấp độ hiện đại và đồng bộ đạt tiêu chuẩn khu vực, bao gồm hệ thống kho cảng có sức chứa lên tới 2.200.000 m³; hệ thống công nghệ bơm, chuyển, cấp phát, đo tính; hơn 570km đường ống vận chuyển xăng dầu... » Đặc biệt, với lợi thế riêng có của Petrolimex mà các doanh nghiệp đầu mối khác chưa thể có được đó là hệ thống phân phối gần 5.200 điểm bán trên khắp cả nước, trong đó có khoảng 2.700 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu của Petrolimex được đầu tư xây dựng trong suốt 60 năm qua. Tất cả các cửa hàng đều chiếm lĩnh vị trí thương mại thuận lợi, cộng với sự uy tín về thương hiệu đã giúp cho năng suất bán của Petrolimex cao hơn hẳn so với các cửa hàng xã hội khác. Nhờ việc thu được toàn bộ chênh lệch từ giá mua đến giá bán, ảnh hưởng từ cơ chế chung của thị trường giúp hệ thống cửa hàng này đã và đang đem lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. » Hoạt động theo mô hình Tập đoàn với quy mô lớn bao gồm các công ty con, công ty liên doanh liên kết hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và lĩnh vực phụ trợ góp phần mang lại lợi thế cho Tập đoàn trong việc huy động vốn và đầu tư các dự án lớn. » Đối tác chiến lược của Petrolimex là JXTO Nippon Oil and Energy Corporation – Tập đoàn năng lượng số 1 của Nhật Bản với hơn 100 năm kinh nghiệm, luôn đồng hành và hỗ trợ Petrolimex nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp. » Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính là xăng dầu, các lĩnh vực trọng yếu khác của Tập đoàn như: Hóa dầu, gas, vận tải xăng dầu,... cũng đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> » Trước năm 2015, Nghị định 84/2009/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu có hiệu lực từ ngày 15/12/2009 quy định giá xăng dầu do doanh nghiệp quyết định nhưng thực tế là do cơ quan quản lý Nhà nước quyết định khiến doanh nghiệp thiếu chủ động đối với giá xăng dầu, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận. Trong giai đoạn đó, lợi nhuận kinh doanh của Tập đoàn ở mức thấp, thiếu tích lũy cho tái đầu tư, đặc biệt là những dự án đầu tư với tầm cỡ và quy mô lớn. » Cơ cấu tổ chức hành chính thiếu linh hoạt, chậm thích nghi với sự thay đổi của thị trường, gây cản trở quá trình đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> » Nghị định 83/2014/NĐ-CP ra đời và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/11/2014 đã giúp các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, trong đó có Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chủ động hơn trong việc điều chỉnh giá bán xăng, dầu trong nước. Cụ thể, với cơ chế cho phép 02 lần điều chỉnh giá liên tiếp tối thiểu là 15 ngày đối với trường hợp tăng giá, giá xăng dầu trong nước bám sát hơn với diễn biến giá dầu thế giới, giảm thiểu rủi ro chênh lệch giá bán thấp hơn giá mua do giá dầu trong nước không kịp điều chỉnh theo giá thế giới như trước đây. » Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tiếp tục tăng trưởng cùng với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tỷ lệ tăng trưởng nhanh của số lượng sở hữu phương tiện giao thông vận tải – trung bình 14,4% tới năm 2020 làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu, đặc biệt là nhiên liệu dùng cho ô tô như xăng và dầu diesel. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng khí hóa lỏng làm nhiên liệu trong sinh hoạt, lĩnh vực năng lượng và nông nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định cho tới năm 2025. Dự báo tới năm 2025, tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu từ dầu mỏ tại Việt Nam lên tới mức trung bình hàng năm là 4%. Như vậy, tiềm năng tăng trưởng của lĩnh vực kinh doanh xăng dầu vẫn còn lớn trong thời gian tới, là cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong đó có Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam gia tăng thị phần, đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước. » Việc niêm yết cổ phiếu PLX trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ là cơ hội để gia tăng tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh và quản lý điều hành của Tập đoàn, thu hút vốn đầu tư, nâng cao vị thế và hình ảnh của Tập đoàn trong nước và quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> » Môi trường cạnh tranh ngày càng cao, do sự hấp dẫn của thị trường kéo theo nhiều đối thủ cạnh tranh tiềm tàng của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu là các doanh nghiệp mới sẽ được thành lập của Việt Nam, các Tập đoàn nước ngoài là các hãng kinh doanh xăng dầu nổi tiếng trên thế giới khi có cơ hội vào kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. Bên cạnh việc tăng thêm số lượng thương nhân đầu mối kinh doanh xuất khẩu nhập khẩu thì năm 2015 là năm đầu tiên đánh dấu việc hình thành các thương nhân phân phối xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, cho đến nay đã có khoảng 29 đầu mối nhập khẩu và 69 thương nhân phân phối xăng dầu tham gia thị trường xăng dầu trong nước, cạnh tranh lẫn nhau và cạnh tranh trực tiếp với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu về giá bán lẻ xăng dầu. » Xăng dầu là mặt hàng nằm trong diện quản lý và bình ổn giá của Nhà nước; giá xăng dầu chưa thực sự theo cơ chế thị trường do Nhà nước vẫn điều hành và can thiệp giá bán để thực hiện các mục tiêu vĩ mô khác. Tuy giá xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh theo xu thế biến động của giá xăng dầu thế giới, nhưng ở nhiều thời điểm khác nhau giá xăng dầu trong nước vẫn chưa được kịp thời điều chỉnh với mức tăng/giảm của giá xăng dầu thế giới, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ/VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE) - LỢI NHUẬN SAU THUẾ/TỔNG TÀI SẢN (ROA)



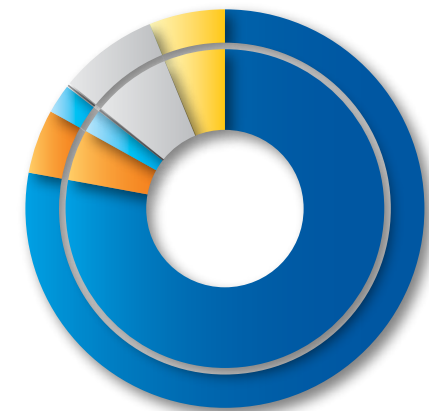
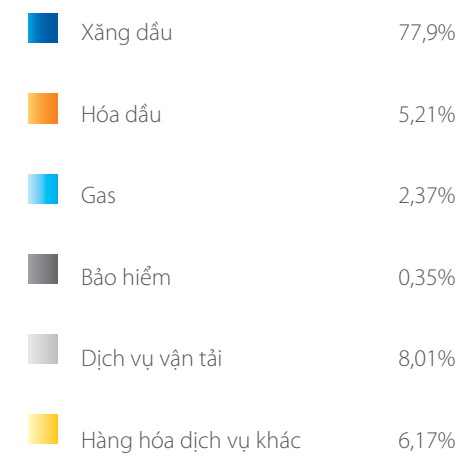
LỢI NHUẬN THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM



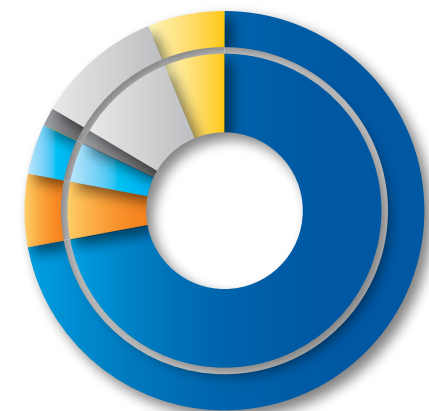
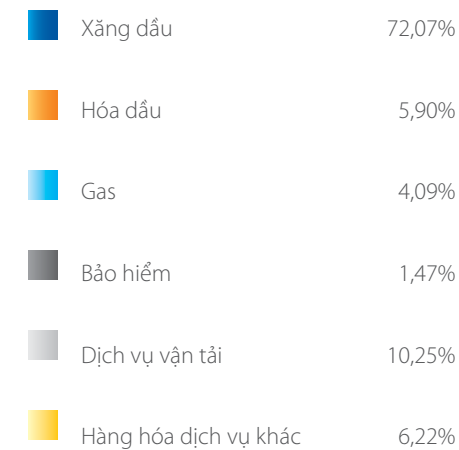
CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2018	SO SÁNH
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu thuần	Trđ	153.697.057	191.932.078	124%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Trđ	4.784.967	5.042.560	105%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	3.911.663	4.048.084	103%
	- LNST của cổ đông Công ty mẹ	"	3.468.270	3.649.759	105%
	- LNST của cổ đông không kiểm soát	"	443.393	398.325	89%

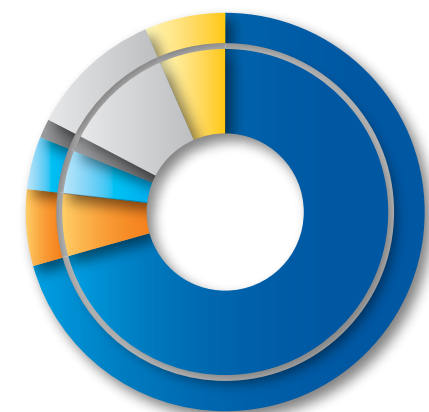
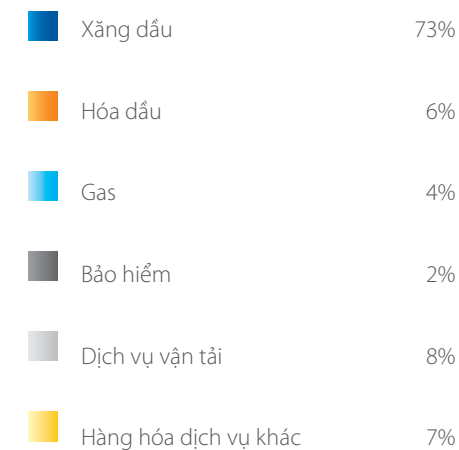
CƠ CẤU LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016



CƠ CẤU LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017



CƠ CẤU LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018



CÁC CON SỐ TIÊU BIỂU PLX

TOP 50

Petrolimex trong top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam.



6.000

Petrolimex có gần 6.000 cửa hàng xăng dầu trải dài 63 tỉnh/thành phố trên cả nước, chiếm trên 50% thị phần trong nước.



2.200.000
M³

Hệ thống kho cảng có sức chứa lên tới 2.200.000m³.



> 570
KM

Petrolimex có hơn 570km đường ống vận chuyển xăng dầu.



150.000
DWT

Đơn vị duy nhất có kho ngoại quan tiếp nhận tàu chở dầu cỡ lớn 150.000 DWT, sở hữu đội tàu viễn dương có tổng trọng tải 38.000 DWT.



30
HÃNG

Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) nằm trong top thương hiệu Việt tiêu biểu, cung cấp nhiên liệu cho hơn 30 hãng hàng không lớn trên thế giới (United Arline, Eva Air, Emirates Airline, Singapore Airlines, Etihad Airways, Air France, Japan Airlines...).



>30%

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex là doanh nghiệp dẫn đầu ngành nhựa đường với thị phần trên 30% và đứng thứ hai trong ngành mở nhờn Việt Nam.



70

Tổng công ty Gas Petrolimex có hơn 70 thương hiệu gas trên thị trường. Hệ thống phân phối của Tổng Công ty trải dài trên 63 tỉnh, thành phố khắp cả nước và không ngừng được mở rộng.



LỚN
THỨ 5

PJICO là công ty bảo hiểm phi nhân thọ lớn thứ 5 về doanh thu trên thị trường.



CÁC RỦI RO

“

Nhận thức được rằng bất cứ lĩnh vực nào cũng luôn có những rủi ro tiềm ẩn. Những rủi ro đó có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm sự không chắc chắn trong thị trường tài chính, các mối đe dọa từ thất bại của dự án (ở bất kỳ giai đoạn nào trong thiết kế, phát triển, sản xuất, hoặc vòng đời duy trì), trách nhiệm pháp lý, rủi ro tín dụng, tai nạn, thiên tai, thảm họa từ thiên nhiên, cạnh tranh từ đối thủ, hoặc các sự kiện có nguyên nhân gốc rễ không chắc chắn hoặc không thể đoán trước.

Cuối năm 2018, sau gần một năm triển khai nghiên cứu Dự án quản trị rủi ro, Petrolimex đã căn nhắc đánh giá dựa trên lĩnh vực kinh doanh và thực tế điều hành đưa ra danh sách 13 rủi ro trọng yếu của Tập đoàn, cụ thể:

RỦI RO	CHỦ RỦI RO
Rủi ro tỷ giá	Ban TCKT
Các thay đổi bất lợi về pháp lý/ quy định liên quan đến chính sách thuế, tài chính	Ban TCKT
Kiểm soát và theo dõi rủi ro tuân thủ	Bộ phận Pháp chế
Chất lượng và tính toàn vẹn của dữ liệu còn thiếu, kém	Phòng CNTT
Rủi ro phát sinh liên quan đến quản lý hàng tồn kho	Phòng Kinh doanh
Các thay đổi bất lợi về pháp lý/ quy định liên quan đến chính sách, cơ chế điều hành giá xăng dầu	Phòng Kinh doanh
Không nhận diện được các yêu cầu thay đổi của thị trường trong nước để chuẩn bị đáp ứng	Phòng Kinh doanh
Không có khả năng duy trì và mở rộng mạng lưới phân phối bán lẻ	Phòng Kinh doanh bán lẻ
Rủi ro cháy nổ	Phòng Kỹ thuật Công nghệ
Các thay đổi bất lợi về pháp lý/ quy định liên quan đến chính sách sản phẩm	Phòng Kỹ thuật xăng dầu
Rủi ro không đổi mới cải tiến kịp thời, thiếu đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới	Phòng Kỹ thuật xăng dầu
Rủi ro về gian lận và vi phạm thương hiệu	Phòng PR
Rủi ro về giá dầu	Phòng Xuất Nhập khẩu



RỦI RO TỶ GIÁ



Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước thực hiện điều hành tỷ giá theo cơ chế trung tâm, linh hoạt, bám sát các diễn biến của thị trường ngoại tệ trong nước cũng như diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế, điều chỉnh linh hoạt, có tăng, có giảm phù hợp với diễn biến. Với cách điều hành như vậy, thị trường trong thời gian qua kết hợp với cung cầu tốt, tỷ giá tương đối ổn định, hệ thống tổ chức tín dụng đã mua ròng ngoại tệ từ nền kinh tế và bán được khối lượng khá lớn ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước. Các hoạt động về găm giữ ngoại tệ qua theo dõi đã có những chuyển biến tích cực, tiền gửi ngoại tệ từ dân cư có xu hướng giảm tương đối

nhanh so với cuối năm trước. Hiện tại, mặt hàng xăng dầu của Tập đoàn được mua từ Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc,... Việc giao dịch thanh toán chủ yếu bằng USD. Do đó, nguồn cung ngoại tệ có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ngoài ra, những biến động của tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn, trong khi giá bán đầu ra thực hiện theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và thường có độ trễ trong việc điều chỉnh giá đầu ra, đầu vào của mặt hàng xăng dầu, từ đó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

CÁC RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH



Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Tập đoàn được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách như chính sách thuế, tài chính, chính sách, cơ chế điều hành giá xăng dầu, chính sách sản phẩm luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn. Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Tập đoàn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Tập đoàn, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.



RỦI RO ĐẶC THÙ



Những rủi ro đặc thù Tập đoàn gặp phải trong hoạt động lĩnh vực xăng dầu:

» Rủi ro biến động giá xăng dầu

Trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay, giá xăng dầu thế giới đã được thiết lập nhiều mặt bằng giá và liên tiếp bị phá vỡ để xác lập mặt bằng mới do khủng hoảng kinh tế toàn cầu và bất ổn chính trị của các nước xuất khẩu dầu mỏ. Năm 2008 - 2009, chỉ trong 05 tháng, giá dầu mất gần hai phần ba, xuống còn 32 USD/thùng vào tháng 12/2008. Đây là thời điểm thế giới trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế, xuất phát từ sự đổ vỡ cho vay dưới chuẩn tại Mỹ. Việc giảm sản xuất đã giúp giá dầu tăng trở lại, điển hình đến cuối tháng 6/2009 đã tăng trên 73 USD/thùng. Năm 2011, việc Libya ngừng sản xuất do nội chiến đã đẩy giá dầu tăng 35% chỉ trong 03 tháng đầu năm, lên 127 USD/thùng. Mức giá đỉnh thứ 2 được thiết lập vào tháng 02/2012, sau khi Châu Âu áp đặt hàng loạt lệnh cấm vận thương mại lên dầu thô của Iran. Đến giữa năm 2014, giá dầu giảm xuống còn 110 USD/thùng. Tiếp đến là vấn đề dư nguồn cung trên toàn cầu do sự bùng nổ dầu đá phiến tại Mỹ, các lệnh trừng phạt quốc tế bị gỡ bỏ và nguồn cung của Iran tràn vào thị trường đã khiến giá dầu năm 2015 - 2016 lao dốc chỉ còn 30 USD/thùng.

Cuối tháng 09/2016, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã đồng thuận về một thỏa thuận cắt giảm sản lượng lần đầu tiên trong vòng 08 năm trở lại đây. Bộ trưởng Dầu mỏ của các nước cho biết OPEC đồng thuận hạn chế sản lượng của toàn nhóm ở mức 32,5 - 33 triệu thùng/ngày, tức là giảm gần 750.000 thùng so với sản lượng của OPEC trong tháng 08. Sau thông tin này, giá dầu ngay lập tức tăng vọt. Dầu thô biển Bắc giao dịch ở London tăng 6,5%, lên 48,96 USD/thùng. Giá dầu sau đó vẫn tiếp tục ổn định ở mức 50 USD/thùng cho tới thời điểm hiện tại. Trong năm 2018, giá hai loại dầu thô chuẩn thế giới này có cùng xu hướng giảm nhẹ trong Quý đầu của năm, sau đó bật tăng trong suốt Quý 2, Quý 3 trước khi lao dốc trong một cuộc khủng hoảng giảm. Theo đó, giá dầu thô Brent và WTI sau khi đạt mức giá đỉnh 4 năm vào ngày 4/10/2018 với mức giá lần lượt 86,2 USD/thùng và 74,3 USD/thùng đã có chuỗi 8 tuần giảm giá, tương ứng 56 ngày, giảm hơn 30% giá trị trước khi bật tăng trở lại trong khoảng thời gian đầu tháng 12/2018. Năm 2019, nhiều tổ chức dự báo chuyên về dầu thô đều hạ dự báo giá dầu, tuy nhiên, mức giá vẫn nằm trong khoảng trên 50 USD/thùng. Giá xăng dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và Tập đoàn nói riêng. Việc kinh doanh xăng dầu vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước giúp cho chiến lược giá của Petrolimex trở nên linh hoạt hơn trước tình hình biến động của giá cả xăng dầu thế giới, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh.

» Rủi ro cơ chế điều hành giá xăng dầu

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược quốc gia và được Nhà nước quản lý giám sát chặt chẽ, đặc biệt dưới góc độ giá bán, chất lượng và sản lượng kinh doanh xăng dầu. Đây là mặt hàng thiết yếu thuộc danh mục bình ổn giá. Kể từ cuối năm 2009 đến nay, giá xăng dầu trong nước đã được vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và Nhà nước tiếp tục sử dụng các công cụ tài chính như thuế, Quỹ bình ổn giá để điều tiết giá xăng dầu nhằm ổn định vĩ mô và tránh tác động tiêu cực của biến động giá xăng dầu tới nền kinh tế. Trong giai đoạn này, giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh tăng/giảm linh hoạt với các biên độ khác nhau.

Mặc dù giá xăng dầu đã được điều chỉnh theo xu thế biến động của giá xăng dầu thế giới, tuy nhiên, do xăng dầu là mặt hàng nằm trong diện quản lý và bình ổn giá của Nhà nước, nên mức tăng/giảm giá xăng dầu trong nước nhiều thời điểm không cùng xu thế hoặc có biên

độ điều chỉnh không tương ứng với mức tăng/giảm của giá xăng dầu thế giới. Ngày 15/10/2009, Nghị định số 84/2009/NĐ-CP chính thức ra đời và có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2009.

Đây là tiền đề pháp lý quan trọng để thị trường xăng dầu Việt Nam phản ánh được xu hướng của giá xăng dầu thế giới, tiệm cận theo cơ chế thị trường nhưng có sự quản lý, giám sát của Nhà nước. Tuy nhiên, công tác điều hành, quản lý kinh doanh xăng dầu đã bộc lộ nhiều vấn đề chưa hợp lý, vì vậy đến ngày 03/09/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu thay thế Nghị định số 84/2009/NĐ-CP và có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2014. Nghị định 83/2014/NĐ-CP ra đời đã tạo điều kiện để thị trường xăng dầu Việt Nam có khả năng tiếp cận thị trường xăng dầu khu vực và thế giới.

Theo đó, hoạt động kinh doanh xăng dầu tiếp tục vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, phát huy quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Bảo đảm thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước, hài hòa lợi ích người tiêu dùng, doanh nghiệp và Nhà nước. Tính cạnh tranh, công khai, minh bạch trong kinh doanh xăng dầu được tăng cường đi đôi với quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối xăng dầu, bảo đảm cung ứng ổn định xăng dầu trong hệ thống, bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường. Giá xăng dầu trong nước phản ánh kịp thời diễn biến giá xăng dầu thế giới; tần suất, biên độ điều chỉnh giá xăng dầu phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tâm lý người tiêu dùng. Nhiên liệu sinh học được khuyến khích phát triển nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

Sự ra đời của Nghị định 83 đồng nghĩa với việc rút ngắn thời gian điều chỉnh giá, làm cho giá xăng dầu trong nước sát với thực tế biến động giá dầu thế giới hơn. Điều này cũng có ý nghĩa tích cực với việc điều hành hàng tồn kho của các doanh nghiệp đầu mối xăng dầu.

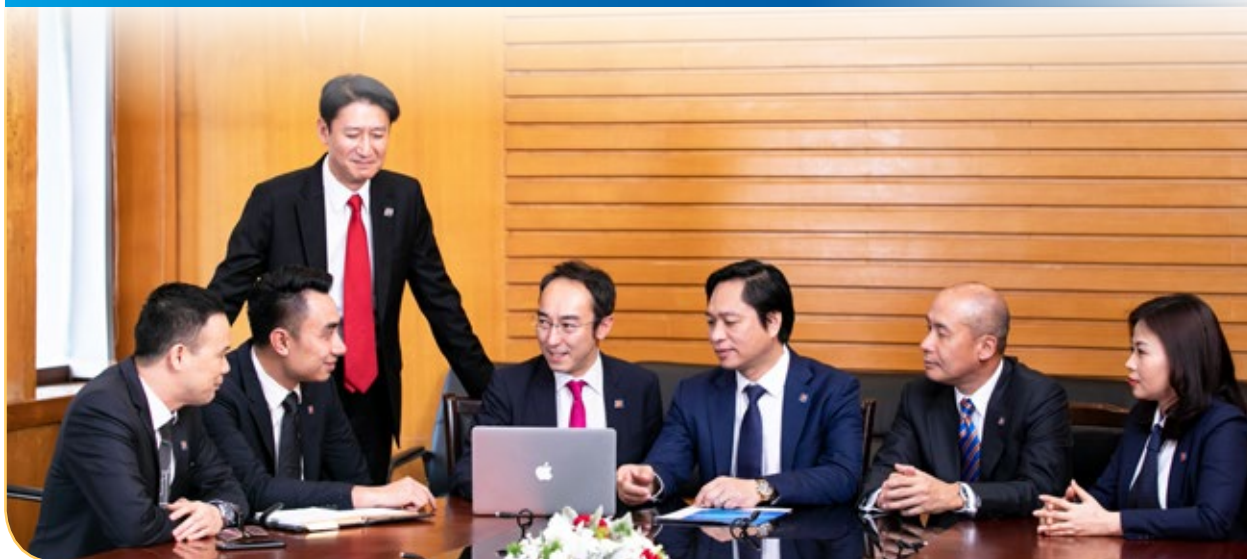
CÁC RỦI RO (tiếp theo)

» Rủi ro cháy nổ và ô nhiễm môi trường

Mặt hàng xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn đối với các công ty kinh doanh xăng dầu nếu có sơ suất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Tuy nhiên, rủi ro này có thể kiểm soát nếu các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh được tuân thủ chặt chẽ. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu công tác bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ, mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, trách nhiệm cộng đồng, môi trường... Tập đoàn đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng để nâng cấp, hiện đại hóa kho cảng, tuyến ống xăng dầu, nâng cao hệ số an toàn trong vận hành khai thác, tổ chức truyền hướng dẫn luật phòng cháy chữa cháy, tập huấn và đào tạo cho cán bộ nhân viên.



RỦI RO TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ



Với việc sở hữu hơn 51 công ty con, cùng hệ thống các công ty liên doanh, liên kết trải rộng tất cả các địa phương trên khắp cả nước và các nước láng giềng, cũng khiến cho rủi ro về công tác quản lý, quản trị của Tập đoàn cũng như công tác kiểm soát tuân thủ trong chính Công ty Mẹ nói riêng và sự đồng bộ trên toàn hệ thống nói chung.

Tuy nhiên, với kinh nghiệm đã có được trong hơn 60 năm qua và sự hỗ trợ rất lớn về công tác quản trị của Công ty TNHH Tư vấn và Holdings JX Nippon Oil & Energy Việt Nam – một trong những thành viên của Tập đoàn JX Holdings – Tập đoàn năng lượng số một của Nhật Bản có nhiều năm kinh nghiệm ở thị trường phát triển và việc chuyển quản trị theo mô hình Tập đoàn sẽ giúp Petrolimex hạn chế được rủi ro trong công tác quản lý và quản trị các đơn vị thành viên.



RỦI RO CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH TOÀN VỆN CỦA DỮ LIỆU



Với đặc thù là một Tập đoàn quốc gia với hệ thống các đơn vị thành viên phủ khắp cả nước và một số tại nước ngoài, việc quản lý đồng bộ, toàn vẹn dữ liệu của toàn ngành là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của Tập đoàn. Với việc sớm áp dụng ERP (Enterprise Resource Planning) - hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp hiện thể hiện tầm nhìn của Tập đoàn với việc tiếp cận hệ thống quản trị số.

Cùng với ERP, Petrolimex từ nhiều năm qua đã xây dựng và dần hoàn thiện phần mềm quản lý của hàng bán lẻ xăng dầu (Egas). Nhờ vậy, Egas đã đáp ứng được những nhu cầu khắt khe nhất của hoạt động xăng dầu từ quản

lý hàng hóa, dòng tiền... tới tích hợp đồng bộ hệ thống cột bơm điện tử, hệ thống tự động đo bồn bể xăng dầu, nhiệt độ, quy đổi dung tích... Số liệu thực tế đồng thời được truyền tải tới hệ thống ERP theo thời gian thực nhằm quản trị thuận lợi nhất. Sau 2 hệ thống nêu trên, Petrolimex cũng đang nghiên cứu và vận hành khai thác dữ liệu Hệ thống đo bồn tự động (ATG).

Những hệ thống quản trị tiên tiến theo xu hướng công nghệ 4.0 này góp phần đảm bảo chất lượng và tính toàn vẹn của dữ liệu, giảm thiểu rủi ro về việc mất, sai sót hay chậm trễ trong việc cập nhật dữ liệu trong toàn hệ thống.

CÁC RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO VỀ NHẬN DIỆN CÁC YÊU CẦU THAY ĐỔI CỦA THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC ĐỂ CHUẨN BỊ ĐÁP ỨNG

Việt Nam đang có những cơ hội phát triển mạnh mẽ, việc này cũng đồng nghĩa với môi trường kinh doanh sẽ thay đổi nhanh chóng. Việc nhận diện được các thay đổi của môi trường kinh doanh, của xu thế thị trường nhằm đáp ứng các yêu cầu mới đặt ra là một thử thách không nhỏ quyết định thành công của các doanh nghiệp.



RỦI RO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI BÁN LẺ

Petrolimex có một mạng lưới rộng khắp gần 6.000 cửa hàng xăng dầu trải dài 63 tỉnh/thành phố trên cả nước (trong đó có khoảng 2.700 cửa hàng thuộc sở hữu của Tập đoàn), chiếm trên 50% thị phần trong nước. Đây cũng chính là một trong những lợi thế rất lớn của Petrolimex mà rất nhiều tập đoàn bán lẻ mong muốn; vì vậy, việc duy trì và mở rộng chuỗi cửa hàng và thị phần trong ngành xăng dầu là một mục tiêu chiến lược được lãnh đạo Tập đoàn đặt ra.



RỦI RO KHÔNG ĐỔI MỚI CẢI TIẾN KỊP THỜI, THIẾU ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Với vai trò tiên phong trong việc kinh doanh nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường như xăng sinh học E5, Ron 95 tiêu chuẩn khí thải EURO 5, Petrolimex luôn đặt cho mình trách nhiệm với cộng đồng xã hội và với môi trường. Năm 2018, Petrolimex lần đầu tiên kinh doanh mặt hàng xăng dầu Ron 95 tiêu chuẩn khí thải EURO 5, trong khi đó, tại thị trường Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp cùng ngành mới đang chỉ dừng lại ở tiêu chuẩn khí thải EURO 4. Định hướng tiên phong phát triển các sản phẩm với mức tiêu chuẩn khí thải EURO ngày một cao hơn, bắt kịp xu hướng của các nước phát triển như Nhật Bản, Singapore, và các quốc gia Bắc Âu, đã tạo nên sự khác biệt và cũng là lợi thế của Tập đoàn so với các doanh nghiệp khác trong ngành.



RỦI RO VỀ GIAN LẬN VÀ VI PHẠM THƯƠNG HIỆU

Nhiều doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ kinh doanh nhỏ lẻ đang sử dụng trái phép nhãn hiệu chữ "P" của Petrolimex ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của không những của Tập đoàn mà còn của những đại lý nhượng quyền. Đây được coi là một rủi ro cấp bách cần có biện pháp khắc phục sớm và triệt để.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, Tập đoàn cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tập đoàn cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018, hoạt động SXKD của Tập đoàn bị tác động đan xen bởi các yếu tố thuận lợi và không thuận lợi sau đây:

Môi trường vĩ mô có nhiều thuận lợi, kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng, GDP năm 2018 đạt 7,08%, là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây; Liên bộ Tài chính – Công thương bám sát giá thế giới để điều hành thị trường xăng dầu nội địa theo Nghị định 83/2014; Nguồn ngoại tệ dồi dào, tỷ giá biến động thấp hơn dự kiến...

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi trên, hoạt động SXKD năm 2018 của Tập đoàn cũng chịu tác động bởi nhiều yếu tố không thuận lợi như quy mô, mức độ cạnh tranh của các đầu mối ngày càng gia tăng; Số lượng Thương nhân phân phối (TNPP) gia tăng nhanh chóng, tính đến 31/12/2018 đã có hơn 200 TNPP; Đồng thời Tập đoàn phải tổ chức kinh doanh nhiều chủng loại sản phẩm. Đặc biệt, diễn

biến giá xăng dầu trên thế giới hết sức phức tạp, liên tục có xu hướng tăng trong 9 tháng đầu năm 2018 (tăng 26 - 28% so với năm 2017), sau đó, từ giữa tháng 10 đã giảm nhanh và sâu (giảm 42% so với mức cao nhất) điều này ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Tập đoàn năm 2018.

Tuy nhiên, bằng việc bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô và giá dầu thế giới, năm 2018 cũng là năm ghi nhận thành công trong hoạt động SXKD. Ban Điều hành đã xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp đã được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên 2018; Từng tháng, từng quý đều rà soát, đánh giá tiến độ kế hoạch, đánh giá mức độ phù hợp của các giải pháp với tình hình thực tế ở từng thời điểm, từng vùng thị trường để điều chỉnh một cách linh hoạt để đề ra các giải pháp mới phù hợp hơn, đảm bảo liên tục bám sát kế hoạch mà ĐHCĐ giao.



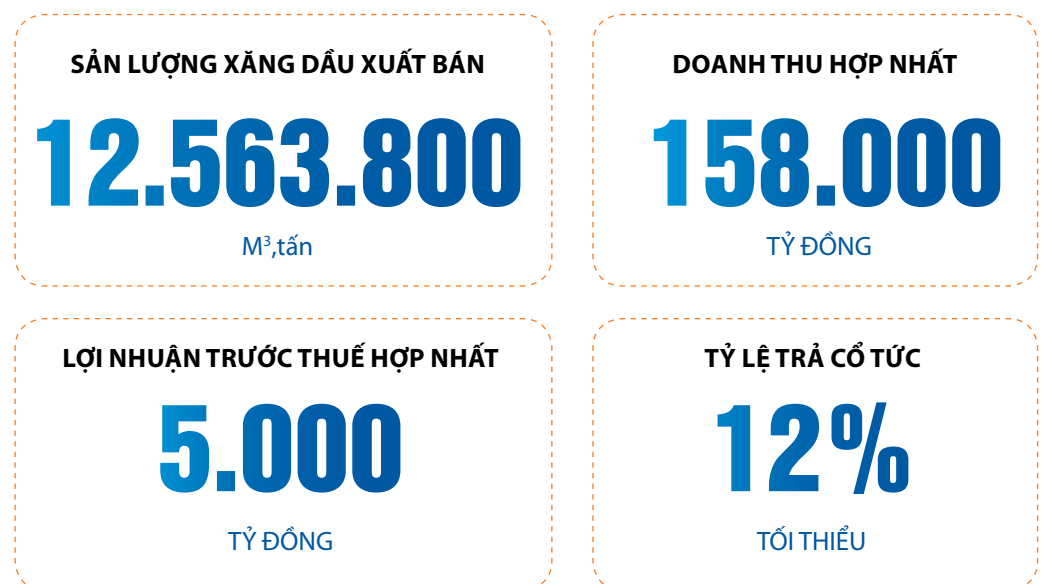
Kết quả SXKD cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KH 2018 (1)	THỰC HIỆN			SS THỰC HIỆN NĂM 2018 (%)		
				Năm 2016 (2)	Năm 2017 (3)	Năm 2018 (4)	Năm 2016 (5)=4/2	Năm 2017 (6)=4/3	KH 2018 (7)=4/1
1	Sản lượng xăng dầu xuất bán (*)	M ³ , tấn	12.563.800	11.441.858	12.286.984	12.878.580	112,6	104,8	102,5
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	158.000	123.097	153.697	191.932	155,9	124,9	121,5
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	5.000	6.300	4.785	5.043	80,0	105,4	100,9
4	Tỷ lệ trả cổ tức	Tỷ đồng	Tối thiểu 12%	32,34%	30%	(**)	-	-	-

Chú thích:

(*) Chỉ tiêu Sản lượng xăng dầu xuất bán bao gồm: Bán nội địa, bán tái xuất, bán quốc tế, sản lượng của Công ty cổ phần nhiên liệu bay (PA), Petrolimex Lào và sản lượng bán không bao gồm dầu thô của Petrolimex Singapore.

(**) Tỷ lệ trả cổ tức năm 2018: Ngày 26 tháng 4 sắp tới, tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 ĐHCĐ sẽ thông qua mức cổ tức chi trả năm 2018.



BAN ĐIỀU HÀNH



01 **ÔNG PHẠM ĐỨC THẮNG**
Tổng Giám đốc

Năm sinh	1961
Nguyên quán	Bình Minh, Kiến Xương, Thái Bình
Nơi ở hiện tại	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



02 **ÔNG NGUYỄN THANH SƠN**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1962
Nguyên quán	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội
Nơi ở hiện tại	Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



05 **ÔNG NGUYỄN VĂN SỰ**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1966
Nguyên quán	Nghệ An
Nơi ở hiện tại	Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



06 **ÔNG ĐÀO NAM HẢI**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1974
Nguyên quán	Hải Phòng
Nơi ở hiện tại	Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Luật
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



03 **ÔNG TRẦN NGỌC NĂM**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1965
Nguyên quán	Hải Phúc, Hải Hậu, Nam Định
Nơi ở hiện tại	Quận Long Biên, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



04 **ÔNG NGUYỄN QUANG DŨNG**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1972
Nguyên quán	Nam Định
Nơi ở hiện tại	Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Công nghệ Hóa học
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



07 **ÔNG NGUYỄN XUÂN HÙNG**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1965
Nguyên quán	Xuân Lũng, Lâm Thao, Phú Thọ
Nơi ở hiện tại	Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh



08 **ÔNG LƯU VĂN TUYỂN**
Kế toán trưởng

Năm sinh	1969
Nguyên quán	Đông Hưng, Thái Bình
Nơi ở hiện tại	Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán; Thạc sĩ kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Vương Thái Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/6/2018
Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/5/2018
Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/5/2018

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



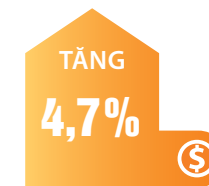
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

25.000

NHÂN VIÊN

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2018 trên toàn Tập đoàn khoảng 25.000 người. Trong đó, số lao động thuộc khối kinh doanh xăng dầu là 18.115 người, giảm 154 lao động so với số lao động thực tế sử dụng tại thời điểm 01/01/2018, thấp hơn 518 lao động so với kế hoạch (đã loại trừ lao động vận tải bàn giao về PTC).

Nhân sự lao động bán lẻ tính trên lao động của hàng bình quân ước thực hiện năm 2018 toàn ngành là 36,9 m³/đ/tháng, tăng khoảng 3,7% so với NSLĐ bình quân thực hiện năm 2017 (35,6 m³/đ/tháng).



THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

11,26

TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG



TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

9,9

TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG

Thu nhập thực chi bình quân năm 2018 của người lao động các Công ty khoảng 11,26 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,7% so với thực hiện năm 2017. Tiền lương thực chi bình quân năm 2018 của người lao động các Công ty khoảng 9,9 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,4% so với thực hiện năm 2017 (9,49 triệu đồng/người/tháng); trong đó: Chi từ nguồn QTL năm 2018 khoảng 8,0 triệu đồng/người/tháng, chi từ nguồn QTL năm 2017 chuyển sang bình quân là 1,9 triệu đồng/người/tháng.

Thu nhập và tiền lương bình quân năm 2018 tăng 4,7% và 4,4% so với thực hiện năm 2017 do tăng sản lượng, năng suất của hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là bán lẻ (sản lượng bán lẻ tăng 5,0% so với thực hiện năm 2017).



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

“ Toàn Tập đoàn đã đầu tư mới được 120 CHXD, tính đến ngày 31/12/2018, đã hoàn thành đưa vào sử dụng 79 CHXD. Về cơ bản, các công ty xăng dầu đã thực hiện tốt các công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư cơ sở vật chất của Tập đoàn giao và đã hoàn thành tốt cả về giá trị lẫn khối lượng theo các mục tiêu đề ra.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH 2018		THỰC HIỆN 2018	
		Số lượng (CH)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng (CH)	Giá trị (tỷ đồng)
1	Xây dựng mới CHXD	70	755	79	779.7
2	Cải tạo CHXD	217	257	280	330.48
3	Mở rộng & nâng cấp kho, bể, kè cầu cảng, tuyến ống,...		111		125
4	Mua cột bơm, tin học và tự động hóa, Egas, SC Tbi...		306		279.24
5	Khác		161		35.58
6	Tổng cộng		1.590		1.550

Nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư tài sản chủ yếu là vốn tự có của doanh nghiệp, các dự án đầu tư triển khai và chuyển tiếp không có dự án nhóm A, nhóm B, các dự án đầu tư là nhóm C chủ yếu là: Xây dựng mới và sửa chữa cửa hàng xăng dầu (CHXD), nâng cấp sửa chữa kho, cảng, phương tiện vận chuyển xăng dầu; cải tạo nhà văn phòng, bản quyền và phần mềm chương trình quản lý,...

Toàn Tập đoàn đã đầu tư mới được 120 CHXD, tính đến ngày 31/12/2018, đã hoàn thành đưa vào sử dụng 79 CHXD. Về cơ bản, các công ty xăng dầu đã thực hiện tốt các công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư cơ sở vật chất của Tập đoàn giao và đã cơ bản hoàn thành cả về giá trị lẫn khối lượng theo các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên do các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà nước còn nhiều bất cập đối với hoạt động xây dựng của ngành nên kết quả đạt được chưa cao. Đặc biệt, trong công tác phát triển mạng lưới bán lẻ của các đơn vị thành viên nhiều đơn vị bị vướng

trong thủ tục hành chính nhất là quy chuẩn 01:2008/BXD, đấu nối giao thông theo thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/09/2015 thuộc bộ giao thông... nên kết quả đạt được chưa cao (Ví dụ như cửa hàng XD Tân Phú - Cty XD Phú Thọ), CHXD số 39 - Cty XD Phú Khánh, ... và một số các cửa hàng khác thì vướng mắc thủ tục đất tại địa phương. Mặc dù gặp khó khăn trong các thủ tục hành chính nhưng một số Công ty đã làm tốt công tác phát triển mạng lưới như: Công ty xăng dầu Bắc Thái 5 CH, Công ty xăng dầu Hà Tĩnh 6 CH, Công ty xăng Lào Cai 5 CH, Công ty xăng dầu Bình Định 4 CH, Công ty xăng dầu Phú Khánh 5 CH, Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên 7 CH... Còn lại các công trình, hạng mục đầu tư khác đưa vào hoạt động đã phát huy và đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn.

Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2018 là 1.550 tỷ đồng, đạt 97% so với kế hoạch.



NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN CHỦ YẾU LÀ VỐN TỰ CÓ CỦA DOANH NGHIỆP.



TOÀN TẬP ĐOÀN ĐÃ ĐẦU TƯ MỚI ĐƯỢC 120 CHXD, TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2018, ĐÃ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG 79 CHXD.



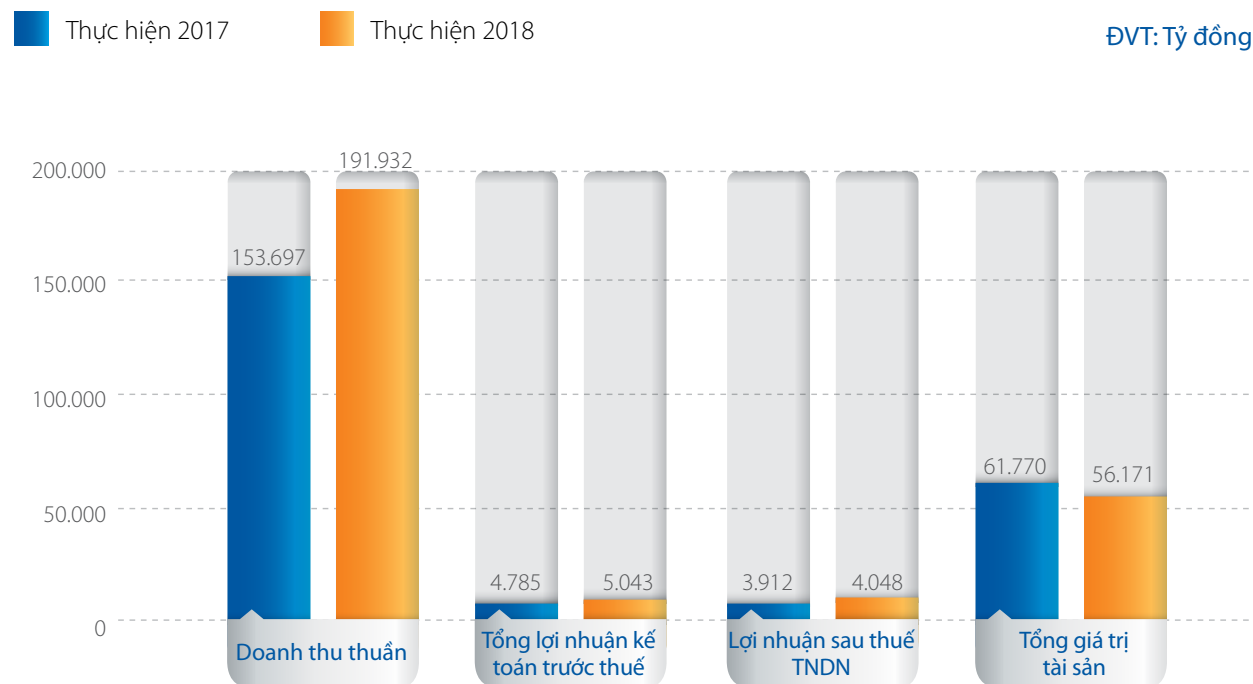
TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NĂM 2018 LÀ 1.550 TỶ ĐỒNG, ĐẠT 97% SO VỚI KẾ HOẠCH.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Báo cáo tài chính đã được Công ty KPMG kiểm toán)

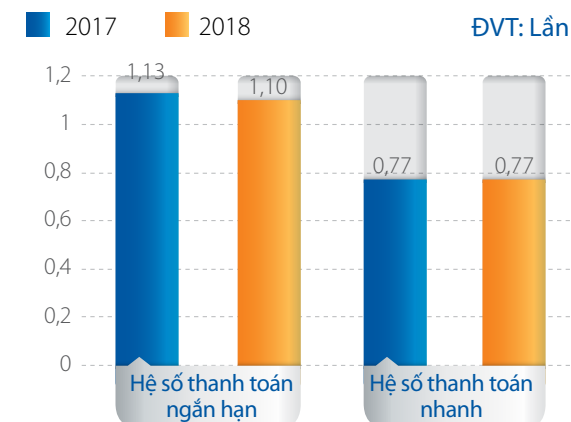
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2018	SO SÁNH
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu thuần	Trđ	153.697.057	191.932.078	124%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Trđ	4.784.967	5.042.560	105%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	3.911.663	4.048.084	103%
	- LNST của cổ đông Công ty mẹ	"	3.468.270	3.649.759	105%
	- LNST của cổ đông không kiểm soát	"	443.393	398.325	89%
4	Tổng giá trị tài sản	Trđ	61.769.061	56.171.183	90%



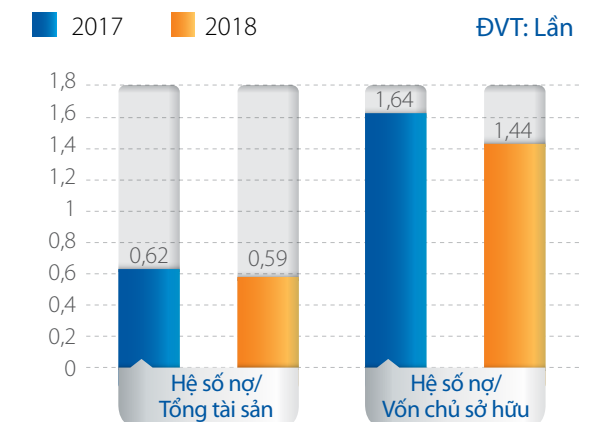
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	2017	2018	GHI CHÚ
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,13	1,10	
-	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,77	0,77	
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,62	0,59	
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,64	1,44	
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	13,16	15,37	
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	2,49	3,42	
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,55%	2,11%	
-	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	17,13%	17,91%	
-	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	6,31%	6,50%	

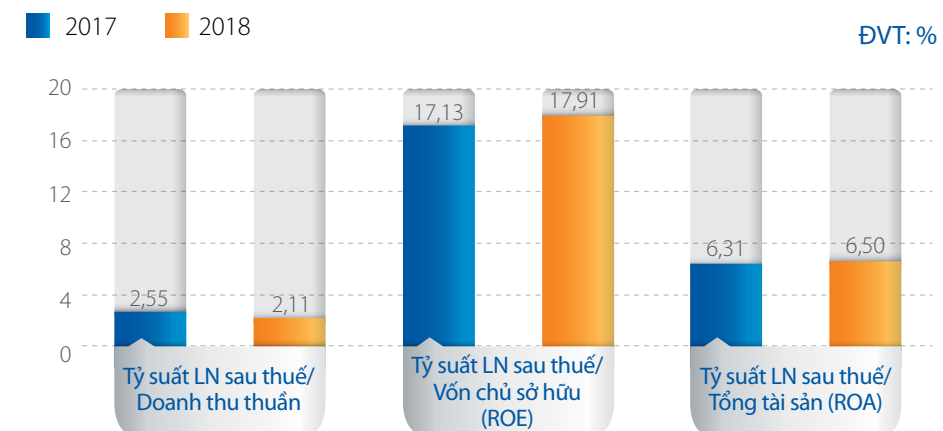
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



Tên cổ phiếu	TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM - PETROLIMEX		
Loại cổ phiếu	CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 ĐỒNG/CỔ PHIẾU
Tổng số cổ phiếu lưu hành	1.293.878.081 CỔ PHIẾU	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	1.293.878.081 CỔ PHIẾU
Giá trị sổ sách của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2018	17.471 ĐỒNG/CỔ PHẦN		
Số cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2018			

1.293.878.081 CỔ PHIẾU

trong đó

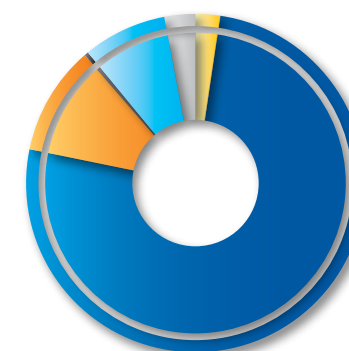
CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG: 1.293.878.081

CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI: KHÔNG CÓ



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2018

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ
A. Trong nước			
1. Cá nhân	10.117	25.779.681	1,99%
- Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ	28	106.224	0,01%
2. Tổ chức	56	1.126.280.464	87,05%
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	1	981.686.626	75,87%
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1	135.064.846	10,44%
- Công đoàn	1	5.000.000	0,39%
- Tổ chức khác	53	4.528.992	0,35%
Cộng trong nước (I)	10.173	1.152.060.145	89,04%
B. Nước ngoài			
1. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ HOLDINGS JX NIPPON OIL & ENERGY VIỆT NAM	1	103.528.476	8,00%
2. Tổ chức khác	89	37.759.140	2,92%
3. Cá nhân	188	530.320	0,04%
Cộng nước ngoài (II)	278	141.817.936	10,96%
Tổng cộng (I)+(II)	10.451	1.293.878.081	100%



Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	10,44%	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC
Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	87,05%	
Cá nhân và tổ chức trong nước khác	2,34%	
Công đoàn	0,39%	
JX Nippon Oil & Energy Việt Nam	8,0%	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI
Cá nhân và tổ chức nước ngoài khác	2,96%	

Ngày 06/12/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh thông tin về quyền sở hữu 981.686.626 cổ phiếu PLX do chuyển giao quyền đại diện phần vốn Nhà nước từ Bộ Công Thương sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2018: 135.064.846 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

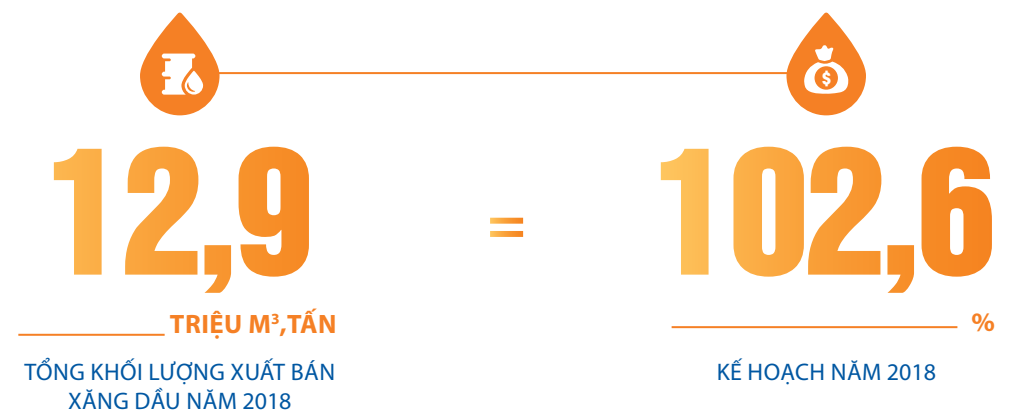


“

Năm 2018 là năm thứ hai Tập đoàn được Forbes Việt Nam vinh danh “Top 40 thương hiệu Công ty giá trị nhất”

Có thể đánh giá, năm 2018 Tập đoàn tiếp tục đạt được kết quả tương đối toàn diện, là năm thứ tư liên tiếp Tập đoàn hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông giao và hầu hết các lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn đều đạt được kết quả khả quan, trong đó nổi bật:

- » Cơ bản hoàn thành việc tái cấu trúc Tập đoàn theo Quyết định 828/QĐ-TTg và từ 01/10/2018 chính thức chuyển về trực thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp;
- » Tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế, được người tiêu dùng tin tưởng và đón nhận. Năm 2018 Tập đoàn đã triển khai hàng loạt các giải pháp nhằm phát triển và bảo vệ thương hiệu, bên cạnh đó cũng là năm thứ hai được Forbes Việt Nam vinh danh “Top 40 thương hiệu Công ty giá trị nhất”;
- » Công tác quản trị không ngừng được nâng cao, tác động tích cực trực tiếp lên công tác điều hành kinh doanh; công tác an toàn tài chính...;
- » Hệ thống CSVCKT của Tập đoàn tiếp tục được củng cố và mở rộng: Tính tới cuối năm 2018, tổng số CHXD được đầu tư mới là 120 CH, hoàn thành 79 CHXD để nâng tổng số CH do Tập đoàn sở hữu và quản lý lên con số 2600; Hệ thống cơ sở vật chất được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ tạo tiền đề cho việc tích hợp công nghệ 4.0.



KHỐI KINH DOANH XĂNG DẦU

Tổng khối lượng xuất bán xăng dầu toàn Tập đoàn năm 2018 đạt xấp xỉ 12,9 triệu m³,tấn, bằng 102,6% KH năm; tăng 5% so với TH năm 2017, tăng 12,6% so với TH năm 2016. Nhìn chung sản lượng bán nội địa năm 2018 tăng trưởng đúng định hướng kế hoạch đề ra. Xăng E5Ron92 đã thay thế hoàn toàn xăng khoáng Ron92 trên toàn hệ thống và đạt gần 50% tổng sản lượng xăng tiêu thụ; Điêzen 0,001S-V (DO-V) được thị trường chấp nhận với sản lượng chiếm hơn 40% tổng sản lượng điêzen bán ra. Qua đó có thể khẳng định, Petrolimex đã triển khai nghiêm túc và thành công Quyết định 49/2011/QĐ-TTg và Quyết định 53/2012/QĐ-TTg của Chính phủ.

Năm 2018, sản lượng bán lẻ xăng dầu của Tập đoàn đạt xấp xỉ 5,3 triệu m³,tấn, tăng trên 5% (KH 4,6%) và chiếm 58% tổng sản lượng xuất bán nội địa, phần lớn các đơn vị đều đạt tiến độ kế hoạch bán lẻ. Nhìn nhận bán lẻ là phương thức kinh doanh mũi nhọn, từ năm 2018 bên cạnh phong trào thi đua trong hệ thống CHXD trực thuộc để đánh giá, ghi nhận và vinh danh những cá nhân là Cửa hàng trưởng, nhân viên xuất sắc trong công tác bán lẻ (triển khai từ năm 2016), Tập đoàn đã bước đầu xây dựng và thống nhất với các đơn vị về hệ thống tiêu chí đánh giá công tác phát triển bán lẻ, để lựa chọn và vinh danh các đơn vị xuất sắc nhất tại Hội nghị tổng kết hàng năm.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX (PGT)



“ Tổng Công ty là đơn vị sở hữu đội tàu chở dầu lớn nhất tại Việt Nam, nổi bật là đội tàu vận tải viễn dương với tổng tải trên 150.000 DWT, chuyên vận chuyển các sản phẩm xăng dầu như Mogas, Diesel, Jet A1, Condensate, Naptha...

PG Tanker là đơn vị mới ra đời nhưng lại có các nhân tố hình thành là các đơn vị thành viên có bề dày và phạm vi hoạt động rộng lớn trên khắp mạng lưới đường thủy trong nước và các vùng biển quốc tế như CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco (VIP), CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco (VTO), CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (PJT), ...

Tổng Công ty là đơn vị sở hữu đội tàu chở dầu lớn nhất tại Việt Nam, nổi bật là đội tàu vận tải viễn dương với tổng trọng tải trên 150.000 DWT, chuyên vận chuyển các sản phẩm xăng dầu như Mogas, Diesel, Jet A1, Condensate, Naptha... Đội tàu của Tổng Công ty đều được phân cấp và chứng nhận bởi các tổ chức Đăng kiểm quốc tế (DNV, ABS, NK,...), tuân thủ theo các Công ước và qui định quốc tế và đạt được các chứng nhận quốc tế về An toàn quốc tế (DOC và SMC), An ninh Quốc tế (ISCC).

Cùng với các hoạt động kinh doanh vận tải xăng dầu viễn dương, sông và ven biển, Tổng Công ty đang hướng đến kinh doanh khai thác cảng chuyên về cho thuê, xếp dỡ hàng rời, đóng bao tại hệ thống Cảng Cửa Cấm Hải Phòng, với năng lực trên 620.000 tấn/năm, hàng năm sản lượng bốc xếp qua cảng đạt 420.000 tấn.

Năm 2018, tổng khối lượng vận chuyển toàn Tổng Công ty đạt 15,116 triệu m³ bằng 104% so với cùng kỳ 2017 và đạt 109% kế hoạch năm, trong đó khối lượng vận chuyển khối tàu viễn dương là 9,675 triệu m³, khối tàu sông và ven biển là 5,441 triệu m³. Sản lượng luân chuyển đạt 24.077 triệu m³km, bằng 88% so với cùng kỳ năm trước và đạt 93% kế hoạch năm. Trong đó sản lượng luân chuyển khối tàu viễn dương là 21.367 triệu m³km, vận tải sông và ven biển là 2.710 triệu m³km. Tổng lợi nhuận trước thuế là 207 tỷ đạt 72% so với kế hoạch và bằng 76% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2018 là năm hoạt động SXKD của Tổng Công ty vận tải thủy Petrolimex (Tổng Công ty) nói riêng và thị trường vận tải nói chung gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các yếu tố tác động từ thị trường vận tải: OPEC cắt giảm sản lượng, Mỹ tăng cường sản xuất xăng dầu từ đá phiến, Trung quốc dự kiến giảm sản lượng nhập xăng dầu, sản lượng luân chuyển xăng dầu giảm, năng lực vận tải dư thừa; Đặc biệt lĩnh vực vận tải viễn dương với các size tàu lớn nhu cầu vận chuyển giảm, giá cước vận tải thuê ngoài giảm, giá nhiên liệu tăng. Tuy nhiên với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tập đoàn; Lãnh đạo và CBCNV toàn Tổng Công ty nỗ lực tìm giải pháp, tổ chức hoạt động SXKD hiệu quả: Đưa ra được các phương án kinh doanh phù hợp, tận dụng và khai thác tối đa năng lực vận chuyển cho từng size tàu đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng Tập đoàn và mở rộng tìm kiếm khai thác hàng ngoài. Kết thúc năm tài chính 2018 lợi nhuận trước thuế Tổng Công ty đạt 207 tỷ.

Bước sang năm 2019, dự báo thị trường vận tải trong nước và khu vực tiếp tục khó khăn, giá cước thuê tàu chưa có thể cải thiện, giá cước chưa có tín hiệu tích cực. Tổng Công ty tiếp tục, đánh giá, phân tích dự báo tình hình, nỗ lực phấn đấu và đưa ra các giải pháp phù hợp để tổ chức SXKD, phấn đấu thực hiện kế hoạch năm 2019:



- Tổng sản lượng vận chuyển toàn Tổng Công ty là 14,711 triệu m³, sản lượng luân chuyển 23.778 triệu m³km.
- Lợi nhuận là 198 tỷ đồng.



Kết quả Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex đạt được năm 2018

TỔNG KHỐI LƯỢNG
VẬN CHUYỂN

15,116
TRIỆU M³

ĐẠT 109% KẾ HOẠCH

SẢN LƯỢNG
LUÂN CHUYỂN

24.077
TRIỆU M³KM

ĐẠT 93% KẾ HOẠCH

TỔNG LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

207
TỶ ĐỒNG

ĐẠT 72% KẾ HOẠCH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Năm 2019, Tổng Công ty dự kiến tập trung triển khai các định hướng lớn và giải pháp cụ thể như sau:

CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN

Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, tạo tiền đề phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Tổng Công ty.

CÁC GIẢI PHÁP

Tổng Công ty phải hết sức nỗ lực với nhiều giải pháp đột phá, quyết liệt khai thác có hiệu quả tăng doanh thu, sản lượng khai thác; đồng thời tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp tiết kiệm các khoản chi phí đặc biệt các khoản chi phí trọng yếu (như sửa chữa, dịch vụ mua ngoài, nhiên liệu, vật tư, bảo hiểm, hao hụt...) để từng bước giảm giá thành vận tải, nâng cao sức cạnh tranh của đội tàu. Cụ thể:



Xây dựng kế hoạch khai thác, điều độ tàu hợp lý. Tăng cường công tác khai thác, đa dạng nguồn hàng, tăng cường tối đa ngày tàu tốt, doanh thu.



Nâng cao công tác quản lý kỹ thuật-vật tư tiếp tục tiết giảm các chi phí ở mức tối đa, tăng cường công tác quản lý an toàn-an ninh giảm thiểu các sự cố phát sinh; Tổ chức thực hiện tốt công tác giao nhận hao hụt; Rà soát định mức và chi phí nhiên liệu; Chi phí quản lý (Chi phí hành chính, tiếp khách, giao dịch)...



Thực hiện việc giải bản, hoán cải, thay mới các tàu sông, ven biển cũ không đáp ứng năng lực vận tải. Trên cơ sở dự án tính toán hiệu quả, lựa chọn thời điểm phù hợp để thực hiện việc đầu tư mới đáp ứng khả năng khai thác và phát triển đội tàu.



Trong chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, Tổng Công ty tiếp tục đầu tư, tái cơ cấu đội tàu, không ngừng nâng cao năng lực vận chuyển, phấn đấu mở rộng địa bàn khai thác Quốc tế, tìm kiếm nhiều đối tác nước ngoài nâng cao vị thế và hình ảnh của Tổng Công ty trong lĩnh vực vận tải Viễn dương mang thương hiệu Petrolimex.



Đối với lĩnh vực hoạt động khác: sửa chữa, đóng mới tàu, dịch vụ cảng biển, đại lý tiếp tục mở rộng khai thác chiều sâu, phát huy thế mạnh từng đơn vị.



Tại Công ty Mẹ tổ chức tốt hoạt động khai thác đội tàu Viễn dương, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu hàng hải Quốc tế; Đối với tàu Vân Phong 1, xây dựng các phương án khai thác cụ thể (đa dạng phương án) để có thể đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn cho từng giai đoạn, mang lại hiệu quả cao nhất cho Vân phong 1. Thông qua nhóm đại diện vốn chỉ đạo các Công ty thành viên xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD với mục tiêu tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước.



Tại các Công ty Thành viên: Các Công ty xây dựng, tổ chức phương án SXKD với mục tiêu lợi nhuận trước thuế và cổ tức không thấp hơn kết quả thực hiện năm 2018, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX (PTC)



“

Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex được thành lập dựa trên cơ sở chuyển giao quyền sở hữu vốn của Tập đoàn tại 6 công ty con là Petajico Hà Nội, PTS Hà Tây, PTS Nghệ Tĩnh, PTS Huế, Petajico Đà Nẵng và PTS Sài Gòn. CTCP và Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty PTC có số lượng phương tiện vận tải xăng dầu 897 xe với dung tích bình quân là 20 m³/xe. Trong đó số xe thực hiện tiếp nhận từ khối các Công ty Xăng dầu trong năm 2018 là 270 phương tiện (bao gồm cả Chi nhánh Cần Thơ nhận bàn giao xe tại thời điểm 0h 01/01/2019).

PTC đặt mục tiêu trở thành một Tổng Công ty vận tải xăng dầu đường bộ hàng đầu tại Việt Nam, đủ năng lực và uy tín để bao phủ toàn bộ nhu cầu vận tải bộ của Petrolimex, mở rộng hoạt động ra ngoài xã hội và các nước láng giềng, đồng thời trực tiếp tham gia kinh doanh xăng dầu; bao tiêu toàn bộ sản lượng xăng dầu của khối các Công ty vận tải trực thuộc.

Năm 2018, Tổng Công ty tập trung vào công tác tiếp nhận các đội xe vận tải từ các Công ty Xăng dầu để thành lập Chi nhánh/ Bàn giao cho các Công ty thành viên theo Đề án thành lập, thực hiện mục tiêu chuyên môn hóa hoạt động vận tải xăng dầu đường bộ. Cùng với việc triển khai công tác ổn định tổ chức, định hình cách thức hoạt động của Tổng Công ty, công ty thành viên và các đơn vị trực thuộc. Tổng lợi nhuận hợp nhất năm 2018 của PTC đạt 79,3 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch. Các công ty con đều hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

Các Công ty con và Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty tham gia vận chuyển xăng dầu cho 42/43 Công ty Xăng dầu thành viên. Tổng khối lượng vận chuyển của 06 Công ty con đạt hơn 5 triệu m³, tăng 18% so với thực hiện năm 2017; Sản lượng vận tải của 6 Công ty đạt hơn 440 triệu m³km bằng 111% so kế hoạch và tăng 15% so cùng kỳ. Tổng sản lượng vận tải toàn Tổng Công ty đạt 466 triệu m³km, bằng 118% so KH và tăng 22% so cùng kỳ.

Doanh thu vận tải của 6 Công ty CP tính đến hết năm 2018 đạt hơn 837 tỷ đồng, toàn Tổng Công ty là 880 tỷ đồng đạt 111% so với kế hoạch năm 2018, chi phí vận tải của 6 Công ty CP là 805,5 tỷ đồng và tính trên toàn Tổng Công ty là 847,8 tỷ đồng tương ứng 112% so với kế hoạch năm 2018, lợi nhuận của 6 Công ty con đạt 31,5 tỷ VNĐ bằng 105% so với cùng kỳ, tương ứng tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu là 3,9%. Lợi nhuận vận tải toàn Tổng Công ty đạt 32,6 tỷ đồng bằng 109% so với kế hoạch năm 2018.

Năm 2019, dự kiến chi nhánh Cần Thơ đi vào hoạt động sẽ làm tăng sản lượng vận tải của PTC đồng thời dự báo sản lượng bán lẻ tăng so với thực hiện năm 2018. PTC tiếp tục triển khai các nhiệm vụ và công tác trọng tâm trong kinh doanh xăng dầu và kinh doanh vận tải bộ, không ngừng phấn đấu đưa ra các giải pháp tối ưu nhất để tổ chức SXKD thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2019:



- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tổng Công ty là 80 tỷ đồng.
- Tổng khối lượng vận chuyển toàn Tổng Công ty: Gần 7 triệu m³ tương đương hơn 587 triệu m³.km (bao gồm cả 6 Công ty cổ phần và 3 chi nhánh).



Kết quả Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex đạt được năm 2018

SẢN LƯỢNG VẬN TẢI

466

TRIỆU M³KM

ĐẠT 118% KẾ HOẠCH

DOANH THU VẬN TẢI

880

TỶ ĐỒNG

ĐẠT 111% KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN VẬN TẢI

32,6

TỶ ĐỒNG

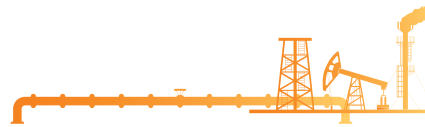
ĐẠT 109% KẾ HOẠCH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Năm 2019, Tổng Công ty dự kiến tập trung triển khai các định hướng lớn và giải pháp cụ thể như sau:

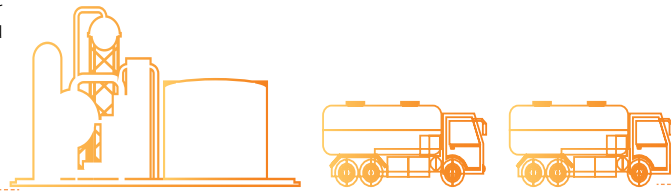
CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN

» Rà soát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật đặc biệt chú trọng đến định mức nhiên liệu để tiến tới thống nhất phương pháp, nguyên tắc xây dựng, cách thức quản lý nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.



» Trong công tác kinh doanh vận tải:

- Tổng Công ty rà soát đánh giá năng lực để đầu tư cơ cấu hợp lý phương tiện vận tải phù hợp với từng địa bàn hoạt động, với mục tiêu tối ưu đường vận động hàng hóa và nhất thể hóa công tác vận tải theo chỉ đạo của Tập Đoàn.
- Bám sát thị phần vận tải nhất là thị phần mới được chuyển giao để tiếp nhận toàn bộ và khai thác hiệu quả, đảm bảo nguồn cho các Công ty xăng dầu.
- Nâng cao chất lượng quản lý, điều độ phương tiện vận tải đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả và văn minh tương mại.
- Tiếp tục tham gia triển khai thí điểm điều độ vận tải đường bộ tập trung (DOC) cùng Ban dự án.



» Trong công tác kinh doanh xăng dầu:

- Theo chủ trương của Tập đoàn, bắt đầu từ năm 2020 các Công ty thành viên không bán hàng qua kênh nhượng quyền thương mại. Vì vậy năm 2019 các Công ty sẽ không phát triển khách hàng nhượng quyền thương mại mới, chủ động giảm dần số khách hàng nhượng quyền thương mại đang thực hiện và tiến tới chấm dứt vào thời điểm 31/12/2019.



CÁC GIẢI PHÁP

» Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền công tác an toàn lao động, đảm bảo an toàn về tài sản và con người.

» Thường xuyên kiểm tra hồ sơ, tình trạng kỹ thuật của phương tiện, theo dõi hành trình qua thiết bị giám sát hành trình, tình hình thực hiện chế độ, quy trình nghiệp vụ, quy phạm khai thác, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, công nghệ tại cơ sở và các công trình xăng dầu tại đơn vị.

» Tập trung tổ chức thực hiện khảo sát và xây dựng đồng bộ lại hệ thống định mức phương tiện vận tải tại Chi nhánh Khánh Hòa, Bình Định và Chi nhánh Cần Thơ.

» Tổng Công ty tập trung xây dựng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu sử dụng đồng nhất phần mềm quản lý trong toàn Tổng Công ty.

» Trong công tác kinh doanh vận tải:

- Phối hợp tốt với các CTy XD trong việc chuyển giao thị trường và đảm bảo nguồn.
- Thường xuyên kiểm tra đồn đốc công tác đảm bảo an toàn, văn minh thương mại nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả trong kinh doanh.
- Tham gia triển khai xây dựng một số phương án thí điểm DOC cụ thể từ quy mô, phạm vi nhỏ, đơn giản đến lớn, phức tạp; Sau đó sẽ tiến hành cân nhắc lựa chọn Phương án mô hình DOC phù hợp, hiệu quả, đạt mục tiêu.

» Trong công tác kinh doanh xăng dầu:

- Tăng cường các giải pháp tiếp thị, cơ chế bán hàng nhằm thu hút khách hàng ở CHXD, nâng cao văn minh thương mại phục vụ tốt khách hàng, thực hiện cơ chế thưởng khuyến khích đối với CHXD để gia tăng sản lượng bán lẻ, nâng cao năng suất lao động;
- Tiếp tục triển khai đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, sửa chữa các hạng mục của các cửa hàng để đảm bảo đủ điều kiện áp dụng chương trình chuẩn 5S. Áp dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới với các dấu hiệu cơ bản (do Tập đoàn quy định), nhất thể hóa triệt để trên toàn hệ thống cửa hàng xăng dầu trực thuộc, xây dựng tác phong, quy trình bán hàng văn minh hiện đại.
- Triển khai đồng bộ phần mềm quản trị tại CHXD để quản trị hiệu quả hơn;
- Đẩy mạnh kinh doanh hàng hóa khác (DMN, gas, sơn, nước giặt, bảo hiểm) nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty và tăng thu nhập cho người lao động;
- Thực hiện đầy đủ các chính sách sản phẩm của Tập đoàn để tạo sự khác biệt và vượt trội trong chính sách sản phẩm gắn với hiệu quả kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP (PLC)

“ PLC hiện là doanh nghiệp dẫn đầu ngành nhựa đường với thị phần trên 30% và đứng thứ hai trong ngành mỡ nhờn Việt Nam. Hệ thống kho bể, nhà máy sản xuất dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất trải dài trên toàn quốc với cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại là lợi thế riêng biệt của Tổng Công ty.

PLC hiện là doanh nghiệp dẫn đầu ngành nhựa đường với thị phần trên 30% và đứng thứ hai trong ngành mỡ nhờn Việt Nam. Hệ thống kho bể, nhà máy sản xuất dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất trải dài trên toàn quốc với cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại là lợi thế riêng biệt của Tổng Công ty. Các sản phẩm mới của Tổng Công ty, đặc biệt là sản phẩm nhựa đường polime, nhựa đường nhũ tương... đã và đang gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như đem lại biên lợi nhuận cao cho ngành hàng nhựa đường nói riêng và cho Tổng Công ty nói chung. Trong quá trình sản xuất, tất cả các sản phẩm của PLC đều được quản lý chặt chẽ và nghiêm ngặt, đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc gia và phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. PLC đã xây dựng được một tập thể đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết, phát triển theo hướng quản lý tiên tiến, với sự đầu tư đúng mức trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

PLC đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các cơ quan ban ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua, phần thưởng cao quý.

Trong năm 2018, Kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt thấp. Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động nên nguồn nguyên liệu đầu vào trong Quý 1 và Quý 2/2018 tăng, gây khó khăn trong việc dự báo giá thành; đồng thời giá nhiên liệu, giá thép..., trong nước cũng bị ảnh hưởng theo chiều hướng tăng, làm tăng các chi phí kinh doanh của Tổng Công ty PLC, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng. Những nguyên nhân trên phần nào ảnh hưởng đến tình hình SXKD của Tổng Công ty PLC.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

Tổng sản lượng ước đạt 389,405 tấn, đạt 108,38% so với kế hoạch; Tổng Doanh thu ước đạt: 6,433,978 tỷ đồng, đạt 116.32% so với Kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 194,036 tỷ đồng đạt 81,93% kế hoạch để ra.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019



- Lợi nhuận là 208,286 tỷ đồng.
- Tổng sản lượng: 378,771 tấn

Năm 2019, Tổng Công ty dự kiến tập trung triển khai các định hướng lớn và giải pháp cụ thể như sau:

CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN

- » Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ Tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phấn đấu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.
- » Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng Công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.
- » Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- » Xây dựng Tổng Công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

CÁC GIẢI PHÁP

- » Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, với chỉ tiêu giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho.
- » Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- » Giữ vững thị phần của các đối tác trong Petrolimex và phát triển bền vững khách hàng bên ngoài.



TỔNG DOANH THU
6,433,978

TỶ ĐỒNG

ĐẠT 116.32% KẾ HOẠCH



TỔNG SẢN LƯỢNG
389,405

TẤN

ĐẠT 108,38% KẾ HOẠCH



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX – CTCP (PGC)



“ Tổng Công ty Gas Petrolimex (PGC) tiền thân là Công ty Cổ phần Gas Petrolimex, là một trong các Tổng Công ty mà Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam giữ cổ phần chi phối.

Tổng Công ty Gas Petrolimex (PGC) tiền thân là Công ty Cổ phần Gas Petrolimex, là một trong các Tổng Công ty mà Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam giữ cổ phần chi phối. Sau hơn 20 năm xây dựng và phát triển, PGC đã có mặt ở khắp mọi nơi và phục vụ trong nhiều lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và tiêu dùng của xã hội và được đánh giá là một trong những thương hiệu uy tín nhất trên thị trường Việt Nam về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Hiện tại, PGC có một hệ thống cơ sở hạ tầng và thiết bị hiện đại, đồng bộ. Hệ thống kho cảng tiếp nhận và bồn chứa LPG với tổng công suất 8.235 tấn được đặt tại các khu vực phát triển kinh tế trọng điểm của đất nước cùng hệ thống trạm nạp tuyến sau, đảm bảo cung ứng hàng cho tất cả các tỉnh thành trên cả nước. Công nghệ tồn trữ và đóng nạp hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực. Sản phẩm Gas Petrolimex đến tay người tiêu dùng đều đảm bảo tuyệt đối an toàn, chất lượng tốt, trọng lượng đúng như niêm yết. Trong lĩnh vực công nghiệp, PGC là một trong những đơn vị tiên phong trong việc lắp đặt hệ thống kho tồn chứa gas cũng như cung cấp gas cho các đơn

vị sản xuất, nhận được sự tin tưởng và chọn lựa của các doanh nghiệp trong nước cũng như các doanh nghiệp FDI của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông...

Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt như hiện nay, với hơn 70 thương hiệu gas trên thị trường, sản lượng Gas Petrolimex dân dụng, thương mại và công nghiệp vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng 5 – 9% mỗi năm. Hệ thống phân phối của Tổng Công ty trải dài trên 63 tỉnh, thành phố khắp cả nước và không ngừng được mở rộng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã triển khai trọng tâm cho công tác xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển và qui hoạch mạng lưới đặc biệt là các chương trình phối hợp với các Công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã đạt được những kết quả hết sức tích cực, tạo được sự lan tỏa rộng khắp trên phạm vi toàn quốc. Tổng sản lượng xuất bán đạt 158.002 tấn, đạt 103% so với kế hoạch và bằng 106% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận trước thuế đạt 192,327 tỷ đồng, tăng 1% so với kế hoạch và bằng 101% thực hiện năm 2017.



Kết quả Tổng Công ty Gas Petrolimex đạt được năm 2018

TỔNG SẢN LƯỢNG XUẤT BÁN

158.002
TẤN

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

192,327
TỶ ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN



» Phát triển Tổng Công ty là một trong những đơn vị hàng đầu trong kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng tại thị trường Việt Nam, đẩy mạnh gia tăng thị phần; nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như LNG, CNG bên cạnh mặt hàng khí dầu mỏ hoá lỏng truyền thống;



» Phát huy giá trị của thương hiệu Petrolimex; tận dụng thế mạnh của kênh phân phối trực tiếp và kênh phân phối qua hệ thống các công ty xăng dầu trong ngành trong công tác kinh doanh và phát triển thị trường;



» Phát triển bền vững, gia tăng giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động.

Năm 2019, Tổng Công ty dự kiến xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và giải pháp cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019



- Lợi nhuận: 190 tỷ đồng.
- Tổng sản lượng: 162.852 tấn.
- Chia cổ tức: tối thiểu 12%/vốn điều lệ (1.200 đồng/cổ phiếu)

CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

- » Tiếp tục đa dạng hoá nguồn hàng cung ứng nhằm tạo lợi thế trong quá trình đàm phán mua hàng với các nhà cung cấp; tích cực tìm kiếm khai thác các nguồn hàng có ưu đãi về thuế suất nhập khẩu nhằm giảm giá thành mua hàng;
- » Triển khai các cơ chế giá linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng gas rời; tập trung tăng cường cải thiện chất lượng khâu dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng, giao nhận vận tải để nâng cao hình ảnh, uy tín của Tổng Công ty nhằm giữ vững và phát triển khách hàng; duy trì hợp tác và hỗ trợ toàn diện với các công ty xăng dầu thuộc hệ thống Petrolimex để phát huy lợi thế sẵn có thương hiệu Petrolimex nhằm mở rộng bán gas công nghiệp cho các khách hàng trên địa bàn các tỉnh;

- » Tiếp tục triển khai các giải pháp đồng bộ để phát triển đồng thời cả ba kênh bán gas bình phù hợp với đặc điểm của từng khu vực thị trường; hoàn thiện cơ chế khoán theo mặt hàng đến từng lao động bán hàng tại khối cửa hàng, đẩy mạnh các chính sách khuyến khích gia tăng sản lượng, đặc biệt là sản lượng bán lẻ bình 12kg; tiếp tục đánh giá các khu vực thị trường để sắp xếp các cửa hàng trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng của các cửa hàng; tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật bán hàng, đặc biệt đối với khối khách hàng sử dụng bình 48kg; tăng cường phối hợp với các công ty xăng dầu thành viên trong việc mở rộng mạng lưới phân phối gas Petrolimex trên các thị trường khu vực;
- » Đẩy mạnh các hoạt động PR, quảng cáo, thực hiện đa dạng hình thức quảng bá thương hiệu, chất lượng sản phẩm và dịch vụ vượt trội của Gas Petrolimex; tăng cường công tác chống gian lận thương mại để bảo vệ quyền lợi của người sử dụng gas Petrolimex.

- » Đẩy mạnh tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm để sớm đưa vào khai thác sử dụng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty trước các đối thủ cạnh tranh cùng ngành; tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác sản xuất tại các nhà máy, trạm nạp nhằm tăng công suất và chất lượng sản phẩm;

- » Chuẩn hóa lại các định mức chi phí và hoàn thiện lại các quy định, quy chế quản lý, hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị để phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý điều hành thống nhất trong toàn Tổng Công ty;

- » Tăng cường chuẩn hóa hệ thống công nghệ thông tin, nâng cấp đẩy mạnh ứng dụng phần mềm quản trị tập trung, tích hợp với các ứng dụng đa phương tiện cũng như các phần mềm hiện nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác sản xuất kinh doanh;

- » KIỆN TOÀN BỘ MÁY NHÂN SỰ, SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG HỢP LÝ THEO HƯỚNG GIẢM DẪN BỘ PHẬN LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP VÀ TĂNG CƯỜNG ĐỘI NGŨ SẢN XUẤT, BÁN HÀNG; HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, KHEN THƯỞNG HỢP LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG; XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG GIAI ĐOẠN TỚI.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PETROLIMEX (PGI)



“ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) là nhà bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam hoạt động theo mô hình cổ phần, từ khi thành lập đến nay PJICO liên tục phấn đấu trở thành một trong bốn đơn vị dẫn đầu trên thị trường Việt Nam về bảo hiểm phi nhân thọ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) là nhà bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam hoạt động theo mô hình cổ phần, từ khi thành lập đến nay PJICO liên tục phấn đấu trở thành một trong bốn đơn vị dẫn đầu trên thị trường Việt Nam về bảo hiểm phi nhân thọ.

Với mô hình doanh nghiệp đang được Nhà nước khuyến khích, ủng hộ và với một chính sách về phí bảo hiểm, đặc biệt là sự phục vụ hiệu quả, tận tình chu đáo, PJICO đã xây dựng thành công một hình ảnh tin cậy, uy tín, tăng trưởng trong tâm trí khách hàng.

Năm 2018, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và thị trường bảo hiểm Việt Nam, PJICO đã có nhiều nỗ lực để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cũng như duy trì và giữ vững thị phần.

Tổng doanh thu bao gồm phí bảo hiểm gốc, phí nhận tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và đầu tư năm 2018 đạt 3.334 tỷ đồng, tăng khoảng 5% so với năm 2017, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 2.809 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng 12%, đạt 175 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch đề ra.

Định hướng, kế hoạch năm 2019: Tiếp tục kiên định thực hiện cơ chế, phương thức kinh doanh tăng trưởng bền vững, hợp lý gắn liền với hiệu quả và chất lượng. Lấy các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận là các chỉ tiêu pháp lệnh đối với các đơn vị thành viên; là cơ sở để phân phối thu nhập, khen thưởng, động viên và đánh giá chất lượng cán bộ của Tổng Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019



- Doanh thu bảo hiểm gốc: 2.965 tỷ đồng (không bao gồm kinh doanh bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67), tăng trưởng 7% so với doanh thu phí bảo hiểm gốc thực hiện năm 2018.
- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm: 165 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2018.
- Doanh thu đầu tư: 217 tỷ đồng bao gồm đầu tư tài chính và tiền gửi.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 183,8 tỷ đồng, tăng trưởng 5% so với năm 2018.



Kết quả Tổng công ty bảo hiểm Petrolimex đạt được năm 2018

TỔNG DOANH THU

3.334
TỶ ĐỒNG

↑ 5% so với năm 2017

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

175
TỶ ĐỒNG

↑ 12% so với năm 2017

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Năm 2019, Tổng Công ty dự kiến tập trung triển khai các định hướng lớn và giải pháp cụ thể như sau:

CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN

- » Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ năm 2019 phê duyệt, Tổng Công ty tổ chức triển khai kinh doanh đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất có thể. Giữ vững thị phần doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong Top 5 của thị trường và đảm bảo chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 tối thiểu 12% (trong điều kiện thị trường ổn định và kinh doanh bình thường).
- » Đảm bảo duy trì mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế hiện tại. Tiếp tục phấn đấu nâng mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đối với Tổng Công ty trong tương lai.
- » Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý đáp ứng yêu cầu về tình hình quản trị của Tổng Công ty và đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.
- » Xây dựng chiến lược công nghệ thông tin phù hợp từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu về quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, quảng bá thương hiệu của Tổng Công ty và xu hướng bán hàng online đang phát triển đối với phân khúc khách hàng chuyên giao dịch sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin.
- » Tiếp tục tìm kiếm đầu tư trụ sở Tower PJICO tại Hà Nội có quy mô phù hợp với nhu cầu và năng lực tài chính của Tổng Công ty theo mục tiêu tại Phương án tăng vốn điều lệ Tổng Công ty năm 2017 (Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược).



CÁC GIẢI PHÁP

Giải pháp về nghiệp vụ

- » Tập trung khai thác các sản phẩm bảo hiểm kinh doanh hiệu quả, đang có lãi như hàng hóa, tài sản hỗn hợp, ... Kết hợp duy trì và tăng trưởng hợp lý, kiểm soát chặt chẽ các nghiệp vụ có nguy cơ lỗ.
- » Phát triển đa dạng các kênh phân phối nhằm đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo hướng chuyên nghiệp, theo kịp sự phát triển của cách mạng công nghệ 4.0.
- » Ứng dụng công nghệ toàn diện vào quy trình khai thác, giám định, bồi thường giúp đơn giản hóa thủ tục, phòng chống trục lợi và nâng cao giá trị khách hàng.
- » Tiếp tục tăng cường khai thác qua kênh môi giới, đồng bảo hiểm, ngân hàng, định chế tài chính. Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Nhà đầu tư chiến lược SFMI trong việc tiếp cận, bán bảo hiểm cho cộng đồng người Hàn Quốc, doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam, đặc biệt chú trọng khai thác bảo hiểm thông qua hệ thống Ngân hàng như Wooribank, Shinhanbank, ...

Giải pháp về nhân sự

- » Nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng cán bộ: Đánh giá năng lực trình độ trên cơ sở kết quả công việc; sắp xếp bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đối với cán bộ.
- » Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức hệ thống; thành lập thêm các đơn vị tại các khu vực địa bàn trọng điểm tiềm năng đồng thời xem xét, đánh giá, sáp nhập, giải thể đối với các đơn vị hoạt động không hiệu quả.
- » Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt vững vàng chuyên môn nghiệp vụ, có kỹ năng quản lý lãnh đạo, phẩm chất đạo đức tốt và thực sự tâm huyết gắn bó với Tổng Công ty.
- » Nâng cao chất lượng, hiệu quả hiệu suất làm việc của nhân viên thông qua các chính sách: đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến chính sách lương thưởng, áp dụng toàn diện Bộ chỉ số đo lường chất lượng công việc KPIs...

Giải pháp về công nghệ thông tin:

- » Thực hiện triển khai đào tạo và hỗ trợ cho người dùng toàn hệ thống sau khi hoàn thành việc Golive toàn diện các phân hệ của phần mềm Quản lý nghiệp vụ Premia. Nâng cấp phần mềm FTS lên phiên bản mới và hoàn thiện với phần mềm quản lý nghiệp vụ Premia đảm bảo dữ liệu chính xác, đầy đủ và đồng bộ.
- » Xây dựng và triển khai thành công giải pháp Trung tâm cơ sở dữ liệu tập trung Datahouse giúp kết nối các phần mềm hiện có và tạo ra cơ sở dữ liệu tập trung.
- » Chuyển đổi, nâng cấp hệ thống hóa đơn điện tử nhằm giảm thiểu chi phí cấp phát hóa đơn, sai sót trong kê khai thuế và tiết kiệm thời gian. Triển khai ứng dụng văn phòng điện tử tại Văn phòng Tổng Công ty giúp quản lý chặt chẽ, thông minh hơn hệ thống văn bản đi, đến đồng thời tiết kiệm được nhiều thời gian và chi phí.
- » Tận dụng các ứng dụng phần mềm hỗ trợ của nhà đầu tư chiến lược để trợ giúp công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý nhân sự, phòng chống trục lợi, hỗ trợ kỹ thuật nghiệp vụ, ...
- » Triển khai sử dụng hệ thống báo cáo thông minh hỗ trợ đánh giá, phân tích cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- » Xây dựng chiến lược công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2025 cho PJICO.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU BAY PETROLIMEX (PA)



“

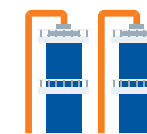
Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) được thành lập vào năm 2008, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu hàng không cho các hãng máy bay trong nước và quốc tế. Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trong giai đoạn đầu thành lập, PA hiện đã vươn mình trở thành ngôi sao sáng trong số các công ty con của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex (PA) được thành lập vào năm 2008, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu hàng không cho các hãng máy bay trong nước và quốc tế. Vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trong giai đoạn đầu thành lập, PA hiện đã vươn mình trở thành ngôi sao sáng trong số các công ty con của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Sự thành công và phát triển của PA đã phá vỡ thế độc quyền trên thị trường cung cấp nhiên liệu bay, vốn được thống trị bởi Công ty Xăng dầu Hàng không Việt Nam – đơn vị thành viên của Vietnam Airlines. Hiện nay, PA đang cung cấp toàn bộ nhiên liệu và dịch vụ tra nạp cho các tàu bay của hãng hàng không Vietjet tại các Cảng hàng không, các sân bay mà Công ty cung cấp dịch vụ (sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Cát Bi, Đà Nẵng và Cam Ranh). Ngoài ra, PA cũng là nhà cung cấp uy tín, chất lượng với các hãng hàng không quốc tế như Emirates Airline, Singapore Airlines, Etihad Airways, Air France...

Năm 2018, Thị trường hàng không Việt Nam tiếp tục duy trì mức tăng trưởng tốt, tuy nhiên vẫn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cung cấp nhiên liệu, bên cạnh đó giá nhiên liệu hàng không diễn biến khó lường cùng với các nhà cung cấp cắt giảm nguồn cung gây nhiều khó khăn cho công tác kinh doanh của PA. Với nỗ lực của tập thể PA cùng với sự hỗ trợ của Tập đoàn và các công ty

trong ngành PA đã khắc phục các khó khăn, từ đó tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2018 với doanh thu và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng mạnh. Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng 110%, đạt 425 tỷ đồng, hoàn thành 103,6% kế hoạch đề ra. Sản lượng xuất bán năm 2018 đạt 1.086.416 m³, cao hơn 29% so với kế hoạch và bằng 136% so với TH năm 2017; tỷ suất LNTT/Vốn chủ sở hữu đạt 41%. Từ năm 2016, PA trở thành đơn vị có sản lượng bán xăng dầu đứng thứ 4 toàn ngành và mang lại lợi nhuận cao nhất trong số các Tổng Công ty/ Công ty con của Tập đoàn.

Năm 2019 và các năm tiếp theo, PA tiếp tục hoàn thiện hệ thống, mở rộng mạng lưới cung cấp nâng cao năng lực cạnh tranh, tiết giảm chi phí đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, PA theo dõi, bám sát diễn biến thị trường xăng dầu trong và ngoài nước từ đó duy trì lượng hàng tồn kho một cách có hiệu quả nhất. Với lợi thế là thành viên của Petrolimex, PA tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ quốc tế thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại phát huy thế mạnh của thương hiệu Petrolimex để tạo lợi thế cạnh tranh, phát triển thị trường, phần đầu đạt KH năm 2019 sản lượng tăng trưởng 7%, lợi nhuận tăng 5% so với thực hiện năm 2018.



Kết quả Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex đạt được năm 2018

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

425

TỶ ĐỒNG

↑ **110%** so với năm 2017

SẢN LƯỢNG XUẤT BÁN

1.086.416

M³

↑ **29%** so với kế hoạch

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Năm 2019, Công ty dự kiến tập trung triển khai các định hướng lớn và giải pháp cụ thể như sau:

CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN



CÁC GIẢI PHÁP

- » Đảm bảo an toàn tuyệt đối và hiệu quả của công tác tạo nguồn, nhất là duy trì hiệu quả ngay từ khâu tạo nguồn và tối ưu hóa công tác vận chuyển;
- » Theo dõi chặt chẽ và có chính sách linh hoạt kịp thời đảm bảo tuyệt đối an toàn về công tác thu hồi công nợ khách hàng;
- » Tập trung triển khai khẩn trương các dự án đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện tra nạp, ... để kịp thời đảm bảo đáp ứng vận hành an toàn, ổn định của toàn hệ thống;
- » Đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới bán hàng trong và ngoài nước;
- » Tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới liên quan tới ngành hàng không (như dầu mỡ nhờn hàng không, nhiên liệu sinh học), khách hàng mới và thị trường mới (như bán hàng cho các hãng hàng không nội địa ở các sân bay nước ngoài);
- » Rà soát và kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng chuyên nghiệp-hiệu quả-tinh gọn;
- » Rà soát và kịp thời ban hành các văn bản quy phạm nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- » Tham vấn Tập đoàn trong công tác nghiên cứu và xây dựng chiến lược phát triển để xây dựng được chiến lược phát triển phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn, xu thế phát triển của mặt hàng nhiên liệu hàng không và ngành hàng không trong nước và trên thế giới.

KHỐI XÂY LẮP, CƠ KHÍ, THIẾT BỊ XĂNG DẦU, XUẤT NHẬP KHẨU VÀ TIN HỌC

Từ giữa năm 2018, lĩnh vực xây lắp và thiết kế được tái cấu trúc theo Quyết định 828/QĐ-TTg ngày 31/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, hình thành Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrolimex (PGCC), Tập đoàn chỉ còn giữ 35% vốn điều lệ tại PGCC. Hoạt động SXKD của khối này vẫn tiếp tục ổn định, hiệu quả, xoay quanh trục chính là kinh doanh xăng dầu. Lợi nhuận hợp nhất năm 2018 của PGCC đạt 35 tỷ đồng.

KHỐI CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT KHÁC

Liên doanh Castrol – BP Petco lợi nhuận năm 2018 đạt 1.735 tỷ đồng, tăng trưởng gần 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cổ tức của Tập đoàn dự kiến nhận được gần 500 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

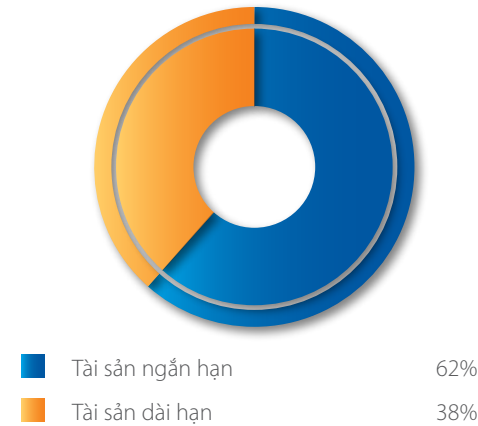
Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2018 của Tập đoàn là: 56.171 tỷ đồng giảm 9,06% so với cuối kỳ năm 2017, tương ứng với 5.598 tỷ đồng. Trong đó:

» Tài sản Dài hạn tăng 350 tỷ đồng tập trung chủ yếu tại khoản mục tài sản dở dang dài hạn và đầu tư tài chính dài hạn.

» Tài sản Ngắn hạn giảm 5.948 tỷ đồng tương ứng với giảm 14,68 % so với đầu kỳ, tập trung chủ yếu tại khoản mục tiền và hàng tồn kho.

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 20.245 tỷ đồng (không bao gồm Lợi ích cổ đông không kiểm soát) giảm 274 tỷ đồng so với đầu kỳ, trong đó chủ yếu là giảm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2018



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ CÔNG TY MẸ

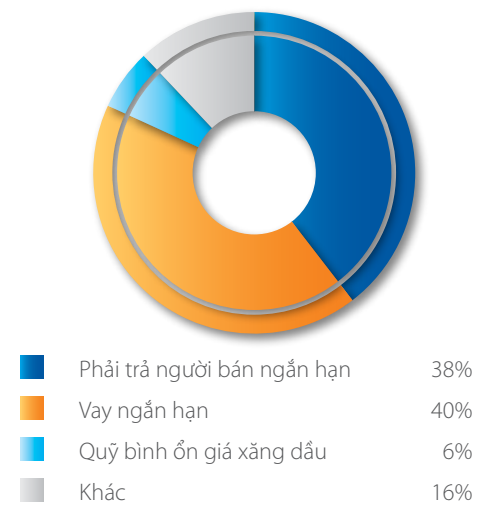
Phải trả người bán ngắn hạn 8.461 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 3.163 tỷ đồng, Tập đoàn dầu khí Việt Nam – Chi nhánh phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn 3.135 tỷ đồng, Vitol Asia: 1.001 tỷ đồng.

» Vay ngắn hạn 7.137 tỷ đồng, quỹ bình ổn giá xăng dầu 1.931 tỷ đồng được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 do liên Bộ Công Thương-Tài chính ban hành;

» Các khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm tiền thuế và các khoản phải nộp chưa đến hạn, tiền lương, các khoản khác... tổng số 236 tỷ đồng.

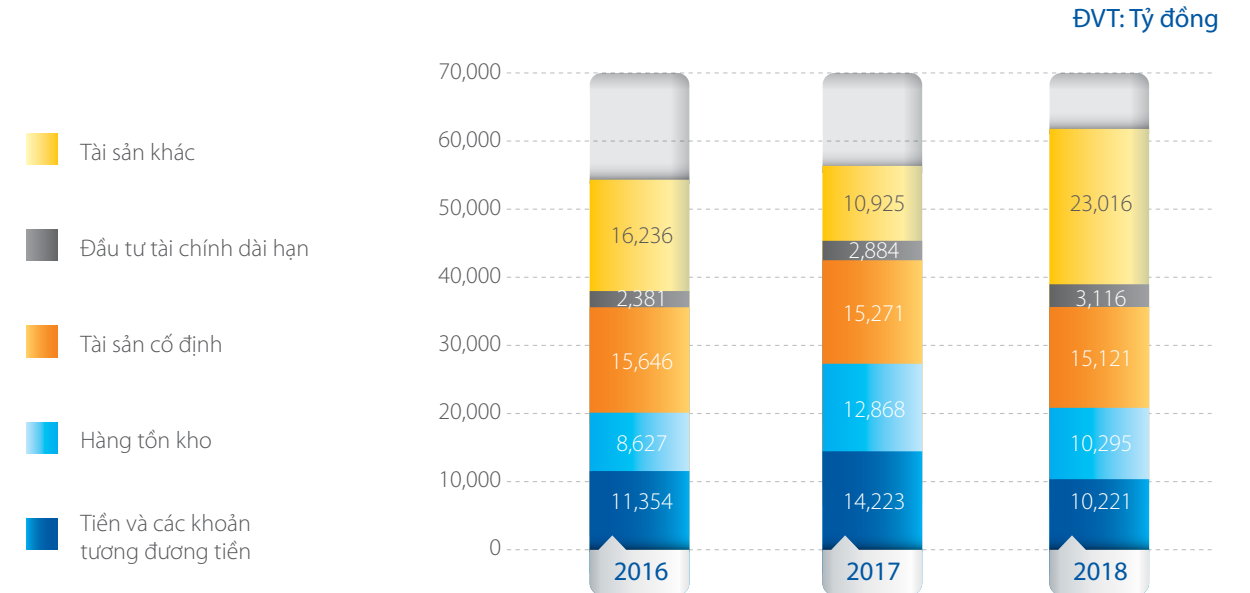
Các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn tại Công ty Mẹ là các khoản trong hạn thanh toán hợp đồng; các khoản phải thu, phải trả dài hạn không có số cuối kỳ.

NỢ PHẢI TRẢ 2018



STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2017		NĂM 2018		TỶ LỆ TĂNG/GIẢM
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	
A	Tổng tài sản	61.769	100%	56.171	100%	-9%
1	Tài sản ngắn hạn	40.526	65,61%	34.578	62%	2%
2	Tài sản dài hạn	21.243	34,39%	21.593	38%	-15%
B	Tổng cộng nguồn vốn	61.769	100%	56.171	100%	-9%
1	Nợ phải trả	38.385	62,14%	33.186	59%	-14%
	- Nợ ngắn hạn	35.758	57,89%	31.575	95%	-12%
	- Nợ dài hạn	2.627	4,25%	1.611	5%	-39%
2	Vốn chủ sở hữu	23.384	37,86%	22.984	41%	-2%

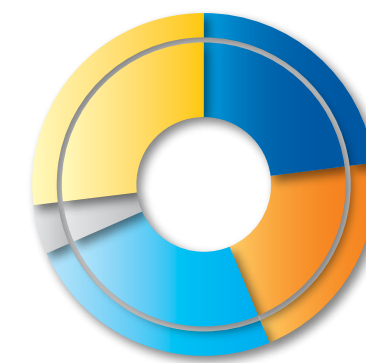
CƠ CẤU TÀI SẢN GIAI ĐOẠN 2016 - 2018



CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2016



CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2017

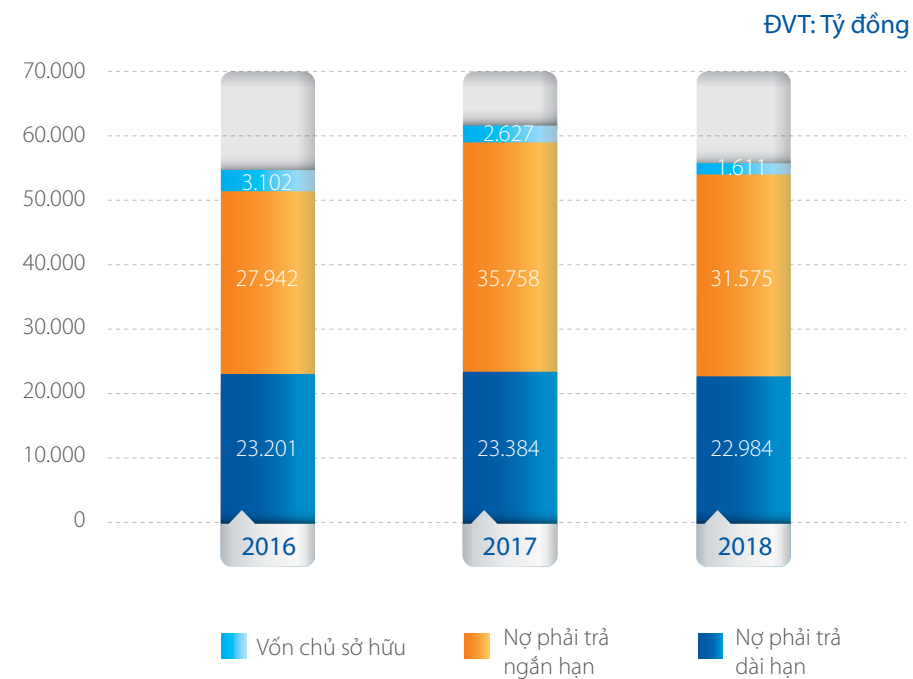


CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2018



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

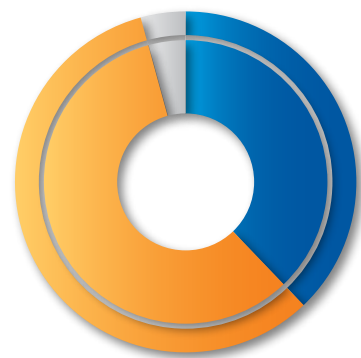


CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2016



Vốn chủ sở hữu	43%
Nợ phải trả ngắn hạn	51%
Nợ phải trả dài hạn	6%

CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2017



Vốn chủ sở hữu	38%
Nợ phải trả ngắn hạn	58%
Nợ phải trả dài hạn	4%

CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2018



Vốn chủ sở hữu	41%
Nợ phải trả ngắn hạn	56%
Nợ phải trả dài hạn	3%

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH

- » Tiếp tục cải tiến các quy trình tích hợp với Egas, hệ thống xuất hàng tự động tại các kho để khắc phục các vấn đề tồn tại phát sinh trong quá trình vận hành khai thác hệ thống;
- » Triển khai giải pháp tích hợp và tối ưu hóa hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu nhằm đảm bảo tối ưu trong quản trị, quản lý và giảm thiểu chi phí vận hành, xử lý và khắc phục các sự cố cho các hệ thống ứng dụng trọng điểm của Tập đoàn;
- » Tổ chức xác lập các nội dung cần cải tiến quy trình nghiệp vụ, các báo cáo cần khai thác chế độ drill down, lưu trữ báo cáo để sử dụng lại...

CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT RỦI RO, TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

- » Thường xuyên thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên để tăng cường công tác quản lý, giám sát từ việc lập kế hoạch đến triển khai thực hiện tất cả các khoản mục chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật. Quán triệt, đôn đốc các biện pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành từ khâu nhập khẩu, tồn chứa, lưu thông và bán hàng;
- » Tập trung mọi nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực chuyên ngành và lĩnh vực phụ trợ kinh doanh xăng dầu, không đầu tư vào các ngành nghề không phải là thế mạnh của Tập đoàn.
- » Tăng cường, đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại các địa bàn kinh doanh trên cả nước nhằm mục tiêu giữ vững và phát triển thị phần.
- » Triển khai dự án xây dựng Khung quản lý rủi ro cho Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên để từng bước nâng cao năng lực quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính.



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2019

Theo dự báo của quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ đạt 3,9% trong năm 2019, giá nhập khẩu các sản phẩm xăng, dầu hỏa năm 2019 được dự kiến ở mức 67-70 USD/thùng, mazut 350 USD/tấn.

Nền kinh tế trong nước tiếp tục hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, trong đó có việc tham gia vào các cam kết kinh tế quốc tế, nhất là các FTA thế hệ mới. Mục tiêu tổng quát của năm 2019 theo định hướng của Chính phủ là: "Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước đạt khoảng 6,8%". Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ 33-34,6% GDP.

Bên cạnh những thuận lợi trên, năm 2019 cũng dự báo một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tập đoàn:

Mức độ cạnh tranh trên thị trường tăng dần theo hàng năm; Tình trạng vi phạm thương hiệu, gian lận thương mại diễn biến ngày càng phức tạp, tình vi khó kiểm soát và chưa được đẩy lùi... Số lượng TNPP tăng nhanh gây ra sự cạnh tranh về giá ngày càng khốc liệt, ảnh hưởng lớn đến hệ thống trung gian, đặt biệt là đối với kênh bán lẻ. Các TNPP có nhiều điều kiện để thu hút, lôi kéo hệ thống phân phối tiếp theo, tạo điều kiện cho cửa hàng xăng dầu xã hội có thể áp dụng nhiều hình thức khuyến mại, giảm giá trực tiếp... cho khách hàng, nguy cơ ảnh hưởng trọng yếu đến tốc độ gia tăng sản lượng bán lẻ của Tập đoàn.

Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn vận hành tối đa công suất sẽ tác động trực tiếp đến công tác tạo nguồn, điều độ vận tải, đường vận động hàng hóa, cơ cấu, tỷ trọng các mặt hàng của Tập đoàn, đặc biệt thị trường miền Bắc và Bắc miền Trung.

Với dự báo tình hình nêu trên, Ban Điều hành Tập đoàn đặt ra một số chỉ tiêu kế hoạch 2019 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KH 2019	SO VỚI TH 2018 (%)
Sản lượng xăng dầu xuất bán (*)	m ³ , tấn	12.227.600	95%
Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	195.000	1,6%
Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	tỷ đồng	5.250	104%
Chia cổ tức	%	Tối thiểu 12%	
Tổng giá trị đầu tư	tỷ đồng	1.886	122%

(*) Bao gồm bán nội địa, bán tái xuất, bán quốc tế, sản lượng của Công ty cổ phần nhiên liệu bay, Petrolimex Lào và sản lượng bán không bao gồm dầu thô của Petrolimex Singapore.

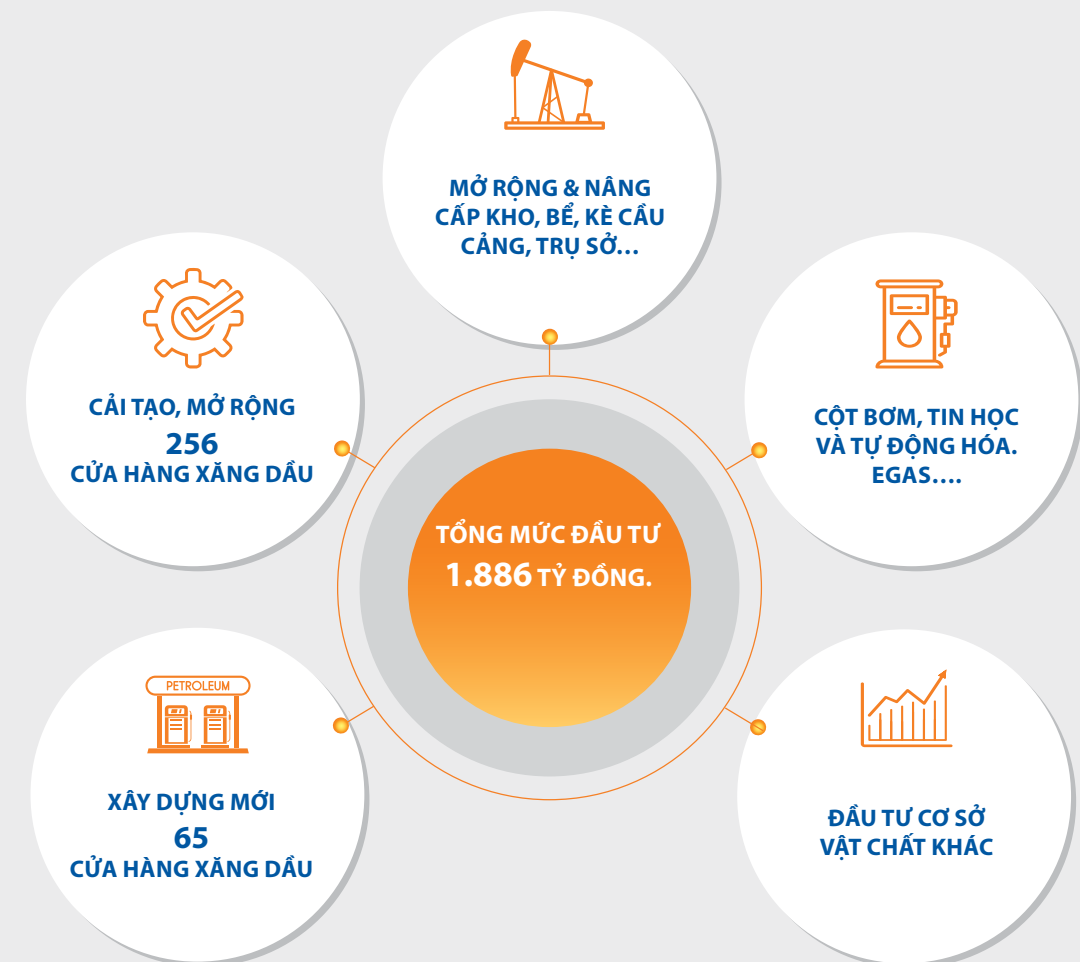


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT NĂM 2018 KHỐI XĂNG DẦU

Trong năm 2019, Ban Điều hành tiếp tục xác định tập trung gia tăng phương thức bán lẻ, phương thức mang lại lợi nhuận chính của ngành hàng trên cơ sở phát huy lợi thế thương hiệu, hệ thống rộng khắp các tỉnh thành của Tập đoàn. Do đó công tác đầu tư cơ sở vật chất của

khối kinh doanh xăng dầu nội địa năm 2019 sẽ đặt trọng tâm việc sửa chữa và phát triển mới CHXD. Tập đoàn dự kiến xây dựng mới 65 cửa hàng xăng dầu, cải tạo nâng cấp 256 cửa hàng với tổng mức đầu tư khoảng 1.156 tỷ đồng.

CÔNG TRÌNH	SỐ LƯỢNG (CỬA HÀNG)	GIÁ TRỊ (TỶ ĐỒNG)
Xây dựng mới CHXD	65	702
Cải tạo, mở rộng CHXD	256	454
Mở rộng & nâng cấp kho, bể, kè cầu cảng, trụ sở...		357.92
Cột bơm, tin học và tự động hóa. EGAS....		256.18
Khác		116.42
Tổng cộng		1.886



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2019 (tiếp theo)

CÁC KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRỌNG TÂM KHÁC TRONG NĂM 2019

“Năm 2018 vừa qua là năm thứ tư liên tiếp Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đạt được kết quả đáng khích lệ khi hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch.”

Năm 2018 vừa qua là năm thứ tư liên tiếp Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đạt được kết quả đáng khích lệ khi hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch. Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất đạt 191.932 tỷ đồng, tăng 24% so với kế hoạch và 25% so với thực hiện 2017; tổng sản lượng hợp nhất đạt 12.878.580 m³/tấn, tăng 5% so với năm 2017, vượt 3% so với kế hoạch Tập đoàn đặt ra; lợi nhuận hợp nhất đạt 5.043 tỷ, tăng 5% so với năm 2017.

Đầu tư phát triển mạng lưới bán lẻ là một trong những điểm nhấn ấn tượng của Tập đoàn trong năm 2018 với 120 cửa hàng xăng dầu mới, nâng tổng số lên gần 2.600 cửa hàng xăng dầu xứng đáng tầm vóc thương hiệu Petrolimex, cung cấp sản phẩm tiên phong DO-V & E5 thân thiện môi trường, được quản lý đồng bộ tích hợp công nghệ 4.0.

Đối với các cổ đông, năm 2018 Tập đoàn dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ không thấp hơn 30%. Với hiệu quả lợi nhuận mang lại cho các cổ đông như vậy, Tập đoàn được đánh giá là một trong những Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán kinh doanh đạt mức lợi nhuận tốt và có mức trả cổ tức tiền mặt cao, ổn định qua các năm. Trong 2 năm liên tiếp 2016 - 2017, Tập đoàn được Tạp chí Forbes vinh danh quán quân doanh thu và nằm trong top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam, lọt vào danh sách “40 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam”.

Petrolimex ngày càng cải thiện và nâng cao quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế; minh bạch hóa, công khai hóa trong quản trị và công bố thông tin. Đồng thời, ngoài việc giữ vai trò trọng yếu trong việc phát triển thị trường xăng dầu Việt Nam, năm 2019, Petrolimex còn đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng về sản lượng, lợi nhuận, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hướng đến an sinh xã hội, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, nhà đầu tư.



TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

191.932

TỶ ĐỒNG

↑ 25% so với năm 2017

TỔNG SẢN LƯỢNG HỢP NHẤT

12.878.580

M³/TẤN

↑ 5% so với năm 2017

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

5.043

TỶ ĐỒNG

↑ 5% so với năm 2017

Tập đoàn đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 như sau:

An toàn mọi mặt của quá trình sản xuất - kinh doanh (con người, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, tiền, hàng,...); Hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh 2019; Tối ưu hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật; Quản trị tiên tiến, hiệu quả; Tập trung cung ứng đủ xăng dầu cho sự phát triển; Xây dựng giá phù hợp với sự chi trả của người dân, hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững; Đảm bảo chất lượng xăng dầu, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chống thất thoát, lãng phí,...

Để hoàn thành những nhiệm vụ trên, Tập đoàn đã đưa ra các giải pháp với nội dung chủ yếu như sau:

» Đối với lĩnh vực xăng dầu, tập trung đầu tư các hoạt động cốt lõi đã và đang triển khai gồm logistics, pha chế, chất lượng, công nghệ thông tin & tự động hóa. Đẩy mạnh nghiên cứu thị trường theo chiều sâu để đưa ra các quyết sách kinh doanh linh hoạt, gia tăng sản lượng trên tất cả các kênh bán hàng. Bảo vệ thành công thương hiệu Petrolimex trước mọi hành vi xâm phạm để bảo vệ quyền lợi Petrolimex và minh bạch xăng dầu theo Nghị định 83.

» Rà soát toàn bộ hệ thống xăng dầu quốc gia, từ đó xây dựng quy hoạch trong nội bộ, phát triển mạng lưới bán lẻ.

» Dự báo nhu cầu, cơ cấu về sử dụng xăng dầu trong giai đoạn 2019 - 2020, 2020 - 2025 và 2025 - 2030, chủ động nguồn cung, đáp ứng nhu cầu sản phẩm.

» Triển khai, ứng dụng những tiến bộ về khoa học công nghệ đảm bảo tính minh bạch, công khai, chống thất thoát xăng dầu; Có giải pháp giảm chi phí đầu vào giúp giảm giá thành sản phẩm, xây dựng giá bán hợp lý, phù hợp với đối tượng người dân.

» Trên cơ sở các sản phẩm chủ lực, cần nâng cao hiệu quả các sản phẩm khác ngoài xăng dầu, chú ý đến tính phát triển ổn định để sản phẩm phụ không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh sản phẩm chính, là xăng dầu.

» Đối với 6 lĩnh vực gồm cả xăng dầu, tiếp tục phát huy tính hệ thống thông qua phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thành viên nhằm đạt hiệu quả kinh doanh chung, xác lập vị thế không chỉ trong nước mà cả tại nước ngoài.

Công tác tái cấu trúc:

Tiếp tục triển khai phương án giảm vốn Nhà nước xuống 51% theo lộ trình phê duyệt tại Quyết định 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty Mẹ để quản trị hiệu quả trong bối cảnh mới, đáp ứng kỳ vọng phát triển của cổ đông.






04

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA PETROLIMEX

“ Cùng sự cố gắng nỗ lực vượt bậc của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, kết quả SXKD đạt được của Tập đoàn năm 2018 tương đối toàn diện, các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt và vượt mức được Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua.


12.897
TRIỆU M³, TẤN

Tổng sản lượng xăng dầu xuất bán


191.977
TỶ ĐỒNG

Tổng doanh thu hợp nhất


5.043
TỶ ĐỒNG

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất

Năm 2018, Tập đoàn đã hoàn thành chuyển giao thể hệ lãnh đạo cấp cao; Cơ bản hoàn thành việc tái cấu trúc Tập đoàn theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ và từ ngày 01/10/2018 chính thức chuyển về trực thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Môi trường vĩ mô có nhiều thuận lợi, kinh tế trong nước tiếp tục ổn định và tăng trưởng, GDP năm 2018 đạt 7,08%, là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây; Nguồn ngoại tệ dồi dào, tỷ giá biến động thấp hơn dự kiến; Chính phủ đã có một năm thành công về mặt điều hành chính sách giá, trong đó công tác điều hành giá xăng dầu được Liên bộ Tài chính - Công Thương kiên định theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, bám sát giá dầu thế giới để điều hành thị trường xăng dầu nội địa. Trong năm, Liên Bộ đã có 20 lần điều chỉnh giá bán xăng dầu theo đúng chu kỳ 15 ngày/lần.

Tập đoàn đã thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để ra, bám sát diễn biến thị trường và chính sách vĩ mô của Nhà nước, kịp thời có giải pháp phù hợp và hiệu quả đối với từng vùng thị trường, từng đơn vị và từng thời điểm; cùng sự cố gắng nỗ lực vượt bậc của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, kết quả SXKD đạt được của Tập đoàn năm 2018 tương đối toàn diện, các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt và vượt mức được Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua. Một số chỉ tiêu chính:

- » **Tổng sản lượng xăng dầu xuất bán: 12.879** triệu m³, tấn đạt 102,5% kế hoạch.
- » **Tổng doanh thu hợp nhất: 191.977** tỷ đồng đạt 121,5% kế hoạch.
- » **Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 5.043** tỷ đồng đạt 101% kế hoạch.

Tập đoàn chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Tập thể lãnh đạo Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Tập đoàn luôn đảm bảo sự phối hợp và tính thống nhất cao trong công tác điều hành; Cơ bản hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo và tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.

Tổng Giám đốc luôn phát huy cao nhất vai trò của người đứng đầu, luôn tập trung chỉ đạo nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động SXKD theo định hướng phát triển bền vững. Các Phó Tổng Giám đốc đã nỗ lực hoàn thành các lĩnh vực được phân công phụ trách và giúp Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ chung.

Năm 2018, Ban Điều hành của Tập đoàn đã hoàn thành tốt việc điều hành kinh doanh, cụ thể: Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt; Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm được HĐQT phê duyệt; Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Tập đoàn; Tiếp tục xây dựng và củng cố các nền tảng phát triển bền vững theo định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020.



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

“HĐQT đã tổ chức 59 lần lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản khi quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT nhằm chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tập đoàn.”

HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng quy định. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tập đoàn để đề ra và triển khai các Nghị quyết thực hiện. Ngoài các phiên họp định kỳ theo quy định, HĐQT đã tổ chức 59 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tập đoàn. Một số công việc chính:

- » HĐQT đã lãnh đạo Tập đoàn SXKD có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông.
- » HĐQT đã chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 theo đúng quy định.
- » HĐQT đã chỉ đạo sửa đổi hoàn thiện và ban hành hệ thống quy chế quản trị nội bộ phù hợp với mô hình mới, của công ty niêm yết.
- » HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tập đoàn;
- » Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- » Các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;
- » HĐQT đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD và các kế hoạch khác trình ĐHĐCĐ phê duyệt;
- » Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động SXKD các Công ty hàng quý theo quy định;
- » HĐQT đã chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định;
- » HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam theo quy định của Chính phủ và Bộ Công Thương. Sau khi hoàn tất việc thành lập Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex vào tháng 04 năm 2018, Tập đoàn đã tái cấu trúc thành công, đúng pháp luật các doanh nghiệp thành viên theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31/5/2011 và Văn bản số 11490/BCT-TCCB ngày 27/11/2012 của Bộ Công Thương.
- » HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, tổ chức tốt thị trường, rà soát xây dựng lại cơ chế kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường, đặc biệt tổ chức đánh giá hệ thống kho tàng để có chiến lược đầu tư, tăng cường giám sát, quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật: Định mức hao hụt, phí qua kho, cước vận chuyển, tổ chức tiếp nhận và khai thác tốt kho ngoại quan Vân Phong để gia tăng hiệu quả SXKD.
- » HĐQT đã chỉ đạo và giao Nhóm đại diện đối với phần vốn của Tập đoàn tại các Tổng Công ty/ Công ty cổ phần, TNHH nhiều thành viên xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- » HĐQT đã chỉ đạo thực hiện công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết theo đúng quy định.
- » Chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc khác của Tập đoàn theo đúng thẩm quyền quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2019, HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị Tập đoàn. Căn cứ vào tình hình thực tế của Tập đoàn, HĐQT sẽ ra Nghị quyết thông qua mục tiêu kế hoạch là duy trì được sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả kinh doanh, dự kiến mức chia cổ tức năm 2019 tối thiểu là 12%; kèm với đó là các biện pháp thực hiện nhiệm vụ, tập trung vào các vấn đề lớn sau:

- » Chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- » Tổ chức thực hiện xây dựng Chiến lược phát triển của Tập đoàn phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH của Việt Nam nói chung và định hướng chiến lược phát triển của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chiến lược và quy hoạch phát triển của ngành dầu khí Việt Nam nói riêng.
- » Tiếp tục triển khai tái cấu trúc theo Đề án tái cấu trúc Tập đoàn, rà soát lại mô hình tổ chức, đặc biệt các Công ty có nhiều công ty con, chi nhánh để có phương án tái cơ cấu từng bước tiến tới mô hình gọn, hiệu quả, tiết giảm chi phí theo đúng định hướng tái cơ cấu của Chính phủ.
- » Xây dựng phương án, lộ trình giảm vốn Nhà nước xuống 51% theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2019-2020; Giảm tỷ lệ vốn sở hữu của Tập đoàn tại Pjico xuống còn 35,1%; Thực hiện sáp nhập thành công PG Bank và HD Bank...
- » Hoàn thiện Quy hoạch hệ thống CSVCKT kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn 2030.
- » Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp:
 - Rà soát lại các dự án đầu tư để lựa chọn thứ tự ưu tiên, không đầu tư dàn trải;
 - Tập đoàn tiếp tục duy trì hợp đồng quản lý vốn tập trung với các Ngân hàng lớn để tăng nhanh vòng quay vốn; Áp dụng mức lãi suất tốt so với mặt bằng thị trường vốn; Sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính;
 - Triển khai xây dựng phương án thoái vốn; lựa chọn cách thức thoái vốn tối ưu trên cơ sở các yếu tố pháp lý, vĩ mô thuận lợi để hoàn thành theo đúng quy định.
- » Đề xuất các Bộ, Ngành có liên quan xem xét sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và phân phối xăng dầu ở Việt Nam.
- » Tăng cường hội nhập quốc tế; đầu tư, kinh doanh ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.





05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01 **ÔNG PHẠM VĂN THANH**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1972
Nguyên quán	Hưng Yên
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)



04 **ÔNG NGUYỄN THANH SƠN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1962
Nguyên quán	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc PLX



05 **ÔNG LÊ VĂN HƯỜNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1963
Nguyên quán	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hóa, Cử nhân kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh, Tiếng Tiệp Khắc
Vị trí công tác hiện nay	Trưởng Ban Nhân sự, Lương, Thưởng PLX



02 **ÔNG YOSHIHIRO SATO**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1958
Quốc tịch:	Nhật Bản
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay	Phó chủ tịch cấp cao JXTG Energy



03 **ÔNG PHẠM ĐỨC THẮNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1961
Nguyên quán	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh, Tiếng Nga
Vị trí công tác hiện nay	Tổng Giám đốc PLX



06 **ÔNG TRẦN NGỌC NĂM**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1965
Nguyên quán	Nam Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc PLX



07 **ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh	1971
Nguyên quán	Phú Thọ
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ kinh tế
Trình độ Lý luận chính trị	Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ	Tiếng Anh; Tiếng Nga
Vị trí công tác hiện nay	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex

224

NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN HÀNH TRONG NĂM 2018



“

Tại Đại hội cổ đông ngày 27/04/2018, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt thành viên HĐQT mới. Theo đó, ông Yoshihiro Sato, thay thế ông Hitoshi Kato, làm đại diện vốn của cổ đông chiến lược JX tại Tập đoàn, để tham gia HĐQT, giữ chức vụ Thành viên HĐQT. Tại cuộc họp HĐQT cùng ngày, HĐQT đã nhất trí bầu ông Phạm Văn Thanh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tập đoàn nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp 11 phiên, ban hành

17

Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp 11 phiên, ban hành 224 Nghị quyết và 17 Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được duy trì đều đặn hàng tháng. Các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tập đoàn, cụ thể như sau:

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- » Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho: Công ty Mẹ - Tập đoàn, các Tổng Công ty/ Công ty TNHH MTV; Người đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn tại các Công ty cổ phần và các Công ty liên doanh liên kết;
- » Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;
- » Giám sát các công tác đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị;
- » Triển khai, xây dựng, ban hành mới các định mức kinh tế kỹ thuật, các quy chế quản trị nội bộ theo phân cấp;
- » Phê duyệt tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- » Phê duyệt chủ trương việc mua, nhượng bán, thanh lý, đầu tư,... tài sản cố định tại các đơn vị thành viên theo phân cấp.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

- » Phê duyệt và giám sát các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định;
- » Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Tập đoàn theo định hướng, yêu cầu của Chính Phủ và Bộ Công Thương;
- » Thực hiện quy trình điều động, bổ nhiệm cán bộ giữ các chức vụ tại các đơn vị và các phòng, ban của Tập đoàn theo phân cấp về công tác cán bộ;
- » Rà soát, bổ sung và phê duyệt danh sách cán bộ quy hoạch giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2025 thuộc diện Tập đoàn quản lý của các đơn vị thành viên.

BAN KIỂM SOÁT

Bộ máy Ban Kiểm soát gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NĂM SINH	TRÌNH ĐỘ CM
1	Đình Viết Tiến	Trưởng ban	1960	Cử nhân kinh tế
2	Đặng Thị Hồng Hà (*)	Kiểm soát viên	1963	Cử nhân kinh tế
3	Phạm Thị Dung(**)	Kiểm soát viên	1972	Cử nhân kinh tế
4	Hoàng Mai Ninh (***)	Kiểm soát viên	1978	Thạc sĩ kinh tế
5	Nguyễn Vinh Thanh	Kiểm soát viên	1963	Thạc sĩ kinh tế
6	Tống Văn Hải	Kiểm soát viên	1980	Thạc sĩ quản trị kinh doanh

(*) Bà Đặng Thị Hồng Hà nghỉ hưu từ 01/04/2018;

(**) Bà Phạm Thị Dung là Kiểm soát viên Ban Kiểm soát Tập đoàn từ 27/4/2018;

(***) Bà Hoàng Mai Ninh là Kiểm soát viên Ban Kiểm soát Tập đoàn từ 27/4/2018;

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:

- » Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2018 tại văn bản số 0344/PLX-BKS ngày 26/3/2018.
- » Xây dựng Báo cáo của Ban Kiểm soát và Tờ trình chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính trình ĐHQĐ Tập đoàn năm 2018.
- » Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên bằng văn bản.
- » Xây dựng kế hoạch công tác của từng Kiểm soát viên Ban Kiểm soát.
- » Tổ chức thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác giám sát, phân tích Báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính kịp thời và có chất lượng.
- » Thực hiện thẩm định, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp theo định kỳ.
- » Tham dự các cuộc họp và có ý kiến tham gia với HĐQT Tập đoàn.
- » Tổ chức kiểm tra, giám sát trực tiếp tại 05 Cty (01 Cty CP, 04 Cty XD), tham gia phối hợp kiểm tra, giám sát khác tại 06 Cty thành viên thuộc Tập đoàn.
- » Tham gia rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ, quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế - kỹ thuật... về quản trị nội bộ Tập đoàn.
- » Xây dựng dự thảo quy trình thực hiện họp Ban Kiểm soát, quy trình thực hiện giám sát theo lĩnh vực công tác.
- » Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD.
- » Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ 04 lần, các lần họp này được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- » Thực hiện các công việc có liên quan khác của Tập đoàn.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG HỢP

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ban Tổng hợp là một phần trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Chức năng chính của Ban là:

- » Tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý các mặt hoạt động của Tập đoàn.
- » Là đầu mối thường trực quan hệ và tập hợp các nội dung công việc giữa HĐQT với các cổ đông, với các tổ chức đơn vị trong và ngoài Tập đoàn.
- » Làm Thư ký Tập đoàn; Thư ký Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trong việc giải quyết các công việc quản trị Tập đoàn.

Nhiệm vụ chính của Ban Tổng hợp như sau:

- » Tổng hợp nội dung, xây dựng chương trình họp định kỳ và bất thường của HĐQT; theo dõi quá trình tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

» Tổng hợp và dự thảo tờ trình để HĐQT trình ĐHQĐ thông qua chiến lược, kế hoạch dài hạn của Công ty mẹ - Tập đoàn; kế hoạch hàng năm của Tập đoàn; Phối hợp các Ban trình HĐQT quyết định kế hoạch hàng năm, ngành, nghề kinh doanh của các công ty con do Tập đoàn sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, giao kế hoạch cho nhóm đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại các công ty cổ phần.

» Tổng hợp, theo dõi và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty Xăng dầu TNHH một thành viên với HĐQT theo chế độ báo cáo quy định. Phối hợp chuẩn bị tài liệu và dự thảo các văn bản có liên quan để HĐQT xem xét, chỉ đạo và quyết định theo thẩm quyền.

» Tổng hợp, theo dõi tình hình hoạt động của các công ty cổ phần, TNHH nhiều thành viên và liên kết có vốn góp của Tập đoàn.



CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, Ban Tổng hợp thực hiện công tác chuyên môn thể hiện trên các mặt chính sau:

- » Tham mưu giúp HĐQT tổ chức thành công 12 phiên họp được triệu tập, giúp Chủ tịch HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản gần 60 lần để ban hành trên 200 Nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (đã công bố thông tin trên Website của Tập đoàn, đồng thời đã báo cáo UBCKNN và đại diện chủ sở hữu vốn).
- » Tham mưu có hiệu quả về công tác quản trị doanh nghiệp:
 - Năm 2018 đã chủ trì/ phối hợp với các phòng/ ban của Tập đoàn nghiên cứu soạn thảo, sửa đổi, bổ sung để HĐQT ban hành: Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn, Quy định phân công người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, Quy định xử lý văn bản trên eOffice của Tập đoàn phù hợp với mô hình tổ chức mới và quy định của pháp luật để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Tập đoàn.
 - Chủ trì/ phối hợp với các phòng/ Ban Tập đoàn tham mưu, đề xuất để HĐQT quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của 10 Tổng Công ty/ Công ty TNHH MTV do Tập đoàn làm chủ sở hữu phù hợp với mô hình tổ chức mới và quy định của pháp luật.
 - Chủ trì/ phối hợp với các Ban HĐQT xây dựng quy trình thẩm định, báo cáo HĐQT Tập đoàn phê duyệt tài liệu ĐHCĐ 2018 tại các 19 Tổng Công ty/ Công ty cổ phần Petrolimex thường niên năm 2018 đảm bảo thời gian, chất lượng, theo quy định.
 - Phối hợp với các phòng/ ban có liên quan của Tập đoàn tham mưu, đề xuất các nội dung công việc để HĐQT tổ chức ĐHCĐ thường niên của Tập đoàn ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo quy định.

- Phối hợp với các phòng/ ban có liên quan thực hiện việc công bố thông tin về quản trị doanh nghiệp năm 2017 và 6 tháng năm 2018 theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các phòng/ ban có liên quan tham mưu giúp HĐQT giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 cho Công ty mẹ - Tập đoàn, 46 Tổng Công ty/ Công ty TNHH MTV, Người đại diện vốn tại 22 Tổng Công ty/ Công ty cổ phần, TNHH nhiều thành viên.
- Chủ trì, phối hợp với các phòng/ ban có liên quan tham mưu giúp HĐQT đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, xếp loại người quản lý doanh nghiệp năm 2017 tại Công ty mẹ - Tập đoàn và 67 đơn vị thành viên (Bộ Công Thương đã có QĐ về việc xếp Tập đoàn đạt loại A năm 2017).
- » Tham mưu, đề xuất để HĐQT quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh cho các công ty xăng dầu.
- » Phối hợp với các phòng/ ban có liên quan tham mưu công việc bàn giao đại diện chủ sở hữu vốn từ Bộ Công Thương về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.
- » Thực hiện công tác tổng hợp báo cáo của Kiểm soát viên tại các Tổng Công ty/ Công ty TNHH MTV do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; công tác tổng hợp báo cáo định kỳ của Người đại diện vốn, của Trưởng Ban Kiểm soát tại các Tổng Công ty/ Công ty cổ phần, TNHH nhiều thành viên theo quy định.
- » Thực hiện nhiệm vụ được giao của Ban Quản lý cổ đông Tập đoàn.

BAN CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

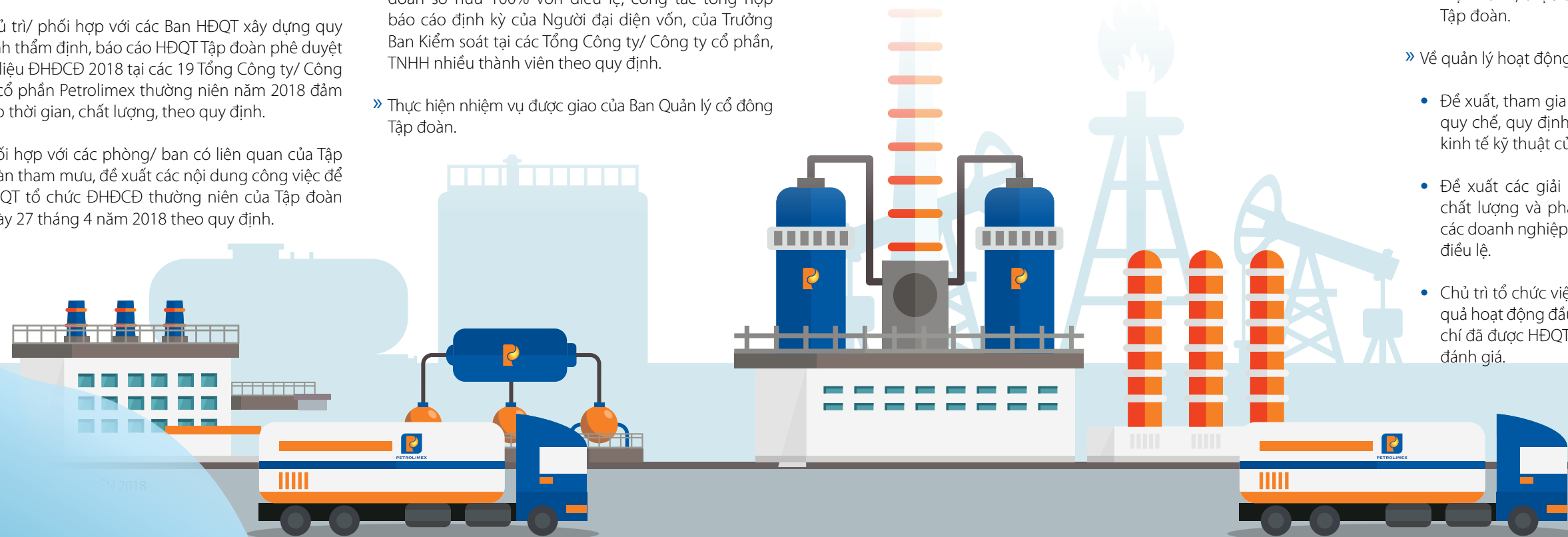
CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ban Chiến lược Đầu tư là một phần trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam với chức năng chính là:

- » Xây dựng chiến lược phát triển, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược và đề xuất thay đổi về chiến lược của toàn Tập đoàn.
- » Thúc đẩy việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển của Tập đoàn.
- » Xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư phát triển ngắn, trung và dài hạn.
- » Đề xuất, thẩm định, phối hợp kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư, các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.
- » Kiểm tra, giám sát việc triển khai các dự án đầu tư của Tập đoàn.
- » Đề xuất, theo dõi đánh giá hiệu quả hoạt động, quản lý vốn đầu tư của Tập đoàn vào các công ty con, công ty liên kết đa sở hữu.

Nhiệm vụ chính của Ban được quy định như sau:

- » Về chiến lược phát triển của Tập đoàn:
 - Chủ trì nghiên cứu và phối hợp với các bộ phận chức năng có liên quan trong Tập đoàn xây dựng Chiến lược phát triển của Tập đoàn.
 - Xác định những mục tiêu cơ bản để xem xét, nhận định và báo cáo để xuất HĐQT xem xét phê duyệt về định hướng phát triển của Tập đoàn trong từng thời kỳ phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tập đoàn.
 - Nghiên cứu, báo cáo để xuất HĐQT các biện pháp quản lý, chỉ đạo nhằm thúc đẩy việc triển khai thực hiện định hướng phát triển, chiến lược phát triển của Tập đoàn đã được HĐQT phê duyệt. Tham gia, đồng đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp thực hiện định hướng phát triển, chiến lược phát triển của Tập đoàn đã được HĐQT phê duyệt.
 - Đề xuất các kiến nghị, giải pháp điều chỉnh và hoàn thiện chiến lược phát triển của Tập đoàn và chiến lược kinh doanh của các Công ty con, Công ty liên kết của Tập đoàn phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành, thực tiễn và chiến lược phát triển của Tập đoàn.
- » Về quản lý hoạt động đầu tư của Tập đoàn:
 - Đề xuất, tham gia xây dựng, sửa đổi, thẩm định các quy chế, quy định quản lý về đầu tư, các định mức kinh tế kỹ thuật của Tập đoàn.
 - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng và phạm vi các hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp do Tập đoàn sở hữu trên 50% vốn điều lệ.
 - Chủ trì tổ chức việc đánh giá chính sách đầu tư, kết quả hoạt động đầu tư theo danh mục và những tiêu chí đã được HĐQT đề ra, báo cáo HĐQT các kết quả đánh giá.



CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Năm 2018, Ban Chiến lược Đầu tư đã thực hiện các công việc với nội dung như sau:

- » Phối hợp với các Ban chuyên môn của HĐQT, các phòng ban nghiệp vụ của Tập đoàn, các đơn vị có chức năng và các công ty thành viên trong Tập đoàn để hoàn thành các nhiệm vụ theo phân công và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.
- » Tham gia thực hiện sửa đổi Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Quyết định 075/PLX-QĐ-HĐQT ngày 25/02/2014 của Tập đoàn.
- » Hoàn thành hồ sơ đăng ký tham gia trở thành nhà đầu tư chiến lược của Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- » Thực hiện nhiệm vụ triển khai Dự án đầu tư vào lĩnh vực khí tự nhiên hóa lỏng hợp tác giữa Tập đoàn và Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- » Thực hiện nhiệm vụ đối với Ban triển khai Dự án đầu tư vào Nhà máy lọc dầu Marifu tại Nhật Bản hợp tác với JXTG; Ban Chỉ đạo về hợp tác chiến lược giữa Tập đoàn và JXTG; Ban Chỉ đạo thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình tòa nhà Văn phòng Tập đoàn; Ban triển khai Dự án phát hành tăng vốn; Ban Nghiên cứu phát triển CHXD trên đường cao tốc; Ban Kaizen; Ban Kế hoạch hóa của Tập đoàn;
- » Thực hiện Thỏa thuận hợp tác của Tập đoàn với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Sovico Holdings, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, CTCP Tập đoàn Đèo Cả, Tập đoàn Vingroup, CTCP Hóa dầu Quân đội và Tổng Công ty Hàng không Việt Nam;
- » Tham gia xây dựng và thẩm định, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm đối với Tổng Công ty PG Contrade, PLS, PLL, PLC, Pjico, PGTankers, PTC và PA; Tham gia xây dựng Đề án Phát triển chiến lược của Tập đoàn.
- » Đánh giá báo cáo đề xuất chủ trương xây dựng Đề án Hệ thống tự động hóa và tham gia triển khai Đề án.
- » Phối hợp với cổ đông chiến lược nghiên cứu, báo cáo đề xuất HĐQT các giải pháp quản trị để nâng cao hiệu quả hoạt động;
- » Thực hiện nhiệm vụ thường trực và thư ký Ban Kaizen của Tập đoàn.

BAN KIỂM TOÁN

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ban Kiểm toán là 1 trong 4 ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT) với các chức năng chính là:

- » Tham mưu giúp việc cho HĐQT trong lĩnh vực: Giám sát, xây dựng và kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và tuân thủ pháp luật trong Tập đoàn; Tham mưu giúp việc cho HĐQT về lĩnh vực tài chính kế toán.
- » Thực hiện hoạt động đánh giá và tư vấn nội bộ có tính chất độc lập và khách quan trong Tập đoàn, phát hiện và kiến nghị xử lý các vấn đề sai sót, tồn tại, rủi ro đã và có thể phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- » Đề xuất, kiến nghị các giải pháp cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành hoạt động kinh doanh và công tác tài chính, kế toán trong Tập đoàn.

Ban Kiểm toán có những nhiệm vụ chính là:

- » Kiểm tra, thẩm định, trình HĐQT thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn và các công ty thành viên.
- » Giúp việc HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo phân cấp, thẩm quyền.
- » Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm toán nội bộ trong Tập đoàn và các đơn vị thành viên.
- » Trên cơ sở kết quả của công tác kiểm toán nội bộ đưa ra những kiến nghị và tư vấn, đề xuất với HĐQT.
- » Theo dõi, giám sát việc thực hiện các kiến nghị và chỉ đạo sau kiểm toán.

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, Ban Kiểm toán đã tập trung thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch công tác được giao, thể hiện trên một số mặt công tác như sau:

- » Tham mưu giúp việc cho HĐQT về công tác tài chính kế toán, cơ chế điều hành kinh doanh, thẩm định các định mức chi phí, lập báo cáo giám sát tài chính định kỳ... đáp ứng các yêu cầu về thời gian, chất lượng đặc biệt nâng cao chất lượng các Báo cáo giám sát tài chính nội bộ định kỳ.
- » Thực hiện theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị Tập đoàn, phối hợp cùng các phòng/ban chức năng của Tập đoàn trong việc thực hiện triển khai Dự án "Triển khai xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam" với kết quả đạt chất lượng, tiến độ đề ra.
- » Thực hiện công tác kiểm tra giám sát tại một số đơn vị thành viên theo kế hoạch giám sát và kiểm toán nội bộ năm 2018.
- » Thẩm định và trình HĐQT ban hành Quy chế tài chính đối với Tổng Công ty vận tải và dịch vụ Petrolimex (PTC), Tổng Công ty vận tải thủy Petrolimex (PGT) và Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào.
- » Tham gia ý kiến góp ý bổ sung, điều chỉnh một số quy trình, quy chế quản lý của Tập đoàn.



CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG, THƯỜNG

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ban Nhân sự - Lương Thường có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT chỉ đạo, quản lý trong các lĩnh vực:

- » Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn.
- » Công tác tổ chức trong Tập đoàn và cán bộ thuộc đối tượng HĐQT Tập đoàn quản lý.
- » Công tác quản lý lao động và tiền lương, tiền thưởng, chế độ chính sách trong Tập đoàn.

Nhiệm vụ chính của Ban bao gồm:

- » Về chiến lược phát triển nguồn nhân lực:
 - Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất HĐQT xem xét phê duyệt Chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp cho từng thời kỳ.
 - Kiến nghị, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn đã đề ra.
- » Về công tác tổ chức cán bộ:
 - Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất mô hình tổ chức, bộ máy hoạt động SXKD của Tập đoàn theo phân cấp, phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
 - Tổ chức xây dựng quy hoạch, đào tạo cán bộ của Tập đoàn; thẩm định quy trình đánh giá, công tác luân chuyển cán bộ trong Tập đoàn.
- » Về công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ chính sách:
 - Nghiên cứu, xây dựng quy trình, quy chế về công tác quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng, thù lao, chế độ chính sách đối với công nhân viên chức Tập đoàn.
 - Tham gia giám sát việc thực hiện Bộ luật Lao động, các chính sách đối với người lao động và công tác đào tạo.



HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

» Về công tác về tổ chức và cán bộ:

- Công tác tổ chức: Thẩm định các đề xuất và trình HĐQT xem xét quyết định/phê duyệt cơ cấu quản trị doanh nghiệp; Công tác quản lý tổ chức bộ máy trong Tập đoàn theo phân cấp quản lý; thành lập Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex (PGCC), Ban Quản trị rủi ro thuộc HĐQT Tập đoàn.
 - Công tác quy hoạch cán bộ: Ban đã tiến hành thẩm định, báo cáo trình HĐQT Tập đoàn phê duyệt quy hoạch cán bộ thuộc diện Tập đoàn quản lý tại một số công ty con thuộc Tập đoàn.
 - Công tác bổ nhiệm cán bộ: Thực hiện quy trình đề bầu Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/5/2018 và bổ sung 03 Phó Tổng giám đốc Tập đoàn.
- » Về Công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách:
- Theo dõi và thực hiện các chế độ đối với cán bộ HĐQT Tập đoàn quản lý đảm bảo đúng quy định và kịp thời;
 - Tham gia thẩm định Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của HĐQT, BKS do các đơn vị đề nghị trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
 - Duy trì thực hiện chi trả tạm ứng thù lao hàng tháng và quyết toán năm cho người đại diện vốn kiêm nhiệm tại các Công ty có vốn góp của Tập đoàn.

BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ban Quản trị rủi ro có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT chỉ đạo, quản lý trong các lĩnh vực bao gồm:

- » Chiến lược quản trị rủi ro, Công tác tổ chức, quản lý, rà soát, đánh giá về hoạt động quản trị rủi ro của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật.
- » Công tác quan hệ nhà đầu tư (IR): tiếp xúc, làm việc với các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tài chính trong nước và nước ngoài có sở hữu hoặc quan tâm đến việc đầu tư vào cổ phiếu của Tập đoàn.

Nhiệm vụ chính của Ban Quản trị rủi ro:

- » Nghiên cứu, xây dựng, và đề xuất HĐQT xem xét phê duyệt Chiến lược quản trị rủi ro, quy chế và chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Tập đoàn.
- » Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp chiến lược quản trị rủi ro của Tập đoàn đề ra.
- » Kiến nghị các giải pháp điều chỉnh và hoàn thiện chiến lược quản trị rủi ro của Tập đoàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
- » Báo cáo, tham mưu giúp HĐQT Tập đoàn nắm bắt được chính xác, toàn diện về việc quản lý rủi ro để điều hành và giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo sự hoạt động của các thành viên trong Tập đoàn đúng theo định hướng, chiến lược phát triển chung và thực hiện được các mục tiêu của Tập đoàn, phù hợp với quy định của Pháp luật.
- » Quản lý, chỉ đạo việc thực hiện công tác quản lý rủi ro của Bộ phận Quản lý rủi ro, trong đó bao gồm việc xây dựng các văn bản định chế về quản lý rủi ro; tiếp nhận và rà soát các báo cáo quản lý rủi ro định kỳ và đột xuất từ Tổng Giám đốc và bộ phận quản lý rủi ro về tình trạng và hiệu quả của công tác quản lý rủi ro, các rủi ro trọng điểm trước khi báo cáo trình lên HĐQT xem xét.
- » Giám sát và chất vấn hoạt động quản lý, xử lý rủi ro, đưa ra ý kiến kịp thời về các vấn đề rủi ro quan trọng cho các Ban trực thuộc HĐQT, Ban Điều hành và các đơn vị trong Tập đoàn.

» Chịu trách nhiệm báo cáo, tham mưu về rủi ro, quản lý và xử lý rủi ro cho HĐQT để HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT bao gồm các vấn đề về:

- Định hướng cơ cấu, mức độ tăng trưởng các khoản mục tài sản – nguồn vốn, hiệu quả các tài sản – nguồn vốn trên bảng cân đối của Tập đoàn, phù hợp với khả năng tăng trưởng bền vững của bảng cân đối tài sản và phù hợp với các chính sách quản trị rủi ro đã được HĐQT thông qua hàng năm.
- Quản lý và điều hành cơ chế về luân chuyển vốn giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên cũng như giữa các đơn vị thành viên với nhau nhằm tối ưu hóa nguồn vốn; Quy chế quản lý công nợ; Việc bảo lãnh, thế chấp, tín chấp cho các công ty vay vốn.
- Các phương án đầu tư, huy động vốn, thoái vốn, bán cổ phiếu quỹ, phát hành giấy tờ có giá của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết mà Tập đoàn nắm quyền chi phối.
- Đánh giá chất lượng các tài sản lớn, các dự án đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Ban Quản trị rủi ro mới được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2018. Trong năm 2018, dù mới đi vào hoạt động được 6 tháng xong Ban Quản trị rủi ro đã tích cực triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được phân công. Cụ thể, trong 6 tháng cuối năm, các hoạt động của Ban như sau:

- » Nghiên cứu, xây dựng, và đề xuất HĐQT xem xét phê duyệt Chiến lược quản trị rủi ro, quy chế và chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Tập đoàn; phối hợp với các Phòng ban có liên quan để thiết lập 13 rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- » Tổ chức gặp gỡ và làm việc với các nhà đầu tư, tổ chức tài chính trong và ngoài nước để triển khai nhiệm vụ bán cổ phiếu quỹ của Tập đoàn theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư cơ sở vật chất cho Tập đoàn.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tập đoàn được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tập đoàn theo quy định của Nhà nước;

Tiền thưởng (nếu có) của Ban quản lý, điều hành Tập đoàn sẽ được trích từ lợi nhuận sau thuế và thực hiện theo Quy chế quản lý Tài chính của Tập đoàn;

Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tập đoàn;

Căn cứ phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn năm 2018 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua. Số liệu tiền lương, thù lao được hưởng là:

 **9.227**

TỶ ĐỒNG

Tiền lương, thù lao kiêm nhiệm tham gia HĐQT Tập đoàn của Ban quản lý điều hành (Gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng).

 **3.674**

TỶ ĐỒNG

Tiền lương của các UVHĐQT chuyên trách, thù lao của các UVHĐQT kiêm nhiệm khác. Trong đó: Tiền lương của các Thành viên HĐQT chuyên trách: 3.062.841 đồng.

 **3.839**

TỶ ĐỒNG

Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát. Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát, được thực hiện theo Điều lệ, quy chế, quy định hiện hành của Tập đoàn.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	THỜI ĐIỂM 01/01/2018		THỜI ĐIỂM 31/12/2018		LÝ DO TĂNG/GIẢM
			Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	
1	Hoàng Thị Yến Oanh	Vợ ông Lê Văn Hương	0	0	1.700	0,0001	Mua
2	Lê Thị Thu Hà	Em gái ông Lê Văn Hương	3.000	0,00023	2.000	0,00015	Bán, mua
3	Đình Quang Bách	Anh trai bà Đình Thị Kiều Trang	0	0	100	0,00000	Mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: Không có





06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các văn bản thành lập	<p>Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.</p> <p>Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 5 tháng 5 năm 1995. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 1 tháng 11 năm 2017.</p>	
Hội đồng Quản trị	<p>Ông Phạm Văn Thanh</p> <p>Ông Bùi Ngọc Bảo</p> <p>Ông Phạm Văn Thanh</p> <p>Ông Nguyễn Thanh Sơn</p> <p>Ông Phạm Đức Thắng</p> <p>Ông Trần Ngọc Năm</p> <p>Ông Lê Văn Hương</p> <p>Ông Nguyễn Anh Dũng</p> <p>Ông Yoshihiro Sato</p> <p>Ông Hitoshi Kato</p>	<p>Chủ tịch (từ ngày 1/5/2018)</p> <p>Chủ tịch (đến ngày 30/4/2018)</p> <p>Ủy viên</p> <p>Ủy viên</p> <p>Ủy viên</p> <p>Ủy viên</p> <p>Ủy viên</p> <p>Ủy viên</p> <p>Ủy viên (từ ngày 27/4/2018)</p> <p>Ủy viên (đến ngày 26/4/2018)</p>
Ban Tổng Giám đốc	<p>Ông Phạm Đức Thắng</p> <p>Ông Trần Ngọc Năm</p> <p>Ông Nguyễn Quang Dũng</p> <p>Ông Nguyễn Văn Sự</p> <p>Ông Đào Nam Hải</p> <p>Ông Nguyễn Thanh Sơn</p> <p>Ông Nguyễn Xuân Hùng</p> <p>Ông Lưu Văn Tuyển</p> <p>Ông Vương Thái Dũng</p>	<p>Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/5/2018)</p> <p>Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/5/2018)</p> <p>Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)</p> <p>Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/6/2018)</p>
Trụ sở đăng ký	Số 1, Khâm Thiên, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31 tháng 3 năm 2019

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00065-19-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		34.578.075.982.910	40.526.370.730.962
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	10.220.835.547.036	14.223.421.508.261
Tiền	111		4.153.214.642.077	5.705.904.913.235
Các khoản tương đương tiền	112		6.067.620.904.959	8.517.516.595.026
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.714.407.291.361	2.505.007.709.502
Chứng khoán kinh doanh	121		5.256.246.000	6.021.246.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.858.302.864)	(2.053.067.986)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	4.712.009.348.225	2.501.039.531.488
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.458.601.071.959	7.462.114.111.441
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	7.005.872.124.081	6.811.902.244.793
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		345.207.153.297	374.679.687.768
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	517.264.599.588	590.517.831.399
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(411.260.131.686)	(315.787.838.951)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.517.326.679	802.186.432
Hàng tồn kho	140	10	10.294.894.147.123	12.867.551.209.134
Hàng tồn kho	141		10.885.554.215.474	12.890.760.772.088
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(590.660.068.351)	(23.209.562.954)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.889.337.925.431	3.468.276.192.624
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		214.190.706.717	217.282.436.389
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		328.040.723.919	305.744.694.520
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.324.555.775.906	2.910.198.024.758
Tài sản ngắn hạn khác	155		22.550.718.889	35.051.036.957

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		21.593.107.132.773	21.242.690.361.597
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.644.627.553	88.684.537.328
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		764.038.491	75.342.051.954
Phải thu dài hạn khác	216		38.879.930.623	40.103.033.030
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(18.999.341.561)	(26.760.547.656)
Tài sản cố định	220		15.121.166.611.332	15.270.763.892.934
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.088.046.588.593	13.325.714.869.802
<i>Nguyên giá</i>	222		30.549.814.979.282	29.308.854.603.054
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.461.768.390.689)	(15.983.139.733.252)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.033.120.022.739	1.945.049.023.132
<i>Nguyên giá</i>	228		2.653.048.915.542	2.488.000.589.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(619.928.892.803)	(542.951.566.190)
Bất động sản đầu tư	230	13	199.379.225.971	165.266.207.789
<i>Nguyên giá</i>	231		269.571.985.795	221.292.437.042
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(70.192.759.824)	(56.026.229.253)
Tài sản dở dang dài hạn	240		875.013.410.257	780.123.324.785
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	2.393.855.199
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	875.013.410.257	777.729.469.586
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.115.721.080.960	2.883.912.021.826
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	7(c)	2.937.427.661.822	2.677.987.826.627
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(d)	301.127.119.507	315.196.457.265
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125.833.700.369)	(110.772.262.066)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	3.000.000.000	1.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.261.182.176.700	2.053.940.376.935
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.233.354.898.790	2.018.235.656.410
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		24.569.042.779	32.964.618.879
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		22.118.300	22.118.300
Tài sản dài hạn khác	268		3.236.116.831	2.717.983.346
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		56.171.183.115.683	61.769.061.092.559

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		33.186.900.072.934	38.385.075.927.607
Nợ ngắn hạn	310		31.575.525.373.909	35.757.792.050.085
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.489.789.725.099	15.270.928.443.422
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		120.644.200.273	200.891.527.721
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.886.187.361.415	1.730.337.723.799
Phải trả người lao động	314		847.409.526.049	922.143.296.413
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		319.384.394.810	268.697.389.078
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.066.875.730	13.064.987.675
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	235.593.345.411	243.367.242.706
Vay ngắn hạn	320	19(a)	13.357.481.938.226	13.745.080.780.307
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		64.578.033.000	44.890.213.714
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		316.868.629.672	278.309.850.371
Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323	20	1.930.521.344.224	3.040.080.594.879
Nợ dài hạn	330		1.611.374.699.025	2.627.283.877.522
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11.397.060.920	10.897.063.530
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	908.435.872
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		931.818.164	14.478.816.904
Phải trả dài hạn khác	337		159.757.079.402	167.086.416.528
Vay dài hạn	338	19(b)	1.350.371.049.841	2.406.437.211.735
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.797.690.698	5.342.959.580
Dự phòng phải trả dài hạn	342		81.120.000.000	19.067.212.373
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	3.065.761.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.984.283.042.749	23.383.985.164.952
Vốn chủ sở hữu	410	21	22.984.283.042.749	23.383.985.164.952
Vốn cổ phần	411	22	12.938.780.810.000	12.938.780.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.938.780.810.000	12.938.780.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.246.997.553.623	2.246.997.553.623
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.093.793.763.574	1.132.410.233.797
Cổ phiếu quỹ	415	22	(1.350.648.460.000)	(1.350.648.460.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	21	(1.294.725.514.734)	(1.317.118.937.352)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		12.242.160.703	5.425.927.848
Quỹ đầu tư phát triển	418		971.137.171.719	951.687.189.578
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	1.337.042.365.416	1.333.225.579.172
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.290.620.538.148	4.578.569.554.201
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		640.861.350.470	4.578.569.554.201
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.649.759.187.678	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.739.042.654.300	2.864.655.714.085
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		56.171.183.115.683	61.769.061.092.559

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Xuân Đức
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Bá Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		191.979.275.263.458	153.736.210.568.322
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.197.358.198	39.153.702.504
Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp (10 = 01 - 02)	10	4	191.932.077.905.260	153.697.056.865.818
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	4	178.041.353.481.913	141.400.532.111.654
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		13.890.724.423.347	12.296.524.754.164
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	994.256.425.636	791.143.396.401
Chi phí tài chính	22	27	1.508.034.550.907	790.644.542.111
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		864.678.771.880	570.685.109.732
Phần lãi trong các công ty liên doanh, liên kết	24	28	635.383.483.159	456.054.595.116
Chi phí bán hàng	25	29	8.559.770.481.125	7.320.736.564.998
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		575.093.420.463	817.994.151.452
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		4.877.465.879.647	4.614.347.487.120
Thu nhập khác	31		249.963.422.715	324.762.583.078
Chi phí khác	32		84.869.525.199	154.142.930.181
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		165.093.897.516	170.619.652.897
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.042.559.777.163	4.784.967.140.017
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	983.535.549.148	894.833.667.465
Chi phí/(Lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	10.939.924.429	(21.529.227.908)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.048.084.303.586	3.911.662.700.460
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty mẹ	61		3.649.759.187.678	3.468.269.610.133
Cổ đông không kiểm soát	62		398.325.115.908	443.393.090.327
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.766	3.013

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Xuân Đức
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Bá Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.042.559.777.163	4.784.967.140.017
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.072.134.909.956	2.270.612.080.495
Các khoản dự phòng	03		753.635.479.105	159.296.827.871
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.332.029.314	(6.469.072.880)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.273.660.290.645)	(1.004.973.777.952)
Chi phí lãi vay	06		864.678.771.880	598.685.461.893
Các khoản điều chỉnh khác	07	20	(1.121.563.656.502)	1.196.555.262.908
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.343.117.020.271	7.998.673.922.352
Biến động các khoản phải thu	09		(440.573.782.443)	1.320.871.822.290
Biến động hàng tồn kho	10		1.592.558.581.222	(4.246.984.415.304)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(867.709.740.677)	(1.415.655.866.905)
Biến động chi phí trả trước	12		(36.933.925.094)	115.316.915.176
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(2.906.257.914)	73.094.392.400
			6.587.551.895.365	3.845.316.770.009
Tiền lãi vay đã trả	14		(865.515.827.354)	(573.420.957.022)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(967.768.822.649)	(1.118.582.308.573)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.004.405.847	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(394.984.364.794)	(376.357.477.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.371.287.286.415	1.776.956.026.906

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09-DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.332.161.095.285)	(2.982.894.528.958)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		23.225.069.296	51.452.367.096
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.332.011.396.096)	(1.293.169.981.996)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.119.541.579.359	990.328.871.530
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(157.898.398.040)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		95.156.012.443	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.061.687.817.639	1.110.351.521.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.364.562.012.644)	(2.281.830.149.012)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	31		-	1.009.403.435.910
Tiền thu từ đi vay	33		99.067.573.679.267	68.116.310.955.538
Tiền trả nợ gốc vay	34		(100.388.168.061.012)	(61.722.389.111.374)
Tiền trả cổ tức	36		(3.688.530.405.684)	(3.978.082.311.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.009.124.787.429)	3.425.242.968.614
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.002.399.513.658)	2.920.368.846.508
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		14.223.421.508.261	11.353.600.192.147
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(186.447.567)	(50.547.530.394)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	10.220.835.547.036	14.223.421.508.261

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Trần Xuân Đức
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Bá Tùng
Kế toán trưởng

Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") trước đây là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995. Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng đặc biệt tại Quyết định số 186/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và toàn Tập đoàn đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107370 ngày 1 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 12 năm 2011 với tên gọi là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Tập đoàn kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam theo các quy định của pháp luật.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn có chức năng nhiệm vụ đầu tư, phát triển kinh doanh xăng dầu theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành thương mại của Nhà nước, ngành nghề kinh doanh bao gồm kinh doanh kho, cảng xăng dầu, khảo sát, thiết kế, xây lắp các công trình xăng dầu và dẫn dụng, xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, vật tư thiết bị phục vụ ngành xăng dầu và các ngành khác, dịch vụ khách sạn và dịch vụ du lịch. Ngoài ra, Tập đoàn còn được kinh doanh đa ngành theo quy định của pháp luật, thực hiện nhiệm vụ khác do Nhà nước giao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Cơ cấu của Tập đoàn gồm có Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Công ty mẹ") và các công ty thành viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 55 công ty con bao gồm 43 công ty xăng dầu do Tập đoàn sở hữu 100% vốn thuộc Khối Xăng dầu trực thuộc và 12 công ty con khác (1/1/2018: 62 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 7(b), 13 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2018: 16 công ty liên doanh, liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 7(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 24.726 nhân viên (1/1/2018: 20.259 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ("công ty liên doanh") là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Trong số các công ty liên kết của Tập đoàn có một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("PJICO") và một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ("PG Bank"). Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá ảnh hưởng của các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư góp vốn vào lĩnh vực bảo hiểm và ngân hàng tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và Quản lý, Sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Theo đó, Tập đoàn đã có kế hoạch thoái vốn tại các công ty liên kết này.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) **Ngoại tệ**

(i) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được xác định như sau:

- » Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các công ty con thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- » Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các công ty con thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) **Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) **Các khoản đầu tư**

(i) **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

(e) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(f) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tập đoàn trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(iii) Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Quyết định số 491/PLX-QĐ-HĐQT ngày 7 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc Ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với các công ty thành viên và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 20 năm
Phương tiện vận chuyển	6 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	5 – 10 năm

Trong năm 2018, các công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP và Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số tài sản cố định hữu hình để phản ánh hợp lý hơn thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao hợp nhất trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao hợp nhất 56.288 triệu VND.

(h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, bản quyền phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm cả chi phí đến bù giải phóng, san lấp mặt bằng.

Quyền sử dụng đất gồm có:

- » Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- » Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp;
- » Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất. Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm

Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm và bản quyền vào sử dụng. Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là từ 35 – 50 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và một số phần mềm máy tính của Tập đoàn chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005, Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và về việc "Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai" trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 10 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh liên quan đến cổ phần hóa

Lợi thế kinh doanh liên quan đến cổ phần hóa của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam được xác định và hạch toán theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59") và Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định 59. Theo đó, giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Tiềm năng phát triển doanh nghiệp được tính dựa trên Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm định giá nhân với chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 3 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và Lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm gần nhất thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam trị giá 542.140.339.196 VND và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45 và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí sửa chữa phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của các tài sản cố định hữu hình. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(v) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 do liên Bộ Công Thương và Bộ Tài chính ban hành quy định về "Phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh giá xăng dầu" ("Thông tư 39") và Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 39. Theo đó:

- » Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính) và được ghi nhận vào Giá vốn hàng bán trong năm đối ứng với khoản nợ dài hạn;
- » Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính. Khi sử dụng Quỹ cho mục đích bình ổn giá, phần sử dụng được ghi giảm Giá vốn hàng bán trong năm;
- » Lãi phát sinh dương hoặc phát sinh âm (khi vay vốn bổ sung cho phần sử dụng vượt Quỹ bình ổn giá xăng dầu) trên tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu được ghi nhận tăng hoặc giảm tương ứng tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Tập đoàn mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

(p) Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá lại giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo Biên bản Định giá của Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam và căn cứ trên Hồ sơ Quyết toán Cổ phần hóa đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Tập đoàn đã thực hiện ghi nhận tăng giá gốc của các khoản đầu tư này trong bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền là 1.317.118.937.352 VND, trong khi phần vốn chủ sở hữu của các đơn vị nhận đầu tư này của Tập đoàn không được định giá lại.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được định giá lại và giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(q) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn xác định nghĩa vụ thuế thu nhập căn cứ theo vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan thuế có thẩm quyền.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty mẹ chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tập đoàn được lập theo khu vực địa lý.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan để cập tới các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh xăng dầu			Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND	Kinh doanh các sản phẩm gas VND	Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm VND	Kinh doanh dịch vụ vận tải VND	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
	Khối xăng dầu thành viên VND	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu thành viên VND								
Tài sản										
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.036.775.509.207	1.944.447.605.473	583.654.569.745	54.075.074.424	-	580.516.913.339	21.365.874.848	-	-	10.220.835.547.036
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.749.172.656.836	-	110.809.348.225	690.310.000.000	-	164.115.286.300	-	-	-	4.714.407.291.361
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.275.843.546.979	3.465.904.507.371	1.878.626.068.186	313.632.584.059	-	466.253.833.973	47.109.170.832	(1.988.768.639.441)	-	7.458.601.071.959
Hàng tồn kho	7.652.137.847.757	951.270.895.030	1.139.019.474.211	157.461.009.254	-	466.435.932.916	9.087.770.288	(80.518.782.333)	-	10.294.894.147.123
Tài sản ngắn hạn khác	1.598.570.876.235	41.194.102.393	83.615.899.195	42.809.262.073	-	120.313.516.854	2.798.175.183	36.093.498	-	1.889.337.925.431
Các khoản phải thu dài hạn	229.220.951.219	433.150.000	4.258.194.500	447.246.338	-	3.429.747.336	52.152.000	(217.196.813.840)	-	20.644.627.553
Tài sản cố định	7.575.685.928.126	632.661.263.785	677.907.867.529	408.691.183.069	-	4.331.664.611.024	1.664.409.111.657	(169.853.353.858)	-	15.121.166.611.332
Bất động sản đầu tư	50.130.973.897	-	3.234.686.485	7.191.291.209	-	135.921.201.155	2.901.073.225	-	-	199.379.225.971
Tài sản dở dang dài hạn	337.205.406.862	103.472.438.164	162.641.748.723	1.899.285.450	-	246.780.465.314	23.014.065.744	-	-	875.013.410.257
Đầu tư tài chính dài hạn	6.664.642.763.371	10.000.000.000	43.534.152.089	-	-	65.883.521.112	13.746.247.789	(3.682.085.603.401)	-	3.115.721.080.960
Tài sản dài hạn khác	1.592.648.832.406	115.972.186.511	166.941.510.806	322.042.079.409	-	59.788.120.311	3.789.447.257	-	-	2.261.182.176.700
Tổng tài sản	39.762.035.292.895	7.265.356.148.727	4.854.243.519.694	1.998.559.015.285	-	6.641.103.149.634	1.788.273.088.823	(6.138.387.099.375)	-	56.171.183.115.683
Nợ phải trả										
Nợ ngắn hạn	21.034.730.475.122	5.686.749.369.595	3.441.161.911.141	1.012.164.485.688	-	1.263.253.241.590	1.046.851.252.848	(1.909.385.362.075)	-	31.575.525.373.909
Nợ dài hạn	155.728.854.346	26.068.014.480	88.354.158.642	133.897.280.285	-	1.416.474.168.748	8.049.036.364	(217.196.813.840)	-	1.611.374.699.025
Tổng nợ phải trả	21.190.459.329.468	5.712.817.384.075	3.529.516.069.783	1.146.061.765.973	-	2.679.727.410.338	1.054.900.289.212	(2.126.582.175.915)	-	33.186.900.072.934
Chi tiêu vốn	1.593.386.422.757	137.784.705.197	239.959.590.245	24.436.840.754	-	636.424.878.075	46.478.617.734	(164.617.476.933)	-	2.513.853.577.829
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	833.112.462.185	90.205.023.944	61.329.800.874	59.845.341.794	-	740.841.750.758	138.800.932.594	(16.855.395.011)	-	1.907.279.917.138
Khấu hao tài sản cố định vô hình	82.822.262.559	2.618.185.542	577.714.950	136.044.503	-	1.519.550.714	687.251.946	-	-	88.361.010.214
Khấu hao bất động sản đầu tư	856.397.729	-	-	182.593.332	-	6.406.286.756	613.034.052	-	-	8.058.311.869

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh xăng dầu			Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND	Kinh doanh các sản phẩm gas VND	Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm VND	Kinh doanh dịch vụ vận tải VND	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
	Khối xăng dầu thành viên VND	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu VND	Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND							
Tổng doanh thu thuần	144.370.241.278.283	60.595.804.340.889	6.433.978.265.807	3.261.119.630.508	-	8.918.147.225.689	2.496.779.272.041	(34.143.992.107.957)	191.932.077.905.260	
Trong đó: Doanh thu nội bộ	8.729.974.752.758	19.116.139.694.680	1.304.969.404.046	922.735.814.432	-	3.613.043.533.267	457.128.908.774	(34.143.992.107.957)	-	
Doanh thu thuần bán ra bên ngoài	135.640.266.525.525	41.479.664.646.209	5.129.008.861.761	2.338.383.816.076	-	5.305.103.692.422	2.039.650.363.267	-	191.932.077.905.260	
Chi phí kinh doanh	(141.540.348.109.038)	(59.938.284.201.145)	(6.148.318.457.871)	(3.080.371.811.231)	-	(8.553.260.118.244)	(2.222.884.254.575)	34.307.249.568.603	(187.176.217.383.501)	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(133.539.541.470.922)	(58.933.147.471.090)	(5.562.567.838.945)	(2.630.462.667.111)	-	(8.094.396.049.145)	(2.054.518.291.897)	32.773.280.307.197	(178.041.353.481.913)	
Chi phí bán hàng	(8.000.806.638.116)	(991.194.499.925)	(489.928.882.606)	(351.064.313.971)	-	(158.808.375.181)	(101.937.032.732)	1.533.969.261.406	(8.559.770.481.125)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(13.942.230.130)	(95.821.736.320)	(98.844.830.149)	-	(300.055.693.918)	(66.428.929.946)	-	(575.093.420.463)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.829.893.169.245	657.520.139.744	285.659.807.936	180.747.819.277	-	364.887.107.445	273.895.017.466	163.257.460.646	4.755.860.521.759	
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết									635.383.483.159	
Doanh thu hoạt động tài chính									994.256.425.636	
Chi phí tài chính									(1.508.034.550.907)	
Kết quả từ các hoạt động khác									165.093.897.516	
Lợi nhuận trước thuế TNDN									5.042.559.777.163	
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(983.535.549.148)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(10.939.924.429)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN									4.048.084.303.586	

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Kinh doanh xăng dầu			Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND	Kinh doanh các sản phẩm gas VND	Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm VND	Kinh doanh dịch vụ vận tải VND	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
	Khối xăng dầu thành viên VND	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu thành viên VND	Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND							
Tài sản										
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.199.994.305.573	1.758.875.839.278	564.861.713.102	70.740.984.092	-	367.807.438.165	228.666.837.325	32.474.390.726	14.223.421.508.261	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.244.927.368.000	-	43.851.350.000	953.610.000.000	-	237.259.552.100	25.359.439.402	-	2.505.007.709.502	
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.310.960.891.353	8.970.758.973.682	1.566.184.002.298	324.914.017.091	-	511.804.042.932	446.090.649.537	(7.668.598.465.452)	7.462.114.111.441	
Hàng tồn kho	10.705.506.112.354	543.158.531.686	776.729.529.665	147.138.062.837	-	347.878.515.611	425.817.558.030	(78.677.101.049)	12.867.551.209.134	
Tài sản ngắn hạn khác	3.159.051.220.047	29.329.988.111	31.552.245.989	29.752.779.659	-	137.779.182.791	65.364.803.191	15.445.972.836	3.468.276.192.624	
Các khoản phải thu dài hạn	219.802.623.420	66.823.462.460	3.864.872.800	632.941.246	-	4.904.125.380	1.258.071.600	(208.601.559.578)	88.684.537.328	
Tài sản cố định	7.281.755.962.057	635.375.379.687	508.837.657.656	440.741.618.121	-	4.533.182.719.259	2.018.685.866.932	(147.815.310.778)	15.270.763.892.934	
Bất động sản đầu tư	8.909.946.154	-	3.234.686.485	7.373.884.541	-	142.327.487.911	3.420.202.698	-	165.266.207.789	
Tài sản dở dang dài hạn	273.839.963.197	62.181.771.260	152.870.182.358	6.328.932.989	-	191.179.792.494	93.722.682.487	-	780.123.324.785	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.749.643.710.021	10.000.000.000	63.232.641.789	-	-	195.268.719.742	56.729.727.001	(4.190.962.776.727)	2.883.912.021.826	
Tài sản dài hạn khác	1.355.285.677.841	103.883.700.320	165.519.008.588	326.953.255.864	-	40.840.509.885	61.458.224.437	-	2.053.940.376.935	
Tổng tài sản	45.509.677.780.017	12.180.387.646.484	3.880.737.890.730	2.308.186.476.440	-	6.710.232.086.270	3.426.574.062.640	(12.246.734.850.022)	61.769.061.092.559	
Nợ phải trả										
Nợ ngắn hạn	26.302.718.635.831	10.853.311.898.825	2.462.289.679.528	1.366.706.698.187	-	1.197.017.569.752	1.201.787.352.127	(7.626.039.784.165)	35.757.792.050.085	
Nợ dài hạn	163.548.917.141	14.739.321.180	74.753.537.156	150.346.628.523	-	1.385.980.467.063	1.047.894.019.336	(209.979.012.877)	2.627.283.877.522	
Tổng nợ phải trả	26.466.267.552.972	10.868.051.220.005	2.537.043.216.684	1.517.053.326.710	-	2.582.998.036.815	2.249.681.371.463	(7.836.018.797.042)	38.385.075.927.607	
Chi tiêu vốn	1.432.947.330.550	134.705.494.675	180.090.380.607	66.611.955.976	18.715.891.503	678.968.125.508	58.308.218.324	(44.564.337.935)	2.525.783.059.208	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	826.486.537.143	78.361.969.049	90.096.987.432	57.636.323.469	13.603.714.082	740.226.760.688	154.998.916.729	(28.023.835.957)	1.933.387.372.635	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	92.217.460.311	1.936.530.199	732.866.929	347.422.987	4.850.728.654	2.109.679.933	1.040.126.663	-	103.234.815.676	
Khấu hao bất động sản đầu tư	855.022.794	-	-	182.593.332	1.051.882.218	6.406.286.756	360.601.608	-	8.856.386.708	

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Kinh doanh xăng dầu			Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND	Kinh doanh các sản phẩm gas VND	Kinh doanh dịch vụ bảo hiểm VND	Kinh doanh dịch vụ vận tải VND	Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
	Khối xăng dầu thành viên VND	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu VND	Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu VND							
Tổng doanh thu thuần	116.436.915.915.461	42.424.378.797.652	5.046.458.954.970	2.958.491.362.583	1.831.060.040.027	8.468.991.881.633	4.697.266.950.586	(28.166.507.037.094)	153.697.056.865.818	
Trong đó: Doanh thu nội bộ	7.505.001.431.980	13.882.776.082.352	1.118.004.732.076	802.689.028.421	235.405.703.028	4.052.136.386.016	570.493.673.221	(28.166.507.037.094)	-	
Doanh thu thuần bán ra bên ngoài	108.931.914.483.481	28.541.602.715.300	3.928.454.222.894	2.155.802.334.162	1.595.654.336.999	4.416.855.495.617	4.126.773.277.365	-	153.697.056.865.818	
Chi phí kinh doanh	(114.168.836.635.232)	(41.904.799.335.879)	(4.801.352.226.351)	(2.788.599.558.528)	(1.769.877.655.967)	(8.042.638.880.199)	(4.438.550.793.808)	28.375.392.257.860	(149.539.262.828.104)	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(106.797.683.927.984)	(41.182.558.995.573)	(4.263.628.331.642)	(2.326.443.957.469)	(1.264.607.809.611)	(7.615.054.109.329)	(4.129.136.084.101)	26.178.581.104.055	(141.400.532.111.654)	
Chi phí bán hàng	(7.371.152.707.248)	(709.367.286.935)	(446.045.201.873)	(331.246.358.268)	(303.779.627.854)	(162.842.130.942)	(193.114.405.683)	2.196.811.153.805	(7.320.736.564.998)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(12.873.053.371)	(91.678.692.836)	(130.909.242.791)	(201.490.218.502)	(264.742.639.928)	(116.300.304.024)	-	(817.994.151.452)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.268.079.280.229	519.579.461.773	245.106.728.619	169.891.804.055	61.182.384.060	426.353.001.434	258.716.156.778	208.885.220.766	4.157.794.037.714	
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết									456.054.595.116	
Doanh thu hoạt động tài chính									791.143.396.401	
Chi phí tài chính									(790.644.542.111)	
Kết quả từ các hoạt động khác									170.619.652.897	
Lợi nhuận trước thuế TNDN									4.784.967.140.017	
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(894.833.667.465)	
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại									21.529.227.908	
Lợi nhuận sau thuế TNDN									3.911.662.700.460	

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong lãnh thổ Việt Nam		Ngoài lãnh thổ Việt Nam		Hợp nhất	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu bán ra bên ngoài	163.710.692.596.332	136.810.677.900.732	28.268.582.667.126	16.925.532.667.590	191.979.275.263.458	153.736.210.568.322
Tài sản của bộ phận	54.714.699.522.139	56.044.855.473.460	1.456.483.593.544	5.724.205.619.099	56.171.183.115.683	61.769.061.092.559
Chi tiêu vốn	2.623.015.220.186	2.492.470.710.040	17.785.831.491	33.312.349.168	2.640.801.051.677	2.525.783.059.208

5. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex (“PGCC”) được thành lập theo Nghị quyết số 45B/PLX-NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tập đoàn là cổ đông sáng lập sở hữu 99,99% vốn cổ phần của PGCC với tài sản góp vốn là quyền sở hữu cổ phần và phần vốn góp của Tập đoàn tại các công ty con và công ty liên kết sau:

- » Công ty con: Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex, Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, Công ty CP Cơ khí Xăng dầu, Công ty TNHH Hóa chất PTN, Công ty CP Thiết bị Xăng dầu, Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Petrolimex.
- » Công ty liên kết: Công ty CP Xây lắp I và Công ty CP Xây lắp III.

Sau đó, Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu tại PGCC xuống 35% thông qua thanh lý 64,99% cổ phần của PGCC cho một số nhà đầu tư. Việc thoái vốn này làm giảm tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày Tập đoàn thực hiện thoái vốn tại PGCC như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày thoái vốn VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.321.053.315
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.671.257.914
Các khoản phải thu ngắn hạn	428.468.754.002
Hàng tồn kho	415.041.830.591
Tài sản ngắn hạn khác	59.394.690.880
Các khoản phải thu dài hạn	1.080.000.000
Tài sản cố định hữu hình	226.625.486.046
<i>Nguyên giá</i>	457.473.001.017
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(230.847.514.971)
Tài sản cố định vô hình	28.195.145.403
<i>Nguyên giá</i>	36.844.556.516
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(8.649.411.113)
Bất động sản đầu tư	3.239.901.894
<i>Nguyên giá</i>	7.331.842.478
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(4.091.940.584)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	72.148.498.979
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	123.523.524.650
Chi phí trả trước dài hạn	58.971.164.420
Tài sản dài hạn khác	90.933.696
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	(897.223.517.214)
Nợ dài hạn	(37.349.657.494)
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần	671.199.067.082

Tập đoàn ghi nhận số lợi nhuận sau từ việc thanh lý 64,99% cổ phần của PGCC vào Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong năm:

	VND
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của các đơn vị trên tại ngày Tập đoàn thoái vốn tại PGCC	391.741.106.320
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tương ứng với phần sở hữu	
Tập đoàn đã thanh lý	(254.631.719.108)
Tiền thu được từ việc thoái vốn tại PGCC	266.407.728.000
Lợi nhuận từ thoái vốn tại PGCC (Thuyết minh 26)	11.776.008.892

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	83.530.536.491	95.186.726.707
Tiền gửi ngân hàng	3.786.618.284.917	5.203.028.655.949
<i>Trong đó:</i>		
» <i>Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá (i)</i>	1.372.574.859.359	3.215.870.855.058
Tiền đang chuyển (ii)	283.065.820.669	407.689.530.579
Các khoản tương đương tiền	6.067.620.904.959	8.517.516.595.026
	10.220.835.547.036	14.223.421.508.261

(i) Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng.

Tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu chỉ được sử dụng cho mục đích bình ổn giá và không được sử dụng cho mục đích nào khác.

(ii) Tiền đang chuyển thể hiện lượng tiền tồn quỹ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc các công ty xăng dầu thành viên. Các khoản tiền này được chuyển về tài khoản ngân hàng của các công ty xăng dầu thành viên vào ngày làm việc tiếp theo.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
» Tiền gửi có kỳ hạn	4.712.009.348.225	4.712.009.348.225	2.501.039.531.488	2.527.386.712.043
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
» Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước.

(b) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2018		1/1/2018	
				Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Hà Nội	Vận tải xăng dầu	100%	100%	100%	100%
2	Công ty LD TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	Khánh Hòa	Lưu trữ, mua bán xăng tại cửa khẩu	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%
3	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	Hà Nội	Kinh doanh các sản phẩm từ hóa dầu	79,07%	79,07%	79,07%	79,07%
4	Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP	Hà Nội	Mua bán sản phẩm gas	52,37%	52,37%	52,37%	52,37%
5	Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Hà Nội	Vận tải xăng dầu	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore (“PLS”)	Singapore	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
7	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	Hà Nội	Cung cấp nhiên liệu bay cho các hãng hàng không	59,00%	59,00%	59,00%	59,00%
8	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	Lào	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
9	Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Kiên Giang	Kinh doanh xăng dầu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
10	Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ vận tải	88,88%	57,62%	88,88%	57,62%
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Châu	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh nước đá, hải sản đông lạnh	92,04%	92,04%	92,04%	92,04%
12	Công ty Thương mại Dịch vụ Cái Bè	Tiền Giang	Sản xuất, kinh doanh nước đá, hải sản đông lạnh	63,04%	63,04%	63,04%	63,04%
13	Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex (i)	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu	-	-	52,67%	52,67%
14	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (i)	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	-	-	51,00%	51,00%
15	Công ty CP Cơ khí Xăng dầu (i)	TP Hồ Chí Minh	Chế tạo các công cụ, máy móc ngành xăng dầu	-	-	46,00%	46,00%
16	Công ty TNHH Hóa chất PTN (i)	Hải Phòng	Sản xuất các chất liệu bề mặt liên quan đến xăng	-	-	60,00%	60,00%
17	Công ty CP Thiết bị Xăng dầu (i)	Hà Nội	Cung cấp các thiết bị ngành xăng dầu	-	-	50,48%	50,48%
18	Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex (i)	Hà Nội	Phát triển các sản phẩm phần mềm	-	-	50,33%	50,33%
19	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Petrolimex (i)	Hà Nội	Tư vấn xây dựng	-	-	51,00%	51,00%

(i) Như trình bày tại Thuyết minh 5, trong năm Tập đoàn sử dụng các khoản đầu tư vào các công ty con này để góp vốn vào PGCC.

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2018		1/1/2018	
				Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Các công ty con thuộc Khối xăng dầu trực thuộc							
20	Công ty Xăng dầu B12 – Công ty TNHH MTV	Quảng Ninh	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
21	Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
22	Công ty Xăng dầu KV1 – Công ty TNHH MTV	Hà Nội	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
23	Công ty Xăng dầu KV5 – Công ty TNHH MTV	Đà Nẵng	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
24	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cần Thơ	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
25	Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
26	Công ty Xăng dầu Nghệ An	Nghệ An	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
27	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Nam Định	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
28	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Khánh Hòa	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
29	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Hà Nội	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
30	Công ty Xăng dầu KV3 – Công ty TNHH MTV	Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2018		1/1/2018	
				Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
31	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Long	Vĩnh Long	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
32	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Gia Lai	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
33	Công ty Xăng dầu Bình Định	Bình Định	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
34	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa – Công ty TNHH MTV	Thanh Hóa	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
35	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Đắk Lak	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
36	Công ty Xăng dầu Long An	Long An	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
37	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	Cà Mau	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
38	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tiền Giang	Tiền Giang	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
39	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
40	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Thái Nguyên	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
41	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Huế	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
42	Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Tây Ninh	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
43	Công ty Xăng dầu Lào Cai	Lào Cai	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
44	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Phú Thọ	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
45	Công ty Xăng dầu Sông Bé – Công ty TNHH MTV	Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
46	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Lâm Đồng	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
47	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
48	Công ty Xăng dầu Bến Tre	Bến Tre	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
49	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Bắc Giang	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
50	Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	An Giang	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
51	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Quảng Trị	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
52	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Quảng Bình	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
53	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Đồng Tháp	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
54	Công ty Xăng dầu Điện Biên	Điện Biên	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
55	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Trà Vinh	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
56	Công ty Xăng dầu Hà Giang	Hà Giang	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
57	Công ty Xăng dầu Yên Bái	Yên Bái	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
58	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Cao Bằng	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
59	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Tuyên Quang	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
60	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
61	Công ty Xăng dầu Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%
62	Công ty Xăng dầu Lai Châu	Lai Châu	Kinh doanh xăng dầu	100%	100%	100%	100%

(c) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2018					1/1/2018				
						Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Công ty liên doanh															
1	Công ty TNHH Castrol BP-PETCO Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	Chế biến các sản phẩm dầu nhờn	35,00%	35,00%	396.364.711.746	-	(*)	35,00%	35,00%	274.448.634.715	-	(*)		
Công ty liên kết															
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (i)	Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ ngân hàng	40,00%	40,00%	1.475.343.544.182	-	(*)	40,00%	40,00%	1.423.938.546.859	-	(*)		
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (i)	Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm	40,95%	40,95%	610.045.717.388	-	657.542.592.000	40,95%	40,95%	601.084.773.323	-	965.969.137.532		
3	Công ty CP Du lịch Thương mại Kiên Giang	Kiên Giang	Nông sản, xăng dầu	38,94%	38,94%	168.575.489.297	-	(*)	38,94%	38,94%	144.544.689.844	-	(*)		
4	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Hà Nội	Kinh doanh thương mại	35,00%	35,00%	145.884.559.733	-	(*)	-	-	-	-	-		
5	Công ty CP Phát triển nhà Petrolimex – Tradoco	Vũng Tàu	Kinh doanh bất động sản	46,00%	46,00%	93.596.193.484	-	(*)	37,00%	37,00%	92.436.154.529	-	(*)		
6	Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng, khai thác, quản lý và bảo trì hệ thống đường cao tốc quốc gia	22,38%	22,38%	21.313.651.354	-	(*)	22,38%	22,38%	21.646.629.028	-	(*)		
7	Công ty CP Vườn Mê Kông (ii)	Tiền Giang	Mua bán hàng hóa	40,00%	40,00%	10.500.000.000	(503.752.212)	(*)	40,00%	40,00%	11.220.000.000	(539.237.357)	(*)		
8	Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu	21,32%	21,32%	11.979.816.214	-	(*)	21,32%	21,32%	8.014.100.107	-	(*)		
9	Công ty TNHH Bất động sản Tribeca Avenue	Khánh Hòa	Kinh doanh bất động sản	-	-	-	-	-	26,00%	26,00%	5.200.000.000	-	(*)		
10	Công ty CP Thương mại Tuyên Quang	Tuyên Quang	Kinh doanh thương mại	27,73%	27,73%	2.023.978.424	-	(*)	27,73%	27,73%	1.892.671.550	-	(*)		
11	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Việt Nam (ii)	Tiền Giang	Mua bán hàng hóa	40,00%	40,00%	1.800.000.000	(261.917.003)	(*)	40,00%	40,00%	1.800.000.000	(261.917.003)	(*)		
12	Công ty CP Bất động sản Nghệ An	Nghệ An	Kinh doanh bất động sản	-	-	-	-	-	47,50%	47,50%	4.212.934.279	-	(*)		
13	Công ty CP Xây lắp I (iii)	Hà Nội	Xây lắp	-	-	-	-	-	30,00%	30,00%	63.897.019.142	-	(*)		
14	Công ty CP Xây lắp III (iii)	Hồ Chí Minh	Xây lắp	-	-	-	-	-	30,00%	30,00%	23.651.673.251	-	(*)		
						2.937.427.661.822	(765.669.215)	(*)			2.677.987.826.627	(801.154.360)	(*)		

Như trình bày tại Thuyết minh 3(a)(iv), Tập đoàn đã có kế hoạch thoái vốn tại PJICO và PG Bank. Ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông của PG Bank, thông qua Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-PGB, phê duyệt để án sáp nhập PG Bank vào Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"). Theo đề án này, tỷ lệ sở hữu dự kiến của Công ty mẹ tại HDBank sau sáp nhập là 5,62%. Cho đến ngày phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này, việc sáp nhập chưa được hoàn thành.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp giá gốc. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc chưa được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các công ty này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn do giá trị khoản đầu tư không trọng yếu.

Như trình bày tại Thuyết minh 5, trong năm Tập đoàn sử dụng các khoản đầu tư vào các công ty con này để góp vốn vào PGCC.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

(d)

STT	Tên công ty	31/12/2018			1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1	Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	-	(*)
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	49.913.937.200	(15.244.508.450)	34.669.428.750	49.913.937.200	-	31.258.729.471
3	Công ty Cổ phần An Phú	110.724.000.000	(105.560.000.000)	(*)	110.724.000.000	(104.914.500.000)	(*)
4	Các công ty khác	90.489.182.307	(4.263.522.704)	(*)	104.558.520.065	(5.056.607.706)	(*)
		301.127.119.507	(125.068.031.154)	(*)	315.196.457.265	(109.971.107.706)	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	881.910.509.824	414.704.154.829
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Xuyên Việt Oil	261.213.783.502	2.551.913.715.308
Công ty Thiên Minh Đức	241.120.552.132	814.838.081.466
Các khách hàng khác	5.621.627.278.623	3.030.446.293.190
	7.005.872.124.081	6.811.902.244.793

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu nộp thừa (i)	82.534.765.973	284.429.916.127
Thuế GTGT được khấu trừ chưa nhận được hóa đơn GTGT tại ngày báo cáo	135.479.264.278	-
Phải thu khác	299.250.569.337	306.087.915.272
	517.264.599.588	590.517.831.399

(i) Đây là khoản phải thu các chi cục hải quan liên quan đến thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu nộp thừa do chênh lệch giữa thuế nhập khẩu ưu đãi thông thường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo các hiệp định thương mại khu vực đối với một số mặt hàng xăng dầu nhập khẩu. Tập đoàn đã nộp thuế giá trị gia tăng cho các lô hàng nhập khẩu tính trên thuế nhập khẩu ưu đãi thông thường. Sau thông quan, các lô hàng nhập khẩu này đã được các chi cục hải quan ấn định hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, theo đó Tập đoàn sẽ được hoàn lại phần thuế giá trị gia tăng đã nộp thừa.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.129.427.214.836	(28.776.742.365)	4.237.792.771.786	-
Nguyên vật liệu	774.052.741.600	(9.548.827.972)	838.904.657.193	(13.806.129.002)
Công cụ và dụng cụ	34.631.765.797	-	35.551.079.298	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	155.219.231.294	-	139.163.140.390	(921.353.588)
Thành phẩm	201.080.715.819	-	243.338.727.923	-
Hàng hóa	8.588.987.221.392	(552.334.498.014)	7.390.431.949.506	(8.482.080.364)
Hàng gửi đi bán	2.155.324.736	-	5.578.445.992	-
	10.885.554.215.474	(590.660.068.351)	12.890.760.772.088	(23.209.562.954)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 243.538 triệu VND hàng mua đang đi trên đường (1/1/2018: Không) và 4.414.853 triệu VND hàng hóa (1/1/2018: 729.848 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.150.377.534.851	3.721.860.447.841	12.960.740.251.738	451.035.260.506	24.841.108.118	29.308.854.603.054
Tăng trong năm	206.335.878.176	273.317.409.010	218.755.228.418	83.095.736.361	2.726.094.219	784.230.346.184
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	773.608.150.285	122.528.112.265	269.253.253.800	16.650.964.551	1.241.968.857	1.183.282.449.758
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(55.150.313.097)	-	-	-	-	(55.150.313.097)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	2.827.431.017	(51.090.908)	(90.904.545)	62.462.924	-	2.747.898.488
Thanh lý và xóa sổ	(95.977.753.757)	(45.297.579.812)	(67.117.202.501)	(3.279.524.685)	(954.841.826)	(212.626.902.581)
Giảm do thanh lý công ty con	(179.492.163.873)	(232.495.269.419)	(39.789.876.856)	(5.450.997.140)	(244.693.729)	(457.473.001.017)
Phân loại lại	(18.793.616.637)	20.650.986.903	321.653.930	(414.773.081)	(1.764.251.115)	-
Biến động khác	(990.365.165)	(2.461.753.204)	(394.706.948)	(208.022.280)	4.746.090	(4.050.101.507)
Số dư cuối năm	12.782.744.781.800	3.858.051.262.676	13.341.677.697.036	541.491.107.156	25.850.130.614	30.549.814.979.282
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.918.463.656.780	2.453.430.397.465	7.248.499.787.276	348.237.349.433	14.508.542.298	15.983.139.733.252
Khấu hao trong năm	624.369.485.859	307.592.563.636	895.298.187.795	77.972.098.548	2.047.581.300	1.907.279.917.138
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(10.200.159.286)	-	-	-	-	(10.200.159.286)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	(2.837.085)	(8.511.363)	(498.107)	25.202.849	-	13.356.294
Thanh lý và xóa sổ	(79.499.113.848)	(43.985.516.827)	(59.550.828.905)	(3.207.598.579)	(954.841.826)	(187.197.899.985)
Giảm do thanh lý công ty con	(63.177.415.625)	(133.645.542.729)	(30.114.673.249)	(3.697.712.704)	(212.170.664)	(230.847.514.971)
Phân loại lại	7.779.066.319	(6.623.227.738)	266.470.759	(525.113.175)	(897.196.165)	-
Biến động khác	377.966.885	(242.011.725)	(419.706.819)	(132.843.499)	(2.446.595)	(419.041.753)
Số dư cuối năm	6.398.110.649.999	2.576.518.150.719	8.053.978.738.750	418.671.382.873	14.489.468.348	17.461.768.390.689
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.231.913.878.071	1.268.430.050.376	5.712.240.464.462	102.797.911.073	10.332.565.820	13.325.714.869.802
Số dư cuối năm	6.384.634.131.801	1.281.533.111.957	5.287.698.958.286	122.819.724.283	11.360.662.266	13.088.046.588.593

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng với giá trị là 6.513.334 triệu VND (1/1/2018: 4.083.093 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty con của Tập đoàn thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3.539.074 triệu VND (1/1/2018: 4.835.981 triệu VND) để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng (Thuyết minh 19(b)).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.970.162.332.980	12.318.432.200	477.519.721.876	28.000.102.266	2.488.000.589.322
Tăng trong năm	63.210.836.001	-	32.339.505.587	299.133.000	95.849.474.588
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	92.162.923.343	-	20.313.436.909	29.133.000	112.505.493.252
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.059.969.899)	-	-	-	(2.059.969.899)
Thanh lý và xóa sổ	(2.839.044.000)	-	(910.753.000)	(1.944.232.133)	(5.694.029.133)
Giảm do thanh lý công ty con	(27.451.613.327)	-	(3.905.722.100)	(5.487.221.089)	(36.844.556.516)
Phân loại lại	(352.536.072)	7.703.738.200	(7.856.743.200)	153.005.000	-
Biến động khác	2.092.832.929.026	-	(89.550.000)	1.734.000.000	1.291.913.928
Số dư cuối năm	151.954.702.065	20.022.170.400	517.409.896.072	22.783.920.044	2.653.048.915.542
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	151.954.702.065	6.637.278.814	366.180.188.165	18.179.397.146	542.951.566.190
Khấu hao trong năm	21.731.808.219	2.343.942.939	63.060.717.720	1.224.541.336	88.361.010.214
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(309.516.391)	-	-	-	(309.516.391)
Thanh lý và xóa sổ	(1.882.876.412)	-	(726.729.292)	(1.942.457.361)	(2.669.186.653)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(1.644.370.318)	(5.122.164.383)	(8.649.411.113)
Phân loại lại	-	5.554.844.307	(5.619.530.088)	64.685.781	-
Biến động khác	-	-	-	244.430.556	244.430.556
Số dư cuối năm	171.494.117.481	14.536.066.060	421.250.276.187	12.648.433.075	619.928.892.803
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.818.207.630.915	5.681.153.386	111.339.533.711	9.820.705.120	1.945.049.023.132
Số dư cuối năm	1.921.338.811.545	5.486.104.340	96.159.619.885	10.135.486.969	2.033.120.022.739

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng với giá trị là 360.570 triệu VND (1/1/2018: 141.260 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty con của Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 64.654 triệu VND (1/1/2018: 45.922 triệu VND) để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng (Thuyết minh 19(b)).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	196.144.539.486	162.031.521.304
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	3.234.686.485	3.234.686.485
	199.379.225.971	165.266.207.789

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	53.555.715.660	164.502.034.897	218.057.750.557
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	461.078.134	461.078.134
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	55.150.313.097	55.150.313.097
Phân loại lại	1.585.969.857	(1.585.969.857)	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	(7.331.842.478)	(7.331.842.478)
Số dư cuối năm	55.141.685.517	211.195.613.793	266.337.299.310
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	30.049.184.726	25.977.044.527	56.026.229.253
Khấu hao trong năm	184.275.451	7.874.036.418	8.058.311.869
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	10.200.159.286	10.200.159.286
Phân loại lại	638.125.379	(638.125.379)	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	(4.091.940.584)	(4.091.940.584)
Số dư cuối năm	30.871.585.556	39.321.174.268	70.192.759.824
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	23.506.530.934	138.524.990.370	162.031.521.304
Số dư cuối năm	24.270.099.961	171.874.439.525	196.144.539.486

Bất động sản đầu tư cho thuê thuộc về một công ty con của Tập đoàn. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê nêu trên chưa được xác định do không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

(b) Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	3.234.686.485

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tập đoàn là mảnh đất tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này chưa được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	777.729.469.586	604.702.429.151
Mua mới trong năm	1.633.773.757.057	1.261.665.429.760
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.183.282.449.758)	(773.645.542.539)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(112.505.493.252)	(60.366.793.335)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(461.078.134)	(3.234.686.485)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(128.984.860.739)	(93.784.881.357)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(517.932.643)	(8.204.227.849)
Thanh lý và xóa sổ	(9.562.307.786)	(20.130.745.714)
Sử dụng dự phòng sửa chữa lớn	(26.877.225.488)	(83.488.000.624)
Giảm do thanh lý công ty con	(72.148.498.979)	(49.795.655.185)
Biến động khác	(2.149.969.607)	4.012.143.763
Số dư cuối năm	875.013.410.257	777.729.469.586

Các hạng mục/dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công trình Tòa nhà 37 Phan Bội Châu	137.953.176.564	136.881.558.729
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	60.498.582.070	19.053.089.042
Công trình Tòa nhà VP Điện Biên Phủ	34.473.480.346	3.521.658.866
Dự án xây dựng Nhà máy Dầu nhờn Đình Vũ	29.840.819.026	15.860.607.248
CHXD số 15 của Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	40.024.123.909	-
Kho Xăng dầu Petrolimex tại Thanh Hóa (Kho Nghi Sơn)	22.688.340.581	136.363.636
Công trình Kho Đình Vũ	-	50.259.691.598
Các dự án khác	549.534.887.761	552.016.500.467
	875.013.410.257	777.729.469.586

	Vô bình gas		Lợi thế kinh doanh liên quan đến cổ phần hóa		Tiền thuê đất		Chi phí sửa chữa lớn tài sản		Công cụ và dụng cụ		Chi phí trả trước dài hạn khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	272.695.920.164	216.856.135.677	1.057.920.838.403	130.302.633.398	117.989.071.919	222.471.056.849	2.018.235.656.410							
Tăng trong năm	57.970.528.279	-	179.723.351.936	125.627.458.705	87.045.603.150	240.033.302.105	690.400.244.175							
Chuyển từ/(sang) TSCĐ hữu hình	-	-	(190.000.000)	(549.421.697)	143.500.715	(2.138.621.212)	(2.734.542.194)							
Chuyển từ/(sang) TSCĐ vô hình	-	-	3.750.453.508	-	-	(2.000.000.000)	1.750.453.508							
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	93.223.987.878	27.945.026.995	2.002.122.154	5.813.723.712	128.984.860.739							
Thanh lý và xóa sổ	(1.610.304.311)	-	(2.683.132.556)	-	(925.946.233)	(522.250.763)	(5.741.633.863)							
Phân bổ trong năm	(59.177.431.717)	(54.214.033.920)	(68.435.670.735)	(130.307.696.778)	(90.982.136.955)	(133.475.650.824)	(536.592.620.929)							
Phân loại lại	-	-	(107.851.166.916)	15.497.916.622	(21.642.150.794)	113.995.401.088	-							
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(48.358.108.105)	(4.674.107.721)	(3.765.967.917)	(2.172.980.677)	(58.971.164.420)							
Biến động khác	-	-	(1.134.887.121)	116.118.986	(26.779.398)	(930.807.103)	(1.976.354.636)							
Số dư cuối năm	269.878.712.415	162.642.101.757	1.105.965.666.292	163.957.928.510	89.837.316.641	441.073.173.175	2.233.354.898.790							

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.163.328.126.006	4.076.925.314.975
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	3.134.835.927.322	-
Vitol Asia Pte Ltd	1.235.016.059.511	2.067.997.501.274
Petco Trading Lubuan Co Ltd	107.070.368.415	2.240.314.695.604
Các nhà cung cấp khác	4.849.539.243.845	6.885.690.931.569
	12.489.789.725.099	15.270.928.443.422

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty liên kết		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	16.580.481.558	-
Công ty TNHH Castrol BP-PETCO Việt Nam	24.497.107.815	1.662.025.979
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	22.357.819.209	-
Các công ty liên kết khác	63.767.289.299	21.707.045.785
	127.202.697.881	23.369.071.764

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết Thuế và các khoản phải thu/(phải nộp) Nhà nước tại ngày báo cáo như sau:

	1/1/2018		Số phát sinh trong năm		Số đã nộp/được hoàn trả trong năm		Biến động do thanh lý công ty con		31/12/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	(186.063.686.560)	(3.230.352.966.000)	3.222.891.342.730	3.354.983.011	(190.170.326.819)					
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	243.352.164.671	(8.064.599.716.707)	7.856.243.058.715	196.619.110	35.192.125.789					
Thuế tiêu thụ đặc biệt	268.792.866.301	(2.899.997.349.082)	3.035.297.470.120	(79.973.654)	404.013.013.685					
Thuế xuất nhập khẩu	2.324.416.182.152	(2.572.325.823.965)	972.079.370.369	883.926.121	725.053.654.677					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(206.404.582.261)	(983.536.798.148)	967.768.822.649	(548.505.598)	(222.721.063.358)					
Thuế thu nhập cá nhân	(15.250.332.664)	(100.991.699.072)	98.344.975.350	733.273.666	(17.163.782.720)					
Thuế nhà đất	(65.468.428.717)	(278.509.849.983)	317.676.528.062	(1.999.885.416)	(28.301.636.054)					
Thuế bảo vệ môi trường	(1.168.020.251.418)	(20.708.973.396.397)	20.609.387.493.612	-	(1.267.606.154.203)					
Các loại thuế khác	(15.493.630.545)	(262.341.834.815)	277.908.184.845	(135.991)	72.583.494					
<i>Trong đó:</i>										
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.910.198.024.758				1.324.555.775.906					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(1.730.337.723.799)				(1.886.187.361.415)					
	1.179.860.300.959				(561.631.585.509)					

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn		31.629.277.826	30.843.556.623
Cổ tức phải trả		12.520.600.340	7.905.382.963
Phải trả, phải nộp khác		191.443.467.245	204.618.303.120
		235.593.345.411	243.367.242.706

CÁC KHOẢN VAY

(a) **Vay ngắn hạn**

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại từ vay dài hạn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (i)	13.103.774.882.310	98.832.209.442.989	(99.616.575.107.941)	-	342.311.198.786	12.184.599.870.581
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	641.305.897.997	5.910.723.726	(689.747.125.399)	1.205.271.147.186	12.141.424.135	1.172.882.067.645
	13.745.080.780.307	98.838.120.166.715	(100.306.322.233.340)	1.205.271.147.186	354.452.622.921	13.357.481.938.226

(i) Chủ yếu phản ánh các khoản vay ngân hàng bằng VND và USD có kỳ hạn từ 3 đến dưới 12 tháng của Công ty mẹ, Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP, Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore, Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP và Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex được thực hiện dưới hình thức tín chấp nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và mở các tín dụng thư (L/C) nhập khẩu xăng dầu.

(b) **Vay dài hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	2.523.253.117.486	3.047.743.109.732
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)	(1.172.882.067.645)	(641.305.897.997)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.350.371.049.841	2.406.437.211.735

Vay dài hạn chủ yếu bao gồm các khoản vay ngân hàng có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 120 tháng của các công ty con trong Tập đoàn. Chi tiết như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Liên doanh TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	988.399.647.368	1.239.598.622.845
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	467.686.987.111	638.611.395.929
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	232.606.875.000	373.758.250.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	308.340.237.990	302.122.405.900
Các công ty con khác	526.219.370.017	493.652.435.058
	2.523.253.117.486	3.047.743.109.732

Mục đích của các khoản vay dài hạn là để tài trợ cho các dự án đầu tư, xây dựng kho xăng dầu, mua tàu chở dầu và các dự án khác của Tập đoàn.

Các khoản vay dài hạn của Tập đoàn chủ yếu là các khoản vay bằng USD. Lãi suất của các khoản vay này hầu hết là lãi suất thả nổi, được tính theo lãi suất LIBOR, SIBOR 6 tháng hoặc lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 và 13 tháng của các ngân hàng cho vay cộng biên độ nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh hoặc một mức lãi suất sàn được quy định trong hợp đồng vay.

Các khoản vay dài hạn của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.539.074 triệu VND (1/1/2018: 4.835.981 triệu VND) và tài sản cố định vô hình với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 65.654 triệu VND (1/1/2018: 45.922 triệu VND).

20. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.040.080.594.879	1.830.978.066.020
Tăng trong năm	2.502.512.535.103	2.482.212.981.584
Giảm trong năm	(3.624.076.191.605)	(1.285.657.718.676)
Lãi phát sinh từ tài khoản tiền gửi	12.004.405.847	12.547.265.951
Số dư cuối năm	1.930.521.344.224	3.040.080.594.879
Trong đó:		
» Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu tại ngân hàng (Thuyết minh 6)	1.372.574.859.359	3.215.870.855.058
» Số tiền thu vào/(chi ra từ) tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu	557.946.484.865	(175.790.260.179)
Số dư cuối năm	1.930.521.344.224	3.040.080.594.879

21. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	12.938.780.810.000	3.003.630.250.509	990.113.907.720	(1.550.648.460.000)	(1.317.118.937.352)	(73.836.949.005)	743.691.793.605	80.994.720.997	5.162.212.103.107	3.222.785.809.457	23.200.605.049.038
Cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	-	811.067.745.500	-	200.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.011.067.745.500
Các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(1.664.309.589)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.664.309.589)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	3.468.269.610.133	443.393.090.327	3.911.662.700.460
Dùng thặng dư vốn cổ phần tái cấu trúc công ty con (sở hữu 100% vốn)	-	(1.566.036.132.797)	-	-	-	-	-	-	1.566.036.132.797	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	-	-	79.262.876.853	-	-	-	-	79.262.876.853
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.736.013.869.640)	(268.565.128.399)	(4.004.578.998.039)
Cổ phiếu thưởng	-	-	4.283.717.700	-	-	-	-	-	(4.283.717.700)	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	206.492.694.929	1.252.002.338.768	(1.458.495.033.697)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(393.243.150.840)	(45.509.258.595)	(438.752.409.435)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.500.000.000	-	-	-	(7.500.000.000)	-	-	-	-
Biến động do mất quyền kiểm soát các công ty con	-	-	130.512.608.377	-	-	-	(5.135.743.860)	(4.478.235.338)	(4.712.439.131)	(552.906.900.638)	(436.720.710.590)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35.562.201.567	35.562.201.567
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	14.138.444.904	4.706.754.745	(21.200.080.828)	29.895.900.366	27.541.019.187
Số dư tại ngày 1/1/2018	12.938.780.810.000	2.246.997.553.623	1.132.410.233.797	(1.350.648.460.000)	(1.317.118.937.352)	5.425.927.848	951.687.189.578	1.333.225.579.172	4.578.569.554.201	2.864.655.714.085	23.383.985.164.952
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	3.649.759.187.678	398.325.115.908	4.048.084.303.586
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.476.439.705.000)	(216.705.918.061)	(3.693.145.623.061)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	68.556.333.941	-	(68.556.333.941)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(416.016.691.836)	(35.964.722.479)	(451.981.414.315)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	-	-	6.816.232.855	-	-	-	-	6.816.232.855
Công ty con tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	12.883.793.280	-	-	-	-	-	(12.883.793.280)	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(43.496.097.304)	-	22.393.422.618	-	(33.834.374.367)	-	54.937.049.053	(279.457.960.762)	(279.457.960.762)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	(8.004.166.199)	-	-	-	(15.271.977.433)	3.816.786.244	(18.748.728.727)	8.190.425.609	(30.017.660.506)
Số dư tại ngày 31/12/2018	12.938.780.810.000	2.246.997.553.623	1.093.793.763.574	(1.350.648.460.000)	(1.294.725.514.734)	12.242.160.703	971.137.171.719	1.337.042.365.416	4.290.620.538.148	2.739.042.654.300	22.984.283.042.749

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn thể hiện điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch còn lại giữa giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được định giá lại khi cổ phần hóa và giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư (Thuyết minh 3(p)).

22. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.293.878.081	12.938.780.810.000	1.293.878.081	12.938.780.810.000
Vốn cổ phần đang lưu hành	1.158.813.235	11.588.132.350.000	1.158.813.235	11.588.132.350.000
Nhà nước	981.686.626	9.816.866.260.000	981.686.626	9.816.866.260.000
Cổ đông khác	177.126.609	1.771.266.090.000	177.126.609	1.771.266.090.000
Cổ phiếu quỹ (*)	135.064.846	1.350.648.460.000	135.064.846	1.350.648.460.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần đang lưu hành trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND (theo mệnh giá)	Số cổ phiếu	VND (theo mệnh giá)
Số dư đầu năm	1.158.813.235	11.588.132.350.000	1.138.813.235	11.388.132.350.000
Cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	-	-	20.000.000	200.000.000.000
Số dư cuối năm	1.158.813.235	11.588.132.350.000	1.158.813.235	11.588.132.350.000

(*) Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty mẹ đã bán thành công 12.000.000 cổ phiếu quỹ.

23. CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu này sẽ được dùng để phân phối lợi nhuận cho các cổ đông trong các năm sau.

24. CỔ TỨC

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết số 01/2018/PLX-NQ-ĐHĐCĐ đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức bằng tiền với tỷ lệ cổ tức là 30% trên mệnh giá tương đương với 3.476.439.705.000 VND (2017: 3.736.013.869.640 VND). Khoản cổ tức này đã được trả trong năm 2018.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ (Xăng dầu dự trữ quốc gia)

		31/12/2018	1/1/2018
Xăng RON 92	Lít 15	74.585.145	75.486.010
Dầu Diesel 0,05S	Lít 15	139.085.788	139.260.340
Mazút	Kg	39.752.150	39.766.466

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	11.379.361	254.545.009.881	13.059.206	295.971.126.884
JPY	820.393	164.718.507	1.147.274	233.363.620
EUR	4.162	110.493.843	43.104	1.163.861.019
		254.820.222.231		297.368.351.523

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các hợp đồng mua ngoại tệ có kỳ hạn còn hiệu lực sau:

Hợp đồng số	Thời hạn (ngày)	Số lượng ngoại tệ USD	Tỷ giá kỳ hạn USD/VND	Ngày thực hiện	Số tiền thanh toán VND
1806/HDNT-EIBHN/2018	97	9.200.000	23.485	16/1/2019	216.062.000.000
1865/HDNT-EIBHN/2018	95	7.160.000	23.488	22/1/2019	168.174.080.000
1878/HDNT-EIBHN/2018	92	7.400.000	23.481	22/1/2019	173.759.400.000
Techcombank 241018	92	8.010.483	23.499	24/1/2019	188.238.349.182
41-2018/MBNT-FW	83	9.421.265	23.482	23/1/2019	221.230.140.034
1977/HDNT-EIBHN/2018	92	8.312.708	23.488	1/2/2019	195.248.893.020
1995/HDNT-EIBHN/2018	86	7.284.131	23.461	30/1/2019	170.892.986.364
					1.333.605.848.600

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	610.190.511.625	515.204.241.477
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	5.225.916.191
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.261.686.970	39.536.439.531
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	326.719.141.804	200.298.636.528
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.322.481.135	12.267.795.257
Lãi bán hàng trả chậm	10.914.748.047	10.451.832.382
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 4(b))	11.776.008.892	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	71.847.163	8.158.535.035
	994.256.425.636	791.143.396.401

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	864.678.771.880	570.685.109.732
Chiết khấu thanh toán	3.442.193.191	6.151.030.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	592.880.097.383	165.133.193.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.654.510.449	5.798.722.377
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	15.866.673.181	14.352.470.408
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.512.304.823	28.524.015.673
	1.508.034.550.907	790.644.542.111

28. PHẦN LÃI TRONG CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2018 VND	2017 VND
Công ty liên doanh:		
Công ty TNHH Castrol BP-PETCO Việt Nam	496.070.161.436	394.054.084.407
Công ty liên kết:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	50.768.470.028	26.169.695.664
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	57.985.801.868	15.341.622.449
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Kiên Giang	13.384.192.449	2.520.979.844
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Petrolimex	8.775.242.521	-
Công ty Cổ phần Xây lắp I	-	12.013.659.894
Công ty Cổ phần Vật liệu Xăng dầu Chất đốt Đồng Nai	4.394.912.676	4.045.645.916
Các công ty liên kết khác	4.004.702.181	1.908.906.942
	635.383.483.159	456.054.595.116

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	3.056.977.724.789	3.183.684.688.435
Chi phí vật liệu, bao bì	49.493.084.688	34.436.038.176
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	170.929.216.907	136.483.947.455
Chi phí khấu hao và phân bổ	739.245.082.198	696.467.005.331
Chi phí bằng tiền khác	4.543.125.372.543	3.269.664.885.601
	8.559.770.481.125	7.320.736.564.998

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.486.716.791.208	3.910.189.173.636
Chi phí nhân công	4.469.968.485.549	4.433.869.242.185
Chi phí khấu hao	2.072.134.909.956	2.270.612.080.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.399.950.227.725	4.928.172.960.560
Chi phí khác	1.352.349.210.742	1.244.249.261.913

31. THUẾ THU NHẬP

(a) Chi phí thuế thu nhập theo hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018 VND	2017 VND
Hoạt động kinh doanh xăng dầu	824.512.472.105	685.221.035.425
Hoạt động kinh doanh hóa dầu	41.046.157.751	43.676.177.907
Hoạt động kinh doanh sản phẩm gas	39.412.300.505	39.639.022.623
Hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm	-	20.446.886.389
Hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải	82.791.832.221	71.361.154.621
Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	6.712.710.995	12.960.162.592
	994.475.473.577	873.304.439.557

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	966.964.751.496	855.873.946.373
Dự phòng thiếu các năm trước	16.570.797.652	38.959.721.092
	983.535.549.148	894.833.667.465
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	10.939.924.429	(21.529.227.908)
Chi phí thuế thu nhập	994.475.473.577	873.304.439.557

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.042.559.777.163	4.784.967.140.017
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ	1.008.511.955.433	956.993.428.003
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với PLS và VPT	(10.863.407.724)	(20.381.840.413)
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.488.851.280	10.729.809.368
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	67.524.461.447	6.858.542.044
Thu nhập không bị tính thuế	(129.129.034.026)	(99.117.625.861)
Biến động chênh lệch tạm thời được khấu trừ	37.837.772.915	-
Dự phòng thiếu các năm trước	16.570.797.652	38.959.721.092
Lỗ tính thuế được sử dụng mà trước đây chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(17.465.923.400)	(20.737.594.676)
	994.475.473.577	873.304.439.557

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với Công ty mẹ và các công ty con là 20%, trừ các công ty con là Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore và Công ty Liên doanh TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong ("VPT") có mức thuế suất 10%.

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho năm 2018 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(i) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	Số cổ phiếu	
	2018	2017
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.158.813.235	1.138.813.235
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm	-	12.164.384
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	1.158.813.235	1.150.977.619

(ii) *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	2018	2017 (*)
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông (VND)	3.649.759.187.678	3.468.269.610.133
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm 2018 (VND)	(434.793.782.485)	-
	3.214.965.405.193	3.468.269.610.133
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	1.158.813.235	1.150.977.619
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.774	3.013

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn chưa ước tính số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017. Nếu Công ty mẹ điều chỉnh giảm khoản lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền bằng số quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017 được phân bổ trong năm 2018 là 416.016.691.836 VND (Thuyết minh 23), thì lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 361 VND.

33. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty TNHH Castrol BP-PETCO Việt Nam		
Cổ tức được chia	374.154.084.406	532.960.684.657
Mua hàng hóa	25.484.083.846	24.172.276.507
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
Mua ngoại tệ	23.538.838.487.934	31.336.938.082.570
Lãi tiền gửi	86.009.958.088	63.550.177.859
Thu phí dịch vụ quản lý, vận hành	13.434.248.823	10.722.567.515
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		
Mua dịch vụ	249.918.430.040	431.974.444.356
Công ty CP Xây lắp I		
Mua sắm tài sản	183.171.000	76.496.008.863
Công ty CP Xây lắp III		
Mua sắm tài sản	-	93.919.924.051
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	14.136.129.718	12.493.249.250
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	9.822.514.052	9.116.330.750

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:



Trần Xuân Đức
Kế toán



Nguyễn Bá Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Đức Thắng
Tổng Giám đốc



PETROLIMEX

Viet Nam National Petroleum Group

Tên viết tắt: PETROLIMEX (HOSE: PLX)

📍 Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội

☎️ (024) 3851-2603

📠 (024) 3851-9203

Website: www.petrokimex.com.vn
